

Wapson
#895
VBT58
+

tinh thương

NGUYỆT SAN TRANH ĐẤU VĂN HÓA XÃ HỘI DO SINH VIÊN Y KHOA CHỦ TRƯỞNG



CẢNH SĨNH HOẠT TRONG KIBBUTZ

ANH CỦA LIỆM BỐT

28

— Nông thôn Việt-Nam và công thức
Kibbutz Do - Thái

TÒA SOẠN : 27-29 Tạ-Thu-Thâu SAIGON — Đ.T. : 20.678

Chủ-nhiệm : PHẠM-ĐÌNH-VY Chủ bút : NGÔ-THẾ-VINH
Tổng-thư-ký : NGUYỄN-HỮU-ÂN Thư ký : TRẦN-CÔNG-PHÁT

CÁC TRƯỞNG BAN : QUAN ĐIỂM : ĐƯƠNG THIỆN ĐỒNG • KHẢO LUẬN : HÀ NGỌC THUẦN •
TRUYỆN NGẮN : HÀ LI HẢI • THƠ : PHẠM NGỌC LÂN • SINH HOẠT Y KHOA :
ĐỒ NGHỆ • BÀN TAY NẮM LẤY BÀN TAY : LÝ QUỐC BẢNG, VŨ CÔNG LIÊM •
THẾ GIỚI CHÚNG TÔI : ĐỖ TRẦN • SINH VIÊN VÀ ĐẠI HỌC : PHẠM HỒNG

trong số này

● QUAN ĐIỂM và KHẢO LUẬN

— Tuyên ngôn của Hiệp hội báo chí Sinh viên		III
— Tính số 4 tuần tranh đấu	PHẠM ĐÌNH VY	IV
— Bốn tuần tại Kibbutz	ĐƯƠNG THIỆN ĐỒNG	I
— Nông thôn Việt Nam	TRẦN HỮU NGHĨA	13
— Y sĩ Tiền tuyến	TRANG CHÂU	17
— Cuốn sổ tay Cao-nguyên	NGÔ THẾ VINH	21
— Căn lý chính trị	MÃN CHÍNH	26
— Đại học Kyoto	LÊ VĂN PHONG	31
— Sinh viên và Đại học		35

● VĂN NGHỆ

— Người chết ở Pleime (thơ)	PHAN HUY MỘNG	39
— Ngoại Cảnh (truyện ngắn)	NGÔ THẾ VINH	40
— Làn vế phố thị, Vết buồn tuổi thơ (thơ)		44
— Viên Đại sứ (truyện dịch)	PHẠM HỒNG	45
— Mưa lá me vàng (truyện ngắn)	PHƯƠNG TRANG	49

● CÁC MỤC THƯỜNG XUYÊN

— Nuôi Sọ	TRIỀU SƠN	51
— Lịch sử y học	HÀ HỢP NGHIÊM	54
— Mạo hiểm trong hai thế giới	BS PHẠM VĂN LƯƠNG	56
— Hẹp thơ		58

28

Tháng 4 - 1966

NĂM THỨ BA

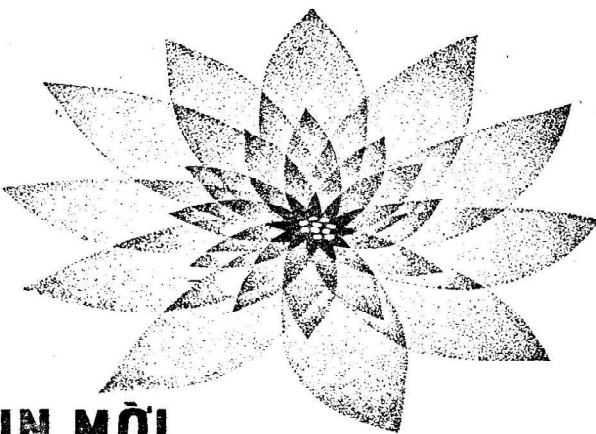
Kiểm Duyệt số 872
ngày 16-4-1966

H

K

V

N



**XIN MỜI
QUÝ-VỊ LUÔN LUÔN DU-NGOẠN**

bằng *Caravelle* của *ĐƯỜNG BAY Hoa sen* VIỆT-NAM
PHÂN LỤC-CÓ TRANG-LỆ NHÚT THẾ-GIỚI



3 SAIGON-HONGKONG
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

3 SAIGON-PHNOTPENH-BANGKOK
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

2 SAIGON-KUALA-LUMPUR-SINGAPORE
(Mỗi Thứ Tư và Thứ Năm)
(Trừ ngày Thứ Ba Saigon, PhnomPenh, Bangkok bằng DC-60)

* * *

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116 NGUYỄN-HUỆ SAIGON. 21.624.625.626

H

K

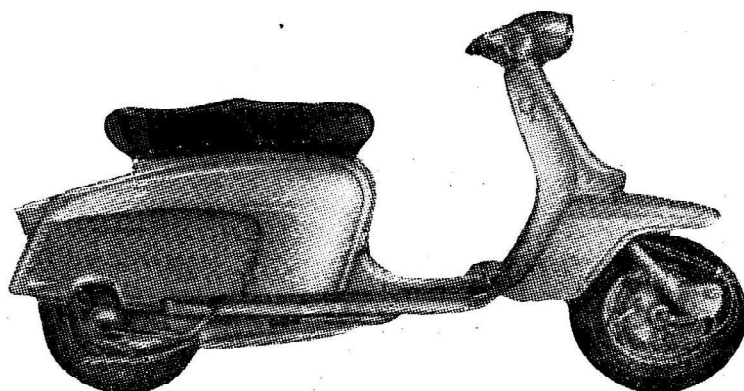
V

N

Lambretta
INNOCENTI

2 bánh

150 S



Tối tân nhất Hoàn cầu.

Mua tự do, xe giao nhanh chóng.

Xin liên lạc gấp :

LAMBRETTA V.N.70, Huỳnh - quang - Tiên
SAIGON

Đ. T. : 21927

VINACO6, Thoại - Ngọc - Hầu
GIA-ĐÌNHH

Đ. T. : 23552

HIỆP - HỘI BÁO CHÍ SINH - VIÊN SAIGON

Trụ sở tạm thời 95-B Gia - Long — SAIGON ★ Điện - thoại : 25878-20678

TUYÊN - NGÔN VỀ TỰ - DO NGÔN - LUẬN

Chúng tôi : nguyệt-san TÌNH THƯƠNG do sinh viên Y-Khoa chủ trương.

— nguyệt-san ĐẤT SỐNG do sinh viên Dược-Khoa chủ trương.

— Bán nguyệt-san SỬ-MẠNG do sinh viên Quốc-Gia Hành-Chánh

— chủ trương.

Cùng thỏa thuận sau khi đã bàn cãi, cho ra tuyên ngôn liên quan đến tự do ngôn luận như dưới đây :

NHẬN ĐỊNH :

1.— Tự do ngôn luận trong đó phải kể cả tự do Báo chí đã được Hiến-Chương LHQ qui định rõ ràng như một đệ-tứ-quyền không chịu sự kiểm soát hoặc lệ thuộc nhất là về phía chính quyền.

2.— Tự do Báo chí là bước đầu đề tiến tới việc xây dựng dân chủ.

3.— Chế độ kiểm duyệt Báo chí hiện tại hoàn toàn phi lý, máy móc, tắc trách và buồn nản.

4.— Sự phát triển và phổ biến Báo chí sinh viên vẫn được chính quyền coi như một trở ngại cho chế độ.

QUYẾT ĐỊNH :

1.— Khẩn thiết yêu cầu chấm dứt chế độ kiểm duyệt báo chí phi lý hiện tại.

2.— Hoàn toàn tán đồng bản quyết nghị về tự do báo chí của 24 đồng nghiệp nhật báo và tuần báo.

3.— Những người làm báo cần nhiều cơ hội và phương tiện để trau dồi nghề nghiệp.

4.— Thỏa luận và ban hành mau chóng Hiến Chương Báo chí sinh viên.

Làm tại Saigon, ngày 8 tháng 4 năm 1966

TM. Ban-chủ-trương TÌNH THƯƠNG Phạm-đình-Vy chủ nhiệm.

TM. Ban-chủ-trương ĐẤT SỐNG Nguyễn-ngọc-Bình chủ nhiệm.

TM. Ban-chủ-trương SỬ MẠNG Võ-tấn-Thọ chủ nhiệm.

TÍNH SỔ 4 TUẦN QUẦN CHÚNG TRANH ĐẤU CHÍNH TRỊ

Bài của PHẠM-ĐÌNH-VY

NHỮNG rối loạn chính trị đã bước sang tuần thứ tư với nhiều hứa hẹn đổ vỡ nhất là sau buổi họp báo vào chiều chúa nhật 3-4-66 của UBLĐQG và Nội các chiến tranh. Sự lo ngại ấy lại không do tình trạng căng thẳng đưa đến mà phát hiện sau lời đe dọa kém sửa soạn của Thiếu tướng Kỳ. Ở đây cũng cần ghi nhận cái hiện tượng « lăm mồn lăm mếp » của các chính trị gia nhà «banh» bình thường được cổ vấn mớ trước, họ ăn nói khá dễ dàng nhưng gặp phải các vấn đề chưa



Trung Tướng THI
sau canh bạc chính trị...

dọn kịp họ lúng túng thâm thương và lúc ấy nếu cái tính nhà banh « thích cương » dấy lên thì mồn họ tương vậ liền. Vì vậy lo mà hóa ra không lo, cải chính và nhận mình lăm lẩn sẽ giúp họ tiếp tục ăn ngủ và chúng ta được thở nhẹ nhõm.

TỪ GANH TỊ CÁ NHÂN SỰ KHAI THÁC LẦM LẪN CỦA NGƯỜI MỸ

Không như một số quan sát viên khác, chúng tôi đã tiên đoán (Tình Thương 27) bầu trời chính trị Miền Nam sẽ sập lại sau hội nghị Honolulu và chắc chắn khi nói lên điều ấy chúng tôi không làm các việc mờ mẩn của những người thầy bói ngồi la liệt trên vỉa hè đại lộ Hàm nghi lúc chiều xuống. Tổng thống Johnson ít hần đã nghĩ ngay đến hai tác dụng của hành động thoảng về anh hùng miền Texas của mình khi quyết định đường đột nhóm hội ở Honolulu : thổi ngọn gió sòng mát mẽ vào chính trường quốc hội Mỹ lúc phe chống đối đang tung hời mã thương và tạo dịp để trình làng con gà trời Nguyễn Cao Kỳ vừa hăng tiết vừa dễ dạy. Tại Honolulu, trên mặt báo Mỹ hay trong bất cứ câu nói của Tổng thống Johnson, chúng ta không thấy dịp nào mà người Mỹ lại không đề cao cá nhân tướng Kỳ dù có hơi phi lý. Trong cảnh ấy, người dễ bị xúc cảm đến uất ức là Trung tướng Nguyễn chánh Thi, một quân nhân có nhiều huy chương nhất và cũng dính líu khá nhiều với các âm mưu đảo chánh.

Tướng Thi đã lái miền Trung của ông theo ý ông. Thành quả hội nghị tột đỉnh Honolulu không được liên hoan và học tập tại bất cứ địa phương nào của miền đất cần, lại nửa trong những phiên họp. Tướng Thi đã dùng khá nhiều thì giờ để đã kích các lỗi lầm của chính phủ trung ương và cá nhân thiếu tướng Kỳ.

Trong quá khứ dưới thời cổ Tổng thống Diệm và nhất là lúc còn giữ chức tư lệnh Lữ đoàn Nhảy Dù, Đại Tá Thi được xem như một cấp

chỉ huy gan dạ và sáng suốt nhất. Thiếu tướng Kỳ lúc bấy giờ ở cấp bậc Thiếu tá, đứng đầu đơn vị phi đội quan sát và dù đôi khi có thực hiện một vài chuyến bay đêm thả biệt kích, ông chỉ nổi tiếng ở tài tấn công dân bà con gái. Sau cuộc đảo chánh hụt 11-11-1960, Đại Tá Thi vượt hẳn và bỏ xa viên phi công đa tình Nguyễn Cao Kỳ, danh tiếng ông đã ra khỏi biên giới quốc gia. Dù có được chỉ định làm tư lệnh không quân sau Đại Tá Mai, Trung tá Kỳ vẫn không được mọi người nhìn nhận là phần tử chủ chốt của Cách Mạng 1-11-63. Trong vòng 3 năm sau ngày lật đổ chính thể Diệm, Tướng Thi chỉ có một công trạng là truất phế Nguyễn Khánh mà thôi, còn Thiếu Tướng Kỳ với không quân nắm trong tay và đóng bản doanh gần Saigon nên đã nhiều dịp làm áp lực chống đảo chánh hụt để tự giới thiệu mình. Sự ganh tị giữa Thi Kỳ trở nên cừu địch khi hội đồng tướng lãnh bầu Thiếu tướng Kỳ làm chủ tịch UBHTP vào tháng 6-65. Trong thâm tâm và nhất là sau khi đã hoàn thành việc truất phế đại tướng Nguyễn Khánh, tướng Thi tin tưởng mình là người duy nhất để thay thế Khánh, và ông đã gặp một sự khó chịu bất ngờ, thời gian càng làm cho ông thêm tức tối nhất là khi có hội nghị Honolulu.

Người Mỹ với khối óc kinh doanh sẵn có, không bỏ lỡ cơ hội khai thác sự ganh tị của hai vị tướng tuy gọi là trẻ nhưng lắm râu này. Nếu thành công trong việc khai thác dẫn đến một sự thành toán lẫn nhau, người Mỹ sẽ hài lòng vì đã chặn đứng được nạn sự quân thường thấy trong sử Tàu. Suốt trong nhiều biến cố người Mỹ vẫn chưa tìm ra lý do cụ thể để biến Thi thành đối tượng của Kỳ hoặc ngược lại. Với Honolulu, người Mỹ đã để lộ cái ý định chọn tướng Kỳ làm con cờ và tất nhiên tướng Thi cay cú. Chiều bài « trung ương tập quyền » để thực hiện xã hội mới do người Mỹ đưa ra đã làm tướng Kỳ khoái sảng lúc men rượu Honolulu còn nồng, thúc bách ông ta tiến nhanh trong thế cờ người Mỹ. Sau vụ xích mích về việc tổ chức kỷ niệm đệ nhất chu niên ngày oanh tạc Bắc Việt của KQVN ở Đà Nẵng (về sau phải lủi bỏ) đã buộc tướng Kỳ phải nghỉ đêm tại đây, chúng ta thấy mỗi lửa đã nhúm nhất là qua câu nói với bạn bè thân của tướng Kỳ lúc thoát vòng vây trở về Sài Gòn :

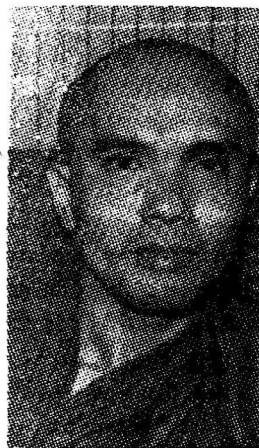
« Nếu tôi ở thì Thi phải đi ».

LẠI THƯỢNG TỌA THÍCH TRÍ QUANG...

Qua câu nói trên của tướng Kỳ, người Mỹ vững bụng tin chắc là phen này tướng Kỳ làm ăn thật tình không hứa cuội. Nhưng oái ăm thay lại đến phiên người Mỹ cảm thấy bất ngờ khó chịu. Theo chúng tôi,

tình thương — Số 28

người sắp bấy chính là lãnh tụ Phật giáo Thích Trí Quang, lý thuyết gia và kế hoạch gia số một của khối Phật giáo hiện giờ. Tiếp sau tin Trung tướng Thi bị cất chức (có người nói ông ta từ chức), Phật giáo lên tiếng chống lại để khơi bầu máu nóng nơi người dân miền Trung lối họ xuống đường tranh đấu. Khi quần chúng đã được kích thích đủ « dose », Phật giáo gạt phăng vấn đề cá nhân tướng Thi cùng phủ nhận giải pháp chính trị giải đoạn thường thấy sau CM 1-11 để đòi hỏi một tình trạng ổn cố qua việc bầu cử một Quốc hội. Với mục tiêu tranh đấu quá chính đáng này, chấp hẳn những nhà lãnh đạo Phật giáo cũng đã nghĩ đến việc tìm lại cảm tình nơi người dân đối với Giáo hội từng bị sứt mẻ trong thời kỳ chống chính phủ Trần văn Hương, hay ít ra cũng là dịp để đo lường ảnh hưởng của giáo hội đối với đời sống quốc gia xem còn giữ ngôi vị đàn trưởng hay không ? Quốc hội dân cử phải nói là khát vọng của mọi người trong chúng ta, cho nên các người chủ xướng đã nhận ở chúng ta một sự biểu đồng tình. Sự ra tay « đòn này » của Phật giáo phải được xem như một sự khéo léo, đúng lúc và nhất là hợp tình. Để chứng minh Phật giáo luôn đứng trên lập trường quốc gia dân tộc, những thượng tọa lãnh đạo đã lại xúi các tín đồ pha thêm mùi « bài Mỹ » trong các buổi hội thảo xuống đường cốt để cảnh tỉnh người Mỹ. Sự chọn mục tiêu hành quân bất ngờ này của Phật giáo đã khiến khối Công giáo của Linh mục Hoàng Quỳnh bối rối không ít. Cổ tình nói trại qua dân sự để các tôn giáo chia ghế bộ trưởng, LM Hoàng Quỳnh đã khiến cho người ta có cảm tưởng là Công giáo luôn luôn nuôi ý nghĩ tranh quyền hơn là gầy dựng cho đất nước một căn bản nhân dân vững chắc. Sự lúng túng ấy được thể hiện qua sự động tình của khối công giáo Hồ Nai, luôn luôn thích làm chương lực chống lại việc điều binh của Phật-giáo. Ấu đó là điều may mắn cho dân tộc này.



Th. Tọa TRÍ-QUANG
Bóng mây đen của
chính trường
miền Nam ?

MỘT CUỘC TRANH ĐẤU ÍT TỐN KINH KẾ VÀ TUYỆT THỰC NHẤT

Nếu đồng ý rằng hội thảo biểu tình đình c ng bãi khóa là những thực đơn hàng ngày của người dân

miền Trung trong thời kỳ tranh đấu và nhận định tình hình Huế và Đà Nẵng trước ngày có lời hăm dọa của thiếu tướng Kỳ giải phóng các thị trấn đó, mọi người đều thấy rõ rằng ở lần tranh đấu này Phật giáo tồn tại hơi sức nhất mà đã thấy thành công ở trong tầm tay. Các địa phương miền Trung tất nhiên không thể thiếu sự sôi động được vì càng xa mặt trời, càng cần nhiều bầu máu nóng để lôi cuốn dư luận, chính tình trạng ở Sài Gòn mới là mực thước đo lường ánh chất gay go cam khổ của cuộc đấu tranh. Tới giờ phút này mặc dầu bộ mặt thủ đô đã bị xáo trộn bởi các cuộc biểu tình lưu động người ta vẫn chưa cho rằng Viện Hóa Đạo đã chính thức dự phần vì ngay đến Đại đức Hộ Giác, con người nổi danh là cha đẻ thuyết pháp xuống đường vẫn tỏ vẻ ôn hòa hơn bao giờ hết. Có lẽ những lãnh tụ Phật giáo đã xem cuộc tranh đấu đòi hỏi một Quốc hội lập hiến lần này sẽ không cam go đến nỗi phải tuyệt thực gần chết như hồi thời ông Hương, nên đã đặt bộ tư lệnh tại tổng vụ thanh niên Phật tử và dùng dạ chiến (biểu tình ban đêm) mà thôi. Với chiến thuật này, Phật giáo chứng tỏ mình vẫn còn mạnh và chỉ cần đến giai đoạn I là đã thấy chính quyền chấp nhận yêu sách của mình, rõ rệt hơn là việc đặt thời gian là 3 tháng để có một Quốc hội lập hiến Chính. Vì phải phân công nhân sự, một số người đã đặt hy vọng quá lớn vào sự im hơi lặng tiếng của Thượng tọa Tâm Châu để kết luận hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo đã tan rã và cuộc đấu tranh hiện tại sẽ không đi đến đâu cả. Đồng ý là có lắm mâu thuẫn bất đồng nhưng khối Phật giáo vẫn đoàn kết keo sơn, kinh nghiệm của thời Trần văn Hương vẫn còn đó. Mọi ao ước có sự chia rẽ trong hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo chẳng phải là yếu tố cần thiết để tiêu đoán sự kiện.

Nhưng phải nhận rằng Phật giáo tới giờ phút này vẫn chỉ là một đoàn thể áp lực, chứ chưa thể là một tổ chức chính trị lý tưởng vì thiếu thành phần cán bộ ở mọi cấp.

CHÍNH QUYỀN TRONG CẢNH LUỐNG CUỐNG

Lúc sóng yên biển lặng người thuyền trưởng chẳng khác gì một du khách mến đại dương. Con phong ba giữa biển cả mới chứng tỏ thực tài của người thủy thủ. Chín tháng yên lặng bề ngoài đã khiến tướng Kỳ khoát lác, tự mình đặt thêm cho mình biết bao tính từ đẹp đẻ.

Nhưng cái việc tự suy tôn đã sụp đổ thảm thương sau lần cải chính những lời tuyên bố ở Đà Lạt cũng như trong buổi họp báo "thăng Thị trường Đà Nẵng". Chính những giây phút ấy mới nhận rõ cái luống cuống cương bầy của các chính trị gia quân nhân. Vấn đề gọi quân chính phủ ra các địa phương miền Trung để tái lập trật tự là việc làm cần thiết nhưng đã trở nên một tranh chấp với đe dọa nội chiến vì một nhận định lầm lẫn của tướng Kỳ lúc nói Đà Nẵng đã lọt vào tay C.S. Khi nói lên câu ấy, vô tình tướng Kỳ tạo cho phong trào ở miền Trung có thêm chính nghĩa, chất liệu cần thiết để nuôi sống một phản ứng nhân dân. Nó phản ánh tâm trạng của một người ngoài mi ng muốn cứng rắn nhưng trong lòng vẫn e dè. Hành động thỏa hiệp với phong trào Đà Nẵng của tướng Kỳ là một chứng tích cụ thể. Và người Mỹ sẽ làm to khi muốn biến ông Kỳ thành một Pác chung Hy tại Việt Nam. Trong cảnh luống cuống hiện giờ, các tướng lãnh cầm quyền phải tìm một lối thoát trong danh dự để có thể trở về cầm binh với đầy uy tín. Không còn lối thoát nào hơn là gấp rút trao quyền lại cho một chính phủ dân cử vì nội cái việc tạo dựng một cơ cấu dân chủ cho quốc gia — một điều mà các chính quyền nối tiếp sau CM bất lực không hoàn thành — sẽ chứng minh họ là những người yêu nước không tham quyền cố vị. Vấn đề bây giờ rõ ràng, đi thẳng đến ngay việc bầu cử Quốc hội chứ đừng tìm lối mòn lẩn tránh, kéo dài thời gian vô ích, gây cảnh nồi da xáo thịt. Mọi nghi trạng dù hay ho đến đâu để đánh tráo một quốc hội thành một đại hội như Đại Hội chính trị toàn quốc hay một hình thức nào khác cũng chỉ giúp những tướng lãnh thêm phương tiện để làm tan rã đất nước này mà thôi Phải can đảm chọn lấy một quyết định rõ ràng và ái quốc.

NGƯỜI MỸ TRONG NHỮNG NGÀY QUA.

Như trên đã nói, người Mỹ đã khá kinh hồn khi nhìn lại sự việc đã diễn biến nhanh chóng từ một khai thác cá nhân thành một phong trào nhân dân rộng lớn có mục tiêu tranh đấu hợp tình hợp lý là Quốc hội Dân cử. Chúng tôi nghĩ rằng đây là bài học khá đầy đủ cho người Mỹ nhất là điểm sai lầm của chiến thuật chính trị « đi lẻ » với một số người tay chân thân tín chứ không phải với quần chúng Việt Nam. Phong trào bài

Mỹ trong những ngày qua chỉ có tác dụng làm đậm đà thêm cho kinh nghiệm. Chúng ta dự biết người Mỹ sẽ không bỏ rơi Việt Nam để ra đi vì các rối loạn chính trị nội bộ, để yên trí đẩy mạnh việc giáo hóa chính trị quần chúng cũng như cảnh tỉnh người Mỹ, nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng danh dự của người Mỹ số một là Tổng Thống Johnson nay tùy thuộc mật thiết mà số phận của ông Kỳ được cả thế giới biết rõ qua hội nghị Honolulu. Vì thế chúng ta một mặt vẫn cứ tranh đấu, mặt khác vẫn phải cảm thông thể « kệt » của người Mỹ khi ông Kỳ phải đối trước Honolulu II (tháng 6-66). Chính trong tình cảnh vô cùng tế nhị này mà cả bộ ngoại giao Mỹ bối rối, không còn đủ lý lẽ để bác bỏ hoặc lo ngại việc tiến tới một Quốc hội dân cử tại Miền Nam nữa. Đảng nào cũng là một một sự thoát thân, hậu quả bây giờ chỉ tùy thuộc mà sự thi hành mau hay chậm.

Không chừng tương lai chính trị Miền Nam sáng sủa và kiên hiệu hơn khi một quốc hội dân cử ra đời. Câu trên là nhận định của phần đông các yếu nhân Mỹ trước các biến chuyển gần đây. Một số các thương nghị sĩ danh tiếng có đầu óc tự do như Mansfield, Fulbright cũng tán thành việc xây dựng dân chủ ở Miền nam vì hy vọng trong những ngày sắp tới, người Mỹ sẽ được tiếp xúc với những bộ mặt mới đầy nghị lực, kiêu ngạo của chính trường Việt Nam.

Nỗi lo ngại duy nhất của người Mỹ mà chúng tôi cho là chính đáng, là một quốc hội bầu nên trong hoàn cảnh này sẽ, cứng rắn trong việc giao thiệp với người Mỹ.

Chúng tôi nghĩ cũng hẳn không có nghĩa bài Mỹ. Bài ngoại là một đặc tính phát hiện sau khi người dân nhìn rõ dã tâm của ngoại bang. Dã tâm trong lúc này là việc ngạo cần đi đến một chính thể dân chủ, vì thế người Mỹ không nên thận trọng việc khuyến khích chính quyền VN xúc tiến bầu cử. Cái khôn khéo của Mỹ bây giờ là làm thế nào để tỏ lộ chính mình có cùng một lo âu như người VN chúng ta trong việc xây dựng dân chủ. Yếu tố thời gian nhanh chậm của việc thực thi dân chủ tại VN sẽ giúp người Mỹ tìm thấy cảm tình đậm đà chiến hữu đồng minh mà người dân dành cho họ.

Tình thương — Số 28

MỘT VẬN HỘI MỚI CHO NHỮNG NGƯỜI VN YÊU NƯỚC

Trong suốt hai mươi năm trở lại, chính trường VN thiếu vắng những tay cự phách có thể xốc vác nổi việc nước, lật ngược thế cờ đem giang san thoát khỏi tình trạng chậm tiến. Nguyên nhân là do ở một sự « tắt nghẽn » trên bước đường đi. Chín năm dưới thời ông Diệm tuy có hình thức dân chủ thật đấy, nhưng lại là một thứ dân chủ bịp bợm dành độc quyền cho các đảng viên cần lao, một số những người yêu nước đành phải ẩn dật đợi già hoặc phải chui rủi suốt ngày tránh bắt bớ đàn áp của chế độ. Ba năm sau Cách mạng dù có được kích thích bởi không khí mới, họ vẫn thấy một sự lấn áp rõ rệt của những quân nhân làm chính trị nên lại một phen nảy sinh ý định đợi chờ tiêu cực. Đó là những nhận định của hết thấy chúng ta về thực trạng chính trị trước ngày có cuộc tranh đấu.

Phải nhận rằng một quốc hội được thành hình trong những điều kiện hiện tại không thể là một tổ chức hữu hiệu được, vì chính quyền đã miễn cưỡng trong việc tác tạo ra nó. Chính vì thế mà chúng ta có thể nói được rằng một vận hội mới đang về trên đất nước này. Những ai từ trước đến giờ vẫn tự hào ái quốc dù chỉ trong lòng phải nhận rằng đây là cơ hội rất thuận tiện cho họ.

Những phần tử trẻ từng tranh đấu hãy xem việc vào nghị trường là cái cửa vinh quang nhất cho cuộc đời làm chính trị. Quốc hội trong giai đoạn này ngoài tình chất nhu yếu chính trị, còn khoát thêm đặc tính thí nghiệm nữa. Không ai còn lạ gì cái chiêu bài nhân danh tình trạng chiến tranh để bóp chết dân chủ đang thịnh hành trong hàng ngũ tướng lãnh, vì thế bốn phần của mọi người lúc này là đóng góp hết sức mình để có được một cơ cấu căn bản dân chủ đúng nghĩa của nó, tránh sự tê liệt của lá bài dân sự trước kia. Những kẻ phản động độc tài chỉ mong cảnh tan rã của một quốc hội để trở về chế độ độc tôn, phi dân chủ. Nếu sự lo ngại một khuynh hướng đầu hàng C.S. bành trướng trong quốc hội tương lai là có thật thì sự có mặt của những người quốc gia chân chính trong nghị trường là tối cần thiết và càng đông đảo chừng nào thì vận nước càng có cơ sáng sủa thêm lên.

Bây giờ không còn là lúc chống Cộng bằng mõm nữa. Đã từng nhận định rằng « dân chủ » là một loại khí để chiến thắng Cộng Sản thì chúng ta không lý do gì đứng ngoài mọi nỗ lực xây dựng dân chủ cả.

Quốc hội là biểu tượng của dân chủ, phải gánh vác nó trên đôi vai và trí óc của chúng ta.

KẾT LUẬN

Phút đầu là yếu sách của quần chúng, Quốc hội dân cử nay là mục tiêu chung của người dân lẫn chính quyền. Không một lý do nào mà nhà cầm quyền có thể dẫn viện đề dịch hoãn việc thực thi dân chủ bằng cách tạo dựng một bầu không khí nghi kỵ, hoặc bày vẽ các tổ chức trái độn để kéo thời gian, chờ một cơ hội lật lọng. Với những người cầm quyền bây giờ, chúng ta có đủ lý do để nghi ngờ thiện chí xây dựng dân chủ của họ, họ chỉ gặt đầu « làm dân chủ » dưới áp lực của quần chúng. Bây giờ không còn là lúc để chúng ta ngồi thấy thiện chí ở họ nữa mà chính họ phải bộc lộ thiện chí đó cho chúng ta. Bằng cách nào ?

Những công việc chính của các nhà lãnh đạo là :
— đi đến việc bầu cử Quốc hội bằng con đường nào ngắn nhất, tránh lối đi vòng-vòng qua việc đẻ sinh các hình thức nhân dân giả hiệu như Đại hội chính trị toàn quốc chẳng hạn.

— Ban hành ngay một sắc luật ấn định thời gian và thủ tục bầu cử Quốc hội lập hiến.

— Bãi bỏ tức khắc chế độ kiểm duyệt báo chí hiện tại.

— Dành mọi cở dằng cho các đảng phái chính trị, hiệp hội thanh niên tôn giáo sinh hoạt.

— Gây một bầu không khí sôi nổi tiền bầu cử.

— Chấm dứt việc khai thác vai trò Cộng sản trong các cuộc chiến đấu vừa qua.

— Triệt để áp dụng đúng đắn mọi thời khóa biểu tiến tới việc bầu cử.

Về phía người dân, họ phải ngưng ngay các hình thức tranh đấu để dồn hết tâm trí cho việc sửa soạn ý thức bầu cử và dân chủ.



Chính trị gia nhà « ban » điển hình

Người Mỹ không nên lo ngại thái quá về một quốc hội tương lai. Chúng tôi có thể nói với người Mỹ rõ ràng rằng ý thức chính trị của người dân Việt nay đã đạt được mức độ cao đủ để phân tích dễ dàng cái trò thẩm thấu của Việt cộng trong mọi tổ chức. Chỉ có sự nghi ngờ ở thái độ người Mỹ trong việc ngăn cản việc bầu quốc hội mới thật tình đáng lo ngại.

Để kết luận, chúng ta có thể mượn câu tục ngữ của dân tộc Dọ thái. « Nếu anh muốn, thì không có gì là mộng cả » để mạnh dạn tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội trong những tháng tới.

Sàigòn 8-4-1966

PHẠM ĐÌNH VY

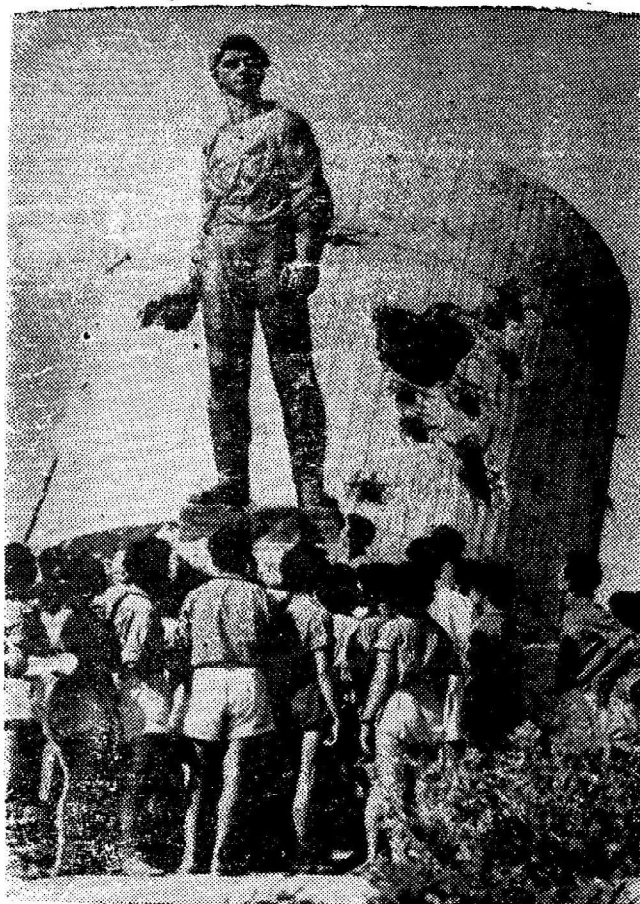
Đón đọc TÌNH THƯƠNG 29 :

CHÍNH QUYỀN DÂN CỬ !

CHÍNH PHỦ DÂN CỬ !

QUỐC HỘI DÂN CỬ !

DÂN CỬ MUÔN NĂM ! DÂN CỬ VẠN TUỆ ! DÂN CỬ TRƯỜNG CỬU !



BỐN TUẦN TRONG KIBBUTZ

● ĐƯỜNG THIÊN ĐỒNG

« Nếu anh muốn thì không có gì là mộng cả »

Theodor Herzl (1860—1904)

CÓ người nói đây là trại tập trung khi đề cập đến đời sống trong kibbutz nhiều người khác lại quan hơn, sau một hai lần thăm viếng ngắn. Không ngại nói xa gần về hình ảnh của thiên-đàng ! Cả hai hình ảnh trái ngược đó đã gọi trí tò mò của tôi không ít trong nhiều năm, và tôi cũng lấy làm ngạc-nhiên khi thấy cả hai ý kiến được nêu ra cũng không sai sự thật là bao, sau hơn bốn tuần được may mắn sống trong kibbutz Yizre'el. Tôi cũng phải nói thêm là chữ tập trung phải được hiểu theo nghĩa hoàn-toàn tự-nguyện. Ngoài ý nghĩa đó thì khó mà tránh được sai lầm khi đề cập đến đời sống cũng như lý do tồn tại của kibbutz.

Kibbutz Yizre'el nằm trên một ngọn đồi thấp, trong

thung lũng Yizre'el, một thung lũng khá phì nhiêu, theo thánh kinh vua Salomon đã một thời xây dựng kinh-đô ở đó. So với những kibbutzim (1) khác kibbutz Yizre'el thuộc loại trung bình, kể về diện-tích, dân số cũng như tuổi tác. Kibbutz Yizre'el được khai thác một diện-tích rộng độ 10.000 dounans (2), trong đó 3.000 dounans nằm trên đồi gồm khu gia-cư, khu sản-xuất số 7.000 dounans còn lại là diện-tích trồng tía. Kibbutz này được lập ra năm 1943, do một số những người Do-thái di cư từ Nam Phi-Châu và Úc đại lợi. Do đó Anh-ngữ rất được thông dụng, sau tiếng Hebr-

1) dounan : 100 mét vuông

2) kibbutzim : số nhiều của kibbutz.

eux mà ai nấy đều có bồn phải biết. Đây cũng là lý-do mà Tổng-Hội Sion-viên Do-thái ở Jerusalem đã giới thiệu tôi đến đó. Kibbutz Yizre'el, dưới mắt một người lạ, giống như một xã nhỏ, chia hai bằng một con đường trên đỉnh đồi từ cổng đi vào. Một bên là khu «gia-cư» với những ngôi nhà nhỏ, kiểu song lập, lẫn trong những chòm cây ven đồi, hay trong những thửa vườn nhỏ vén khéo theo kiểu Anh-cát-lợi. Nhà trẻ con thường thì lớn và đẹp hơn, được sơn nhiều màu rất vui mắt.

Phía bên kia đường là khu-vực «sản-xuất» gồm kho mễ cốc, nhà xe, chuồng bò, cừu, xưởng mộc, nhà vắt sữa v.v.. Nhà ăn chung, được xây ngay tại trung-tâm của kibbutz. Thường là thước đo lường mức tiến-triển, mức sống cũng như nền thịnh-vượng của kibbutz, ngoài là nơi ăn chung, còn là nơi gặp gỡ, hội-hợp hoặc đề bàn đến những vấn-đề tổ-chức kibbutz hay để xem những buổi trình diễn văn-ngệ chiếu bóng .. Ngôi nhà ăn này trong kibbutz Yizre'el được kiến trúc khá tân kỳ, có đầy đủ các tiện nghi của một nhà hàng lớn cỡ khách-sạn Caravelle ở Saigon.

Sau một ngày nghỉ ngơi, tôi yêu cầu được chỉ định công việc để làm. Công việc không nhất định thay đổi tùy theo nhu cầu. Thường những người làm ngoài đồng hái cam như tôi chẳng hạn, phải dậy từ năm giờ sáng. Sau khi ăn điểm tâm và chuẩn bị một vài miếng bánh ngọt và một ít nước trà để dùng vào khoảng xế trưa, chúng tôi đợi tracteur kéo ra đồng nếu hôm ấy phải làm hơi xa kibbutz. Trưa lại có tracteur ra đón về ăn trưa. Công việc lại tiếp tục cho đến chiều. Mỗi ngày làm việc thường là tám tiếng. Công việc thường chấm dứt vào khoảng bốn giờ chiều. Tắm rửa xong, là giờ nghỉ. Ai muốn làm gì tùy ý. Phòng tắm chung cho những người độc thân. Nam nữ .. riêng biệt. Những người có con cái gửi trong nhà nuôi trẻ, đến đón con về nhà, cho chúng vui đùa đến giờ cơm tối. Thường trước khi về phòng chúng tôi ghé qua nhà bếp, nhà ăn chung-sữa soạn một ít bánh ngọt rồi cùng tụ tập trong nhà một người nào đó để cùng nghe nhạc hoặc... đấu láo. Buổi tối thường có những buổi chiếu bóng, hay những buổi thảo luận mà sự tham dự không có tính cách bắt buộc. Thật ra thì chẳng có gì bắt buộc cả. Tuy nhiên giờ giấc không phải luôn luôn cố định. Hồi tôi ở kibbutz, trời sắp mưa nên bông gòn phải đem về gấp. Tracteur cũng như máy gặt phải làm việc suốt ngày đêm. Có người phải lái máy gặt từ sáu

đến ba giờ sáng. Toàn tiếp theo lại bắt đầu từ ba giờ sáng đến trưa và cứ thế tiếp tục... ít ai muốn bắt đầu một ngày làm việc từ ba giờ sáng. Càng ít hơn nữa số người muốn «lấy đêm làm ngày». Ấy thế mà công việc vẫn chạy đều. Việc (kêu ca) mà ai nấy đều tưởng tượng phải có, trên thực-tế, ít bao giờ xảy ra. Chúng ta có thể giải thích được sự kiện này nếu chịu khó tìm hiểu khát vọng muôn đời của người dân Do-Thái, nguyên-tắc dân-chủ, ý-thức công-bằng, cần-bản xã-hội, kinh-tế và nhất là phương-thức tổ chức trong kibbutz.

Từ bao nhiêu thế kỷ người Do-Thái bị phân-tán khắp nơi trên quả địa cầu, hình ảnh người «Do-Thái Lang-thang» là đầu đề cho không biết bao nhiêu cuốn sách bất hủ, phải làm đủ mọi thứ nghề trừ nông-nghiệp là phương-tiện sinh-sống cần-bản của con người, dân Do-Thái vẫn luôn luôn mơ ước được trở về với đất đai. Bị hất hủi, bị ngược đãi, chịu không biết bao nhiêu điều bất công, từ những (pogroms) (1) ở Nga, những (ghettos) (2) ở Ba-Lan hay những sự sát hại diệt chủng dưới thời Đức Quốc xã, khát vọng của người Do-Thái là một xã-hội công-bằng. Ước mơ công-bằng, ước mơ trở về với đất đai, người Do-Thái đã quyết tâm thực-hiện nơi kibbutz.

Nền kinh-tế căn bản của kibbutz là một nền kinh-tế nông nghiệp. Trong kibbutz Yizre'el 70 phần trăm đất đai dùng để cấy cấy. Lợi tức chính do những nông phẩm thu được. Kibbutz Yizre'el sản xuất lúa mì chẳng những đủ dùng mà còn dư để bán ra ngoài. Ngoài ra kibbutz Yizre'el còn sản-xuất bưởi, cam quýt để xuất cảng. Kể cũng nên nhắc lại là cam Do-Thái có tiếng ở Âu-Châu và là một mối cạnh tranh đáng ngại cho Thị-trường chung Âu-châu. Hơn một trăm con bò cũng được nuôi để lấy sữa. Kibbutz luôn luôn giữ một số 500 con cừu. Số sinh sản dùng để lấy thịt hay bán. Một đàn gà 10.000 con được nuôi một cách hết sức khoa học để ăn thịt và lấy trứng. Ở Do-Thái khí hậu nóng, nên một hệ thống hơi nước mát luôn luôn được cung cấp trong chuồng để làm cho đời sống của gà... dễ chịu hơn ! Vì thiếu nhân công nên nông nghiệp rất được cơ giới hóa. Riêng kibbutz Yizre'el có đến năm tracteurs và ba máy gặt. Ngoài ra một chiếc phi-cơ, do ba kibbutzim trong vùng chung tiền thuê, được dùng để

1) pogrom :

2) ghetto : khu tập trung cô lập và dễ kiểm soát dân Do-Thái

rải hoa-màu hay thuốc diệt trùng. Nền nông-nghiệp hỗn hợp, cơ-giới hóa tối đa là một một trong những nét chính yếu của kinh-tế trong kibbutz. Việc kỹ-nghệ hóa, mới bắt đầu trong một vài kibbutzim, hay đã phát triển mạnh trong một vài kibbutzim khác gần Haifa đã tạo ra rất nhiều vấn đề lý-thuyết rất nan giải, chúng ta sẽ đề cập sau. Trong cuốn (Communal Farming in Isra el Yosef Shatil đã định nghĩa Xã-hội trong kibbutz là một xã-hội cộng-đồng. Việc canh-tác cũng như mọi hoạt động kinh-tế khác được điều hành như một đơn-vị riêng với lối kế toán chung, để tránh việc kế toán riêng từng nhà. Khác với một xã-hội tư-bản trong đó mọi người sẽ hưởng theo khả-năng, trong xã-hội cộng đồng trong kibbutz, trái lại (mỗi người sẽ làm theo khả năng, và sẽ được hưởng theo NIIC-CÀU). Tất cả mọi người đều ăn trong một nhà ăn chung. Mọi nhu-cầu chính-yếu cũng như phụ (nhà cửa, áo quần, y-tế, giải-trí cũng như thuốc lá...) đều do ngân sách kibbutz đài-tho. Ngoài một ít phụ-cấp hàng năm để xử-dụng, ngoài kibbutz (đi nghỉ hè, mua quà tặng v.v.), không ai nhận tiền dưới hình thức lương-bổng. Trong bốn tuần sống trong kibbutz Yizre'el, tôi chưa bao giờ cần đến một đồng. Ngay từ hôm mới vào tôi được phát một số áo quần để mặc đi làm. Ăn uống không tốn tiền. Thuốc hút cũng vậy. Thuốc kibbutz nặng như (bát tô xanh), có mỹ danh là (Đừng quên Em), vì nếu người hút vui chuyện mà quên (rit), thuốc lại tắt ngay !!! Riêng những cặp vợ chồng không muốn có đông con, có thể đến kho để yêu cầu được cung cấp những (dụng cụ) ngừa thai số-lượng .. vô hạn định). Có hôm đến sabbath (1), tôi nghĩ muốn đi thăm hồ Tiberiade, tôi nhận được ngay số tiền cần thiết để đi đến đó. Người thủ quỹ còn chu đáo đến mức giữ cả chỗ xe về.

Tính cách tự-nguyện trong việc gia-nhập cũng như tham dự công tác là một trong những nguyên tắc căn bản của kibbutz. Ai cũng có quyền xin gia-nhập kibbutz. Những người trong kibbutz cũng có toàn quyền chấp nhận hay từ chối việc xin gia-nhập đó. Nếu muốn, ai cũng có quyền rời khỏi kibbutz mà không cần cho biết lý do. Những biện pháp trừng phạt thì hoàn toàn không có, trừ những trường hợp trục xuất rất hiếm khi xảy ra.

1) sabbath : ngày nghỉ cuối tuần bắt đầu từ thứ sáu [ức sao đêm bắt đầu mọc cho đến chiều thứ bảy. Ngày chưa nhạt vẫn đi làm

Bình đẳng hoàn toàn là một trong những nguyên tắc căn-bản khác của kibbutz. Mọi người đều có quyền ngang nhau trong bất cứ mọi lãnh-vực, trong bất cứ mọi vấn-đề. Bình đẳng giữa nam và nữ giới, giữa kẻ đến trước cũng như người đến sau, giữa tất cả mọi người không phân biệt công việc làm. Tuy nhiên, kibbutz không giải quyết vấn đề bình đẳng một cách máy móc. vì ai cũng biết mọi người đều khác nhau về cá tính khả-năng, vật-chất cũng như tinh thần và chính những khác biệt về điều kiện sinh sống vật-chất; tùy thuộc phần lớn vào khả năng của từng người đã là mối giềng của bất bình-đẳng. Cho nên mọi cố-gắng đều được tập trung để mọi người trong kibbutz đều có một đời sống ngang nhau. Điều này không có nghĩa là mọi người nhất nhất phải cùng có một thứ. Nếu trong những ngày đầu phôi thai. Khi Dvorak Dauyan-thân mẫu của tướng Dayan, hồ tương (Sinai) còn nằm trong những căn lều vải, khi tài sản của những bạn đồng hành của bà ở Degania chỉ vốn vẹn có vài chiếc thùng giấy, thì vấn đề bình đẳng quả thật không phải là một vấn đề nan-giải. Nhưng kibbutz càng ngày càng phát-triển, càng ngày càng giàu có, việc thực hiện bình-đẳng bỗng trở nên hết sức tế nhị, đòi hỏi không phải việc áp-dụng những nguyên-tắc một cách cứng nhắc, mà là sự cảm thông giữa mọi người liên hệ. Ví dụ vầu để nhà cửa. Dĩ nhiên, khi mới bắt đầu, khả-năng tài chánh của kibbutz không thể cho phép xây căn nhà đầu tiên, theo đúng nguyên-tắc căn nhà đó phải được phát cho người cần nhất. Vì dầu sao chúng ta cũng không thể quên nguyên tắc (hưởng theo nhu cầu) của mọi nhân viên của kibbutz. Nhưng ngoại trừ trường hợp những người phải ở trong những nhà thích hợp vì lý do sức khỏe hay vì lý do khác, còn ai có thể đứng ra quyết định xem nhu cầu người nào là cấp bách hơn cả ? Vì không thể giải quyết một cách thỏa đáng theo nguyên tắc «hưởng theo nhu cầu», cho nên phải nghĩ đến việc thỏa mãn thứ tự «trước, sau».

Được hỏi về cảm nghĩ đối với Do-Thái, bà Christopher Soames, con gái của cựu thủ tướng Winston Churchill, đã có lần ca ngợi tinh-thần lý-tưởng và óc thực-tiễn của họ. Cách tổ-chức trong kibbutz là một minh - chứng hùng hồn về nhận xét đó.

Tổ chức trong các kibbutz nói chung đều giống nhau. Nhân viên trong những kibbutzim đầu tiên, thường không quá con số hai mươi người, đã áp dụng những thể-thức dân-chủ trực tiếp nhất để quyết định những công tác phải làm. Đó cũng là một điển

biển tự-nhiên, vì một trong những nguyên-nhân chính đã thúc-dẩy việc thành-lập kibbutz là việc chống đối nhận những mệnh-lệnh từ một nhân vật được chỉ định, tượng trưng cho hệ-thống kiểm-soát thư lại ở bên ngoài cũng như sự phân biệt đẳng cấp ở bên trong. Tất cả đều có thể trôi chảy nếu kibbutz còn ở giới hạn một đại gia-đình. Nhưng kibbutz càng ngày càng phát triển, đời sống kinh-tế cũng như xã-hội càng tiến đến những kích-thước lớn hơn, việc điều-hành dân chủ càng ngày trở nên phức tạp, khó giải-quyết. Tuy-nhiên, những người đã chứng-kiến mức độ dân chủ trong kibbutz và những thành quả đạt được trong không khí dân-chủ đó, đều lấy làm ngạc nhiên về sự hữu hiệu của những phương-pháp được áp-dụng. Có người, nhất là những sinh viên VN đã từng (điều đứng) vì những cuộc bãi cải đặng đai, đã hưởng cái (thú sa-lầy) « gần như bất tận trong những (nguyên-tắc) dân-chủ » sau Cách mạng 1-11-63» mới đầu lấy làm e ngại không tin rằng lẽ-lối dân chủ sẽ đưa đến kết quả. Thành công của kibbutz làm họ phải suy nghĩ, tìm hiểu về lẽ lối tổ-chức trong kibbutz.

Hình thức dân-chủ cao nhất trong kibbutz được thể-hiện trong đại-hội của tất-cả nhân-viên Đại-hội này họp mỗi tuần một lần và được so sánh với quốc hội của kibbutz. Thường thì đại hội này họp trong căn phòng ăn chung mà tôi đã có dịp nói trong đoạn trước. Tôi cũng được mời tham-dự một lần đại hội như vậy. Trái với những đại-hội ở một vài tổ-chức trong nước ta, những người tham dự hội nghị ăn mặc thường phục, không có vẻ gì trịnh trọng cả. Việc tham-dự hội nghị không có tính cách bắt buộc không khí rất thoải mái. Đại hội này có những quyền hạn rất lớn, bàn cãi bất cứ vấn đề gì, từ việc giải quyết đường lối kinh tế, cho đến những việc cá nhân. Đại hội chấp nhận những người mới, bầu những nhân viên điều-hành, thảo-luận những kế-hoạch ngắn và dài-hạn về các vấn đề xã-hội, giáo-dục, kinh-tế tài chánh.v.v. Chương-trình nghị-sự của đại-hội thường rất rộng, rất thay-đổi. Ai cũng có quyền phát biểu ý kiến của mình và có quyền bỏ phiếu bầu. Thường thì bầu theo đa số tuyệt-đối, đôi khi một phần hay hai phần ba số nhiều cũng đủ. Ngoài ra mỗi nhân viên đều có quyền phản đối một quyết định, nếu thấy rằng quyết định đó đã được biểu quyết một cách vội vã, hay yêu cầu ghi một điểm nào đó vào chương-trình. Ngược lại các tiểu bang trong (phòng thư-ký) có quyền yêu cầu đại hội xác-dịnh một vài điểm trong kế-hoạch phải thi hành. Họ cũng có bổn phận phải tường trình

những công-việc đã hay đang làm. Dĩ nhiên là có những vấn đề cá-nhân chỉ có thể giải quyết trong những buổi họp thân-hợp để tránh gây ra những điều bối rối cho một nhân viên nào đó. Tuy-nhiên chuyện này thường ít khi xảy ra. Tuần này qua tuần khác, đại hội là khung cảnh cho những cuộc thảo luận sôi nổi. Mọi điểm trong chương trình nghị-sự đã được thông báo trước, do viên thư-ký hay nhân-viên phụ trách thuyết trình trước đại-hội. Vấn đề nào đơn giản được giải quyết một cách nhanh chóng, nhưng thường những cuộc thảo luận bao giờ cũng kéo dài qua một phiên họp. Sau cùng sau khi đã thảo luận đề-nghị của Thư ký phụ trách được biểu quyết. Nếu đề nghị bị bác bỏ chuyện này hay xảy ra, nhân-viên có thể đưa ra đề-nghị được thay đổi để yêu cầu chấp-thuận. Việc yêu cầu (xét lại) nhưng quyết định không phải là chuyện hiếm, nhưng một khi vấn đề đã được giải quyết trong đại-hội, thì biểu quyết phải được thi hành, dầu Thư ký hay tiểu bang phụ trách không đồng ý-kiến. Khó mà đưa ra một chương trình nghị-sự có tính-cách tiêu-biểu, vì thật ra không có giới hạn cho những vấn đề nêu ra. Trong một tháng ở kibbutz Yizre'el đây là một số những vấn đề được đưa ra thảo-luận ; Chương trình xây cất trong kibbutz (ủy ban xây cất hồ tắm đề nghị tạm ngưng việc xây cất để dựng tiền đầu tư vào việc nuôi bò lấy sữa để bán. Lý do đưa ra : trời mùa đông, khá lạnh. Đề-nghị được chấp thuận !) bản tường-trình tài-chánh, việc thân nhận một nhân viên, mọi thảo luận lời yêu cầu của một nhân viên được đi thăm một vài quyển-thuộc ở Anh, thảo luận xem có nên để cho trẻ con được ở chung với bố mẹ hay vẫn được nuôi riêng. Vấn đề này có vẻ gây-cấn nên được bàn cãi trong nhiều tuần, cho đến lúc tôi về nước thì hình-như vẫn chưa ngã ngũ. Cũng nên nói là phải thường-rất ít khi tham-dự những buổi họp, thì trong riêng vấn đề cuối cùng nay lại tỏ ra vô cùng quan-tâm ! Mỗi khi có dịp họ lại đem ra bàn phân tách lợi hại, yếu tố quyết-dịnh đầu sao cũng là khả-năng tài chánh của kibbutz, vì nếu chấp thuận cho trẻ con về ở cùng bố mẹ, kibbutz phải xây thêm một số phòng cho những gia-đình đông con. Những người độc-thân, nhiều người làm-tướng, chắc sẽ không thích điều đó. Thật ra khi đã chấp nhận nguyên tắc (hưởng theo nhu cầu), những người trong kibbutz không bao giờ cho đó là một sự bất công, và không ai lấy tình trạng chênh-lệch về nhu-cầu làm một điều thắc-mắc. Những sự ghen tị nhỏ nhoi không bao giờ có đất sống trong kibbutz. Vấn đề đấu tranh giai cấp lại càng không có nữa. Những

người Cộng-sản chỉ còn là những phần tử lạc-hậu nhất trong kibbutz, dấu tổ chỉ còn là những ý tưởng ngô nghê !

Nếu Đại-hội được coi như « Quốc-hội » trong kibbutz thì Văn-phòng Thư-ký cũng có thể so sánh với Nội-các. Văn-phòng Thư-Ký phải tương đối ít nhân viên để có thể bảo đảm sự hữu-hiệu của một cơ-cấu chấp-hành, nhưng thành phần phải có tính cách đại diện rộng rãi để có thể giữ thăng-bằng trong việc thỏa-mãn những nhu cầu của tất cả mọi người, vì mọi người trong kibbutz đều bình-đẳng, vì không ai có quyền (được) bỏ quên. Văn phòng Thư ký do đó phải có ba hoặc bốn nhân viên thường-trực đảm nhận việc điều hành nông trại, giấy tờ kế-toán (không tránh khỏi ngay trong kibbutz) thủ quỹ, (cá nhân trong kibbutz không cần tiền nhưng kibbutz như một tổ chức lại cần cần tiền hơn ai cả), hay sắp đặt công việc. Những nhân viên thường trực này được gọi là (baaltafkid), tiếng Do thái có nghĩa là người phụ-trách một công việc một cách chính thức. Nếu hiểu theo nghĩa một công chức thì rất là sai lầm, vì mọi công việc trong kibbutz đều có tính cách luân phiên, nên người (phụ trách chính-thức) hôm nay có thể là người (thừa-hành thường) hôm sau. Văn phòng Thư-ký chịu trách-nhiệm trước toàn thể kibbutz. Văn phòng đôn đốc công việc của tất cả các tiểu bang. Với tư cách đó văn phòng thì hành đường lối đã được Đại-hội quyết định, kiểm-soát hoàn toàn việc điều-hành trong tất cả kibbutz. Chính Văn-phòng Thư-ký điều-hòa mức-độ phát triển trong tất cả mọi ngành của kibbutz nhờ sự liên lạc nội bộ mật thiết, óc sáng-kiến, hiểu biết cũng như tính cách hữu hiệu. Văn-phòng phải hoạt động với tất cả tinh-thần đồng-đội, nhận trách nhiệm chung cho hàng trăm quyết định lớn cũng như nhỏ. Mặc dầu Văn-phòng luôn luôn phải chịu những quyết định của Đại-hội toàn thể kibbutz; nhưng cũng có thể làm rất nhiều việc để hướng dẫn (dự-luận) hầu huy-động kibbutz để dành ưu tiên hành-động trong lãnh-vực kia. Văn-phòng thảo nghị trình. Nghị trình này có thể bị bác bỏ. Nhưng không một cơ cấu nào lại ảnh hưởng đến kibbutz bằng Văn phòng TK. Nhờ tính-cách đại diện rộng rãi, nhờ có thể xử dụng những chuyên viên am hiểu tường tận đề nghị được đưa ra, nên Văn phòng T.K. dưới mắt những nhân-viên khác, rất có thẩm quyền. vì đa số ngoài VPTK (văn phòng thư-ký) ít có thời giờ cần nhắc tất cả các yếu tố quyết định đường lối, phức tạp của kibbutz. Việc điều hành trong kibbutz vì vậy tùy thuộc một

phần lớn vào VPTK. Dĩ nhiên mối tương quan giữa VPTK và Đại hội các nhân viên trong kibbutz, sự tin cậy hỗ tương giữa hai cơ quan đó là một trong những khía cạnh nổi bật nhất của lẽ lối làm việc dân chủ trong kibbutz. Ngoài VPTK ra, một số rất nhiều tiểu-bang đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc điều hành dân chủ của kibbutz. Khác với đại hội và VPTK, nhiệm vụ của những tiểu bang được giới-hạn trong vài lãnh-vực đặc-biệt và tiểu bang chỉ chịu trách nhiệm trước VPTK về những lãnh vực đặc biệt ấy mà thôi. Mọi lãnh-vực trong đời sống kibbutz đều do một tiểu bang chăm sóc. Có những tiểu bang phụ trách những vấn đề kinh tế, có tiểu bang phụ trách về giáo dục, tiểu bang khác trông nom về xã hội, xã hội giải trí..v.v... Ngoài ra nên kể đến một tiểu-bang đề nghị mỗi năm trước Đại-hội thành phần của bộ máy điều hành trong kibbutz vào dịp bầu cử hàng năm. Mỗi tiểu bang gồm độ năm hoặc sáu người, nhiệm-kỳ của mỗi người là một năm. Nhưng để bảo đảm một ít tính-chất liên-tục, trong tiểu-bang mới được bầu bao giờ cũng có một hay hai người đã làm việc trong nhiệm kỳ trước. Đôi khi mỗi tiểu-bang còn chia ra thành nhiều tiểu bang (nhỏ) tùy theo nhu-cầu. Nếu một tiểu-bang có tài, hoạt-động tổ-chức chắc chắn, ảnh-hưởng của tiểu-bang đó thể hiện khắp mọi nơi. Nếu tiểu-bang kém, ai cũng có thể nhận thấy ngay. Công-việc của tiểu bang không những sửa soạn cho những nhân viên tham-gia công tác thường-trực ở trung-ương, nơi VPTK, mà còn làm cho mọi người cảm thấy mình là một thành-phần của cộng đồng điều khiển kibbutz. Thường hơn năm mươi phần trăm nhân viên kibbutz tham-gia các tiểu bang. Con số này cũng bảo đảm cho cảm tưởng đồng lao mà người trong kibbutz đều thấy.

Tôi đã nói nhiều về tính chất dân-chủ trong Đại-hội Kibbutz trong VPTK, trong các tiểu bang. Nhưng chính trong những lúc cùng làm việc trong những toán nhỏ ở ngoài đồng hay trong chuồng bò, người ta mới cảm thấy một cách rõ ràng tính chất dân-chủ. Xã-hội trong kibbutz trước tiên là xã-hội của những người cùng chung nhau làm việc. Mỗi ngày họ sống với nhau ít nhất là tám tiếng đồng hồ. Nên không khi dân-chủ trước tiên phải có trong những toán nhỏ. Nếu không, hai chữ dân chủ chỉ là ngôn từ trống rỗng. Do đó người tổ chức hay coi sóc công việc không phải là người cai thầu chuyên môn ra lệnh cho thuộc hạ, mà là một người bạn chỉ dẫn cho những người bạn khác, một-cách hoàn toàn bình

đang. Trong suốt thời gian ở kibbutz tôi chưa bao giờ nghe ở bất cứ nơi đâu, người này sai bảo, ra lệnh hay khiển trách một người khác. Làm việc vì vậy gần như một thú vui. Ở đây không còn là những nguyên-tắc mà là nỗi thông-cảm sâu xa giữa người và người. Thật khó mà tìm một xã-hội nào dân-chủ hơn kibbutz, không phải chỉ vì kibbutz có một tổ-chức, cơ-cấu dân-chủ, mà chính vì khung cảnh xã-hội trong đó không ai thấy mình bị áp bức, không thấy mình bị lợi dụng, làm việc để một thiểu số hưởng. Không ai có cảm tưởng xa lạ với cộng đồng, bất lực trước sự tiến triển của kỹ thuật trước sức mạnh của hệ thống hành chánh. Xa lạ và bất lực là hai nguyên nhân-chính, làm cho mỗi cá-nhân thấy mình không cần thiết đối với cộng-đồng, không có thực quyền trong việc quyết-định vận-mệnh của cộng đồng. Để tránh cảm giác thờ ơ đó, tổ chức trong kibbutz tìm đủ mọi cách để giao thật nhiều trọng trách cho thật nhiều người. Nhiệm vụ nhiều chức vụ là việc hiếm có trong kibbutz. Nói như vậy không có nghĩa là không có những hạng người không thích tham-gia vào những công việc chung. Thật ra trong kibbutz cũng có những người hoặc vì không có khả năng hoặc không thích, hay ủy quyền cho những người khác. Do đó luôn luôn kibbutz bị đe dọa bởi sự xuất-hiện của một giai cấp lãnh đạo và cùng với giai-cấp đó phát sinh một hệ-thống hành-chánh, tinh-thần quan lại. Tổ-chức kibbutz luôn luôn tìm cách ngăn ngừa tình trạng đó. Họ đã thành công. Điều này đáng cho chúng ta học hỏi. Kibbutz đã làm như thế nào? Thứ nhất việc luân phiên công việc. Không ai ở mãi một chỗ trong một thời gian đủ lâu có thể, nhất là trong văn phòng, thành những (con sâu) cào giấy. Lần đầu tiên bước chân vào văn phòng trong kibbutz Yizra'el, điều làm tôi ngạc nhiên nhất là có rất ít giấy tờ trong văn phòng. Anh trưởng ban kế-toán chỉ có thể đánh máy hai ngón tay trở, với một tốc độ không lấy gì làm mau cho lắm. « Cần gì phải đánh máy, tôi đâu có ý-định làm thư-ký chuyên nghiệp: vả lại vài hôm nữa tôi lại ra làm việc ở vườn cam » anh ta giải thích khi thấy tôi có vẻ ngạc nhiên. Ngoài việc luân phiên công-việc kibbutz còn có khả năng cung-cấp phương tiện để những người muốn có thể theo những khóa học những ngành mà họ thích. Thay đổi công việc vì vậy không gây ra nhiều trở-ngại. Ngoài ra, người phụ trách thay đổi công-việc không bao giờ chỉ biết áp dụng những nguyên tắc cứng nhắc về bình đẳng và dân chủ. Trái lại anh ta

cố gắng tìm hiểu khả năng và ý thích của mỗi người để mỗi khi được giao phó công việc, không ai cảm thấy mình bị đặt không đúng chỗ. Vì không có gì sai lầm hơn là xử dụng một chuyên viên về máy cày vào việc nuôi trẻ thơ. Tuy rằng (nam nữ bình quyền) nhưng ai cũng phải nhận là nữ giới có khả năng thiên phú trong việc nuôi nấng trẻ em.

Tuy nhiên sự cảm thông đôi lúc cũng có giới-hạn. Một trong những công việc được toàn thể mọi người (ghét) là việc rửa chén bát trong nhà bếp. Đối với công việc không hấp dẫn này, thì giải pháp duy nhất là ai nấy phải có một thời gian đồng đều để (phục vụ)... trong nhà bếp. Lĩnh mới như tôi cũng không tránh khỏi việc đó. Việc luân chuyển công tác tương đối không khó khăn trong kibbutz Yizre'el, vì người phụ trách sắp đặt việc luân chuyển đó thường biết sở-thích cũng như khả năng của những người khác. Nhưng trong một kibbutz như Degania, Ein Hashomet hay Ein Gedi, với hàng ngàn người thì việc sắp đặt đòi hỏi những phương pháp phức tạp hơn nhiều. Nhưng kibbutzim lớn này hiện đang gặp những trở ngại lý-thuyết trầm trọng, đe dọa ngay cả sự hiện-hữu của kibbutz. Tôi sẽ đề cập đến những khó khăn này.

Với một lẽ-lối tổ chức uyển-chuyển không câu nệ hình thức, đặt trên căn-bản của xã hội chủ nghĩa ở mức độ thuần túy và nhân đạo nhất, điều gọi trí tò mò của một người muốn tìm hiểu kibbutz là kibbutz đã đạt đến một mức sống như thế nào. Chúng ta đã thấy xã hội chủ nghĩa trong những chế-độ mệnh-danh là cộng sản, bằng mọi hình thức bắt buộc đã không đem lại một cuộc sống tươi đẹp hơn thử hỏi kibbutz với lẽ-lối tổ-chức dân chủ-tự-nghị làm thế nào đem lại trong một thời gian tương đối ngắn một đời sống rất sung túc.

Trên lý-thuyết thì kibbutz có thể định được mục sống của mình nhưng trên thực tế, vẫn còn những liên hệ với bên ngoài. Mục sống của quốc gia Do thái không ngọt được nâng cao, kibbutz có mà có thể ly-dị hẳn với mục sống bên ngoài. Tuy khởi

đầu bằng một cộng đồng nghèo khó, ngày nay đa số kibbutzim đều có một đời sống tương đối cao so với đời sống bên ngoài Kibbutz Yisre'el ở mức trung có thể xem như điển hình.

Mỗi người độc thân đều có một căn phòng kiến trúc không tân kỳ cho lắm nhưng đầy đủ tiện nghi. Rộng độ hai mươi thước vuông, đủ để vừa làm phòng ngủ và phòng tiếp khách (những cuộc viếng thăm hay xảy ra). Mỗi phòng có một máy truyền thanh, và đa số đều có máy hát. Vài kỹ sư điện tử trong kibbutz có thể yêu cầu cung cấp phương tiện để chế tạo hệ thống âm thanh nổi. Nhiều phòng tắm chung cho những người độc thân, với đầy đủ nước nóng và nước lạnh. Trong khi ngay tại những thủ đô Âu châu như Luân đôn, Ba lê, La mã, Aihènes nước nóng còn khó cung cấp, thì nơi một quốc gia không có lấy một con sông, việc mỗi người tắm bao nhiêu lần cũng được là một điều khó tưởng tượng nổi. Những người có gia đình thì đều có phòng tắm riêng. Thường những căn phòng trong kibbutz được trang hoàng rất đẹp theo một khiếu thẩm mỹ rất cao.

Ăn uống nói chung rất đầy đủ. Mọi người đều ăn chung trong một phòng ăn đôi khi được dùng làm phòng hội họp. Mỗi ngày ba bữa. Có thức ăn đặc biệt cho những người đau ốm hay vì lý do này hay lý do khác không thể ăn như mọi người khác. Các cô, săn sóc đến (đường nét) ! của thân hình có thể yêu cầu nhà bếp dọn những khẩu phần (kiêng khem). Những người muốn ăn những món (hộp khẩu) có thể nấu riêng ở nhà trong một bếp nhỏ. Nhà nào cũng có một bếp như vậy. Để thỉnh thoảng có thể mời bạn về nhà nấu ăn chơi.

Những người chưa sống trong kibbutz thường vẫn có một ý niệm rất sai lầm về lối phục-sức của những nhân viên kibbutz. Hình ảnh những người đàn ông, đàn bà, ngay cả trẻ con trong bộ đồng phục cùng màu, cùng một thứ vải, sản xuất theo hệ thống giầy chuyền do một nhà máy văn hay ám ảnh những người chưa biết kibbutz. Sáng hôm vừa bước chân đến kibbutz Yisre'el, một người đàn bà trong bộ đồ xanh của thợ thuyền đón và chỉ-dẫn làm tôi càng tin là hình ảnh mà tôi vẫn thường hay nghe kể là một hình ảnh trung thực. (Làm sao người ta có thể sống trong một trại lính

như thế này suốt đời), tôi tự hỏi cho đến khi dự buổi cơm chiều. Những người đàn bà, những thiếu nữ trước mắt tôi không còn là những người đàn bà thô kệch tôi gặp ban sáng, họ đã trở thành những người ăn mặc rất đúng thời trang. Tôi còn để ý thấy một vài người mặc những bộ đồ kiểu Courreges, vừa mới xuất-hiện và rất được ưa chuộng ở những thành phố Âu châu tôi mới đi qua. Vài người khác có thể dạo chơi ở phố Dizengoff tại Tel-Aviv mà không mấy may có mặc cảm lỗi thời)! Điều này chứng tỏ rằng kibbutz rất chú trọng đến việc thỏa mãn không những nhu cầu thiết yếu của mọi người, mà cả những sự khác biệt về sở thích cá nhân. Bình đẳng trong kibbutz không có nghĩa là tất cả mọi đều phải có những sở thích giống nhau, và do đó bắt buộc phải nhận cùng một thứ. Vấn đề đặt ra không phải là nhận như người khác mà chính những đồ mình nhận thật ra có phải là đồ mình thích không. Ở những chỗ quá ư nghèo khó người ta sẵn sàng bằng lòng với đồ mình nhận được, nhưng xã-hội kibbutz càng ngày càng tiến bộ thỏa mãn sở thích khác nhau là một nhu cầu. Dĩ nhiên những nhu cầu đừng vượt quá khả năng cung cấp của kibbutz, và cũng đừng nảy sinh vì lý do thể diện. Thường về áo quần có một mức được định sẵn, nhưng mọi người có thể lựa vải mình thích, miễn là giá tiền đừng vượt qua mức đã định.

Ngoài ra nếu tình hình tài chánh cho phép, mỗi nhân viên có thể được đi du lịch mỗi năm một lần, hay đi thăm bà con. Trình độ văn hóa của kibbutz cũng rất cao. Cố gắng không ngừng để duy trì trình độ ấy là một nét son của xã hội kibbutz. Chỉ cần nhìn số sách báo kibbutz cung cấp cho mỗi người chúng ta cũng có thể có một ý-niệm về nhu cầu văn hóa của những người trong kibbutz. Đa số những người trong kibbutz đều dành một số thời giờ để nghiên-cứu về một vấn đề. Anh bạn thường bày cho tôi nghệ thuật ghép cây là một nhà nghiên-cứu về triết lý Ấn độ thường vẫn hay gởi bài đăng trong tập san triết học của đại học Jerusalem. Kibbutz Yisre'el không thiếu những chuyên viên khảo cổ. Chính một nhân viên của kibbutz đã giúp khám phá ra những cuốn kinh Torah ở biển Chết. Mỗi năm về mùa đông kibbutz vẫn hay gởi một số người tham dự những khóa tu nghiệp về nhiều ngành như canh nông, chăn nuôi, dưỡng nhi

v.v... qua hệ thống bảo trợ của những phong trào kibbutz, như phong trào Artzi chẳng hạn. Ngoài những buổi chiếu bóng hàng tuần, kibbutz còn mời nhiều chuyên viên hay giáo sư đến kibbutz để thuyết trình hay thảo luận về một vấn đề nào đó. Mỗi kibbutz thường có một ban nhạc hay một ban hợp ca riêng. Đôi khi nhiều kibbutz hợp lại để lập những ban hợp ca lớn đi trình diễn nhiều nơi. Những người trong ban hợp ca có thể được nghỉ làm việc để tập dượt. Lắm khi kibbutz cũng mời những ban nhạc, ban vũ, hay những ban nhạc sĩ danh tiếng đến trình diễn tại kibbutz. Trình độ thưởng thức của họ rất cao. Vũ công thiên tài Nureyev và Margot Fonteyn vẫn thường hay nói : « Những lời khen của kibbutz là bằng chứng xác nhận tài năng đảm bảo nhất. Mua vé cho những người thích xem nhạc kịch do Scala de Milan trình diễn tại Tel Aviv, hay đi xem Peter Pan ở Haifa là chuyện hay xảy ra ở kibbutz Yizre'el. Vũ điệu dân tộc là nét chính của văn hóa kibbutz. Có lần đi dự một đám cưới tập thể tại một kibbutz gần Yizre'el, tôi đã được xem những vũ điệu Nga, Balan và Tây ban nha do những người trong kibbutz trình diễn. Khó mà tưởng tượng được rằng những người suốt ngày bận việc cày cấy lại múa một cách uyển chuyển như vậy. Vấn đề sáng tác cá nhân cũng rất được khuyến khích. Kibbutz có thể cung cấp họa cụ cho những ai muốn vẽ. Họa sĩ tài danh Lior Roth mà tranh đã được chọn để làm bìa cho số Tình Thương này, đã được kibbutz gửi đi học ở Paris hai năm, và hiện đang tổ chức một cuộc triển lãm tại Nam Mỹ.

Vấn đề con cái được giải quyết theo một phương thức khá tài tình nhưng không phải đã toàn hảo. Vì mọi người phải làm việc nên trẻ con không thể cùng ở suốt ngày với cha mẹ chúng. Người mẹ được nghỉ ngơi trong tháng cuối cùng trước ngày sinh, và sau đó nếu muốn có thể tự mình nuôi con trong vài tuần đầu. Việc để người mẹ tự nuôi lấy con, về phương diện vệ sinh chưa chắc đã tốt, nhưng có một ảnh hưởng tâm lý rất mạnh. Tình mẹ con do đó thấm thiết hơn. Kinh nghiệm cũng cho thấy rằng ảnh hưởng của cha mẹ là yếu tố quan trọng nhất trong việc giáo dục và trưởng thành của con cái.

Nhưng ảnh hưởng xấu của cha mẹ trong việc giáo dục con cái không phải là không có. Thường trong sáu tuần đầu sau khi sinh người mẹ không phải làm việc gì trong kibbutz và có thể dành tất cả thời giờ vào chăm sóc cho con. Sau đó, người mẹ trở lại làm công việc. Bắt đầu là bốn tiếng, thời gian này tăng dần. Thời gian còn lại người mẹ cho con bú, thay áo quần, tắm rửa hay đùa giỡn với nó. Ngoài ra, một cô chuyên về dưỡng nhi, gọi là (metapelet), cũng chăm nom đứa bé trong thời gian người mẹ bận việc. Cô này cũng chỉ bảo cho những bà mẹ mới có con lần đầu. Kỷ luật trong nhà nuôi trẻ không cứng nhắc lắm. Nếu đứa bé hay (giật mình) ban đêm người mẹ có cùng ngủ với con trong một phòng đặc biệt. Trong Kibbutz Yizre'el phòng dưỡng nhi luôn luôn liên lạc với những bà mẹ qua một hệ thống (interphone), nhờ đó họ có thể yên-trí ngủ tại nhà. Nếu đứa bé có việc gì cô dưỡng nhi trực có thể báo ngay cho bà mẹ biết. Chúng ta cũng đừng nên quên rằng nhà nuôi trẻ thường ở trung tâm kibbutz và chỉ cách mỗi nhà nhiều nhất là một trăm thước. Người mẹ có thể vững tâm làm những công việc trong kibbutz, khỏi phải bận tri vì những việc vặt vãnh trong gia đình. Việc giặt-dũ được tập trung, do nhiều người luân phiên phụ-trách. Sau khi ở nhà dưỡng nhi vài tháng, đứa bé được cha mẹ chúng đón về nhà mỗi buổi chiều sau khi làm việc. Trước khi ăn cơm tối chúng lại được tắm rửa thay áo quần và lại được gửi vào nhà giữ trẻ.

Từ mười lăm tháng đến bốn tuổi, mấy đứa bé được chia thành toán sáu đứa do một metapelet, vừa làm nhiệm-vụ nuôi nấng vừa có nhiệm-vụ giáo dục thường trực chăm nom. Chúng được tập cách-thức ăn uống, vệ sinh thân thể, một ít kỷ luật. Chúng cùng ở trong những nhà riêng được trang-bị để có thể đáp ứng những nhu cầu của từng lứa tuổi, gồm phòng ngủ, một bếp nhỏ, phòng ăn, phòng vệ sinh và phòng tắm, một phòng để nô đùa. Chung quanh là một sân chơi với một góc dành riêng cho trẻ con để chúng nô đùa những lúc cha mẹ chúng đón về. Tối đến mấy bà mẹ hay có thói quen ghé thăm con xem chúng có ngủ yên không.

Trong năm thứ tư hai toán sáu đứa hợp lại để

tập sống chung với nhau. Bắt đầu năm thứ năm, ba toán như vậy hợp lại để làm thành một toán cùng bắt đầu chương trình mẫu-giáo. Đó là giai-đoạn mà mọi năng khiếu về tay chân được dành mọi cơ hội để phát triển. Đứa trẻ không bị (nhồi) sọ, chúng chỉ học rất ít về thể thao, âm nhạc, nặng tượng bằng đất sét v.v. Đa số thời giờ còn lại, chúng đi thăm xem cha mẹ chúng làm việc, dạo chơi trong kibbutz hay đi ra đồng, chuồng bò, cừu. Nhưng chúng luôn luôn hoạt động chung để làm nảy nở tinh thần đồng đội. Những năm cuối được gọi là mẫu giáo (chuyên-tiếp) đến sáu hay bảy tuổi chúng mới bắt đầu học cách đọc, viết. Việc giáo dục trong thời gian đó luôn luôn do một metapelet trông nom. Chúng ta thấy ngay là người metapelet đóng một vai trò hết sức quan trọng trong đời sống của đứa bé, và cá tính của nó một phần lớn cũng tùy thuộc vào sự tận tâm dạy dỗ của người metapelet. Cho nên không có vấn đề ép buộc một người không có năng khiếu làm công việc dạy dỗ trẻ con. Thường người chọn công việc đó thường rất mến trẻ em, và cách đối xử của họ thường vẫn làm chúng nó mến và kính nể. Họ cũng phải thật công bình mới có thể tránh được lời than phiền hay bất mãn của những cha mẹ trẻ con được giao cho họ trông nom. Giáo dục có tính cách cá nhân, nhưng chú trọng đến tinh thần kỷ luật cũng như bổn phận của đứa trẻ đối với toán của nó, tinh thần tương trợ và đoàn kết. Tuy nhiên trong giai đoạn này đứa bé luôn luôn có những liên lạc chặt chẽ với cha mẹ gia đình nó.

Giáo dục sơ đẳng bắt đầu từ bảy tuổi, kéo dài đến năm mười hai. Đến giai đoạn này, chúng nó bắt đầu tự trông nom lấy nhà cửa. Một nông trại tí hon được giao cho chúng cùng trông nom. Chúng bắt đầu học cách chăn nuôi gà, vịt, heo, ngỗng, bắt đầu trồng một vài thứ hoa hay rau cải. Ngoài bốn đến sáu tiếng đồng hồ để đọc chữ, đa số thời giờ còn lại chúng được khuyến khích tham gia các chương trình xã hội văn hóa, thể dục đi thăm bạn bè, dự lễ sinh nhật cắm trại. Chúng bắt đầu tập bầu cử những tiểu bang lo từng vấn đề. Bằng cách đó tập tinh thần trách nhiệm đồng đội và ý thức dân chủ, luôn luôn dưới sự hướng dẫn của người metapelet, đóng vai trò không những

của một người thầy giáo mà còn là một người cố vấn, một người bạn tâm tình của mỗi đứa trẻ.

Khi vào trung học, học sinh thường được xe đưa đi qua một trường gần do hai hay ba kibbutz cùng chung lập ra. Kibbutz lớn có ngay cả một trường trung học riêng cho kibbutz. Giáo sư là nhân viên của kibbutz, được huấn luyện trong những khóa sư phạm từ hai đến ba năm. Trình độ văn hóa của học sinh trong kibbutz rất cao so với những trường ở ngoài. Trường ốc trảng bị rất đầy đủ. Nhưng nét chính yếu trong đường lối giáo dục trong kibbutz là nỗ lực biến những trường học thành những cộng đồng, do chính những học sinh điều khiển, trong đó những công việc tay chân hoàn toàn được gắn liền vào chương trình giáo dục. Những học sinh được đào tạo ra, sau khi ra trường sẽ là những nhà trí thức sẵn sàng làm những công việc tay chân, thành thạo như những công việc trí óc. Hơn đâu hết giá trị cầu lao rất được đề cao trong kibbutz. Vừa học, những đứa trẻ trong kibbutz càng ngày càng tham dự vào những công việc trong kibbutz. Trong năm cuối cùng, chúng có thể làm những công việc đồng áng hay chăm nom những gia súc, thành thạo không kém những người chuyên nghiệp. Chúng lại còn luôn luôn được sự chỉ bảo của những chuyên viên. Giáo dục âm nhạc cũng như mỹ thuật rất được chú trọng. Những cuộc triển lãm của những học sinh năm cuối cùng của bậc trung học thường làm cho nhiều người nghĩ đến những cuộc triển lãm chuyên nghiệp. Những buổi trình diễn do học sinh kibbutz tổ chức vẫn nổi tiếng về trình độ nghệ thuật. Buổi trình diễn vở kịch (The Fidler on the roof) do đoàn ca kịch của kibbutz trình diễn tại Tel-Aviv đã được giới mộ điệu yêu cầu trình diễn trong hơn hai tuần. Một trong những đặc tính của nền giáo dục kibbutz là mối quan tâm của những nhà giáo dục đối với dân tộc tính Do Thái. Truyền thống Do Thái không ngớt được nhắc nhở qua những buổi lễ lạc do trẻ con tổ chức nhắc nhở đến tục lệ cổ xưa, những chiến công của những người đã hy sinh cho nền độc lập Do Thái. Bất cứ ở đâu Thánh kinh cũng được giảng dạy một cách đặc biệt tận tường, đó không những là nguồn cảm hứng tôn giáo mà còn là tài liệu lịch sử, địa lý của quốc gia dân tộc Do Thái. Mặc dầu tôn giáo không được

chính thức giảng dạy, nhưng lịch sử, giá trị văn hóa cũng như nhân chủng của dân tộc Do Thái trong quá khứ được nhắc nhở không biết bao nhiêu lần trong thánh kinh, là một phần quan trọng trong chương trình giáo dục. Những đứa trẻ con trong kibbutz với lịch sử Do-thái qua những di tích chúng thấy, qua những mẫu chuyện chúng được nghe kể hằng ngày. Tên của chúng thường rút ra trong Thánh kinh. Không một đứa bé nào trong kibbutz Yizre'el mà không biết ngọn đồi cạnh kibbutz là kinh đô xưa kia của vua David. Không có đứa bé nào thấy một con chim mà không nhắc đến một vài sự tích trong Thánh kinh có liên lạc đến loài chim. Tôi đã nghe không biết bao nhiêu lần, mỗi khi chỉ tay về hướng Nazareth, đề hỏi một đứa bé chuyện chúa Jesus sinh ra đời. Mỗi chỗ mỗi nơi, mỗi loài chim, mỗi thứ cỏ đều có một ý-nghĩa riêng đối với chúng nó. Đó là lịch-sử Do thái. Không ai ngạc nhiên khi thấy dân Do-thái quả thật yêu nước. Trong lúc những tiến-bộ kỹ-thuật không ngớt lấn át giá-trị tâm linh, thì giáo dục kibbutz trong lúc vẫn theo kịp những tiến bộ đó mà không mấy may để mất tính chất nhân-bản. Cưỡng bách giáo dục đối với trẻ con trong kibbutz kéo dài cho đến hết trình độ trung học, trong lúc ở Do-thái ngoài kibbutz cưỡng bách giáo dục chỉ đến mức tiểu học. Được như vậy kibbutz thường để dành những ngân-khoản rất lớn cho việc giáo-dục, ngân-khoảng thường rất cần thiết để đầu tư vào những mục đích kinh tế.

Trong kibbutz hoàn toàn không có vấn đề trừng phạt học sinh bằng sức mạnh. Đứa bé hấp thụ những tư tưởng bình đẳng, dân chủ không bao giờ quan niệm nổi chuyện đó. Có lần một đứa bé trong kibbutz Yizre'el về thăm bà ngoại ở Anh quốc, trong một thời gian. Cậu ta được đưa vào trường để học. Một hôm, vì phạm lỗi lầm, thầy giáo đã tát cậu ta. Thầy giáo đã được cậu ta tặng lại một cái tát.

Nhiều người cho đến đây. Mỗi khi bàn về giáo dục trong kibbutz vẫn có những ý nghĩ lệch lạc về mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái trong cha mẹ chúng. Không có gì ngăn thối cho bằng cứ khẳng-

định rằng tình mẫu tử bắt buộc phải tỉ lệ với số thời gian mà đứa bé sống gần với mẹ nó. Chúng ta cũng biết rằng ngoại trừ trường hợp phải đi làm việc ở ngoài, người mẹ bận rộn với những công việc hằng ngày dễ hay vất vả với con nhất là cậu ta lại hay bám sát vào quần. Còn không biết bao nhiêu những ông cha, sau một ngày làm việc mệt nhọc, chỉ còn đủ thời giờ để hỏi xem « thằng cu Tôi hôm nay có ngoan không » Trá lại trong kibbutz cha mẹ gặp con lúc nào cũng trong một không khí thoải mái. Họ có thể để dành hết tâm trí để nó đùa với con mà không phải mấy may bị những ưu tư phiền muộn quấy rầy. Cách nuôi nấng trong kibbutz cũng tránh được ảnh hưởng tai hại của những bà mẹ hay quá nuông chiều con. Con hư tại mẹ vì vậy không có nữa.

Với một triết lý giáo-dục kibbutz đã đào tạo ra một lớp học người mới sống theo những giá trị vật chất cũng như tinh-thần hoàn toàn khác biệt với những giá trị mà hằng ngày chúng ta vẫn thường thấy. Trong một xã hội tư bản mức thang giàu có cũng như địa vị giai-cấp đóng một vai trò hết sức quan trọng và ảnh hưởng nặng nề lên nếp sống của mọi người. Chẳng hạn câu : Môn đẳng độ đối mà chúng ta vẫn thường nhắc đến là một ví dụ. Trong Kibbutz tiền bạc không còn là một yếu tố người ta tùy thuộc vào đấy hay nhờ đó mà tạo ảnh hưởng, uy tín hết phụ thuộc vào tiền bạc cũng như giai cấp, vì lẽ không ai có tiền mà cũng chẳng có ai có địa vị. Do đó mỗi người có thể chọn người bạn đời của mình hoàn toàn theo những tiêu chuẩn tình cảm cũng như giá trị nội tại.

Tuy nhiên Kibbutz không phải đã không gặp những trở ngại. Với thế hệ trẻ sinh ra sau chiến tranh không mấy may chịu những khổ cực của những người tiền phong, những thành quả mà Kibbutz đã đạt được không còn là những trang sử oai hùng mà những người tiền phong ưa nhắc đến với niềm kiêu hãnh. Đối với những thanh niên 17, 18 tuổi ruộng lúa phì nhiêu cũng như thửa vườn cam đầy trái là những điều đã có từ nhiều năm trước. Họ cũng khó mà hiểu rằng đó là kết quả của nhiều năm trời gian khổ. Trong Kibbutz giữa hai thế hệ vẫn còn

một khoảng cách chưa nối liền được. Thêm vào đó với nền kinh tế càng ngày càng phồn thịnh nảy sinh một khuynh hướng muốn trở về với đời sống tư-sản. Căn bản lý thuyết do đó cũng bị đe dọa.

Có lẽ không nói ra nhưng mỗi người ngoại quốc khi có ý định vào ở trong kibbutz đều mong muốn và tự hỏi : không biết có thể áp dụng phương thức kibbutz cho nước mình không, ước vọng càng cao càng lớn hơn nữa thì kibbutz vẫn được coi như là một thí nghiệm « Không thất bại ». Cũng như nhiều người trẻ đã từng thử và đã từng thất bại khi đem những phương thức xã hội vào nông thôn, tôi vẫn tự hỏi : Liệu có thể áp dụng kibbutz cho hoàn cảnh V.N. không ? Sau bốn tuần trong Kibbutz tôi không tin như vậy. Yếu tố địa lý theo tôi là một trở ngại. Ở Do Thái, ngoài những lý do muốn tạo nên một xã hội công bằng, Kibbutz còn được lập nên do những nhu cầu quốc phòng. Nằm giữa những quốc gia Ả Rập. Người bạn duy nhất của Do Thái là Địa Trung Hải. Do Thái phải tự vệ đối với kẻ thù ở ba mặt. Địa điểm lựa chọn cho những Kibbutzim thường không do những ưu điểm nông nghiệp, kinh tế quyết định mà hoàn toàn có tính cách chiến lược quân sự. Kibbutz Yot Vata trong sa mạc Negev là một ví dụ. Kibbutz Yizréel chỉ cách biên giới Jordanie có vài cây số. Kibbutz được lập ra để đối diện với kẻ thù, rồi một cách khác kẻ thù ở Do Thái ít nhất cũng được giới hạn rõ ràng về phương diện địa lý. Trái lại trong hoàn cảnh V.N. hiện tại chúng ta đang chịu một cuộc chiến tranh gần như không trận tuyến. Kẻ thù trước mặt đôi lúc cũng có thể nằm ở sau lưng nếu không nói là ngay trong lòng. Trừ khi chiến tranh chấm dứt khó mà san bằng trở ngại địa lý nói trên.

Lý do thứ nhì có tính cách nhân sự. Dân Do-Thái từ hơn 100 nước tụ lại, bị bạc đãi khắp mọi nơi đã lập ra Kibbutz để thực hiện khát vọng tái lập quốc ý chỉ nung nấu từ mấy nghìn năm qua, tình thần Do Thái là một sức mạnh kích thích mà người V.N. chúng ta không có. Chúng ta có thể thất bại mà vẫn còn là V.N. « Nước tôi, như một sinh viên Do Thái đã nói không có thể tự cho phép mình thất bại đâu cả một lần : vì nếu chẳng may điều bất hạnh ấy xảy ra thì chắc khó mà tìm lại đất nước Do Thái trên bản đồ ».

Dân Do-Thái được Thượng-đế phú cho rất thông minh, là một dân tộc đầy khả năng. Họ đã thành công trong việc áp dụng mọi tiến bộ kỹ thuật, mà thường họ là tác giả, để giải quyết nhiều vấn đề nhân sự và nhiều khi khắc phục được trở ngại thiên nhiên. Dân Do-thái không thể gọi là chậm tiến. Trước khi trở về Do-Thái, đa số những người di-cư đã không ít thì nhiều thành công ở quốc gia mà họ nương náu trước. Họ đã « có một cái gì » trước khi trở về để lần mình vào việc lập Kibbutz. Dân tộc ta không may, lại không có những khả năng đó, đất nước chúng ta về phương diện kỹ-thuật vẫn chưa thoát khỏi tình trạng chậm tiến.

Nói tóm lại, chúng ta chưa có thể áp dụng phương thức Kibbutz vào hoàn cảnh V.N. hiện tại. Nhưng chưa không có nghĩa là không. Đó không phải là một lời an ủi mà là niềm tin của người có cái may chứng kiến sự thành công của một dân tộc đã chứng minh một cách hùng hồn rằng :

« Nếu anh muốn không có gì là mộng »

Kibbutz Yizréel (Xuân Bình Ngo)

ĐƯỜNG THIÊN ĐỒNG

CÔNG-TY GIẤY và HÓA PHẨM VIỆT-NAM

(Société de Papeterie et de produits chimiques du Donai)

COGIDO

- Rẻ, Tốt ngang hàng với sản phẩm ngoại quốc.
- Sản xuất : giấy **IN, VIẾT, GÓI, BÌA, BRISTOL, DUPLICATEUR.**
- Trụ sở : 17, bến Chương-Dương — SAIGON.
- Nhà máy: An-Hảo — Biên-Hòa.
Đ. T. : 43 - 44 Biên-Hòa.
- Văn phòng thương mại : 3, Võ di Nguy — SAIGON.
Đ. T. : 25.659.
- Hiệu bán lẻ : 978, Trần-hưng-Đạo — CHOLON.

HIỆP HỘI BÁO CHÍ SINH VIÊN SAIGON

Trụ sở tạm thời: 95-B, Gia-Long — SAIGON ★ Điện thoại: 25.878-20.678

TUYÊN CÁO

về việc ký giả Chu - Tử bị ám - sát

Hiệp-Hội Báo-chí Sinh-Viên Saigon — tổ hợp những cơ-quan ngôn-luận đại-diện cho 23.000 Sinh-viên Saigon — nhân vụ ám sát ký-giả Chu-Tử Chu-văn-Bình, Chủ-nhiệm Nhật-báo SỐNG vào sáng ngày 16 tháng 4 năm 1966 cho ra tuyên cáo dưới đây :

NHẬN ĐỊNH :

1— Chính quyền đã không có những biện pháp hữu-hiệu và lâu dài trong việc bảo-đảm an-ninh cho những người làm báo trước và sau vụ ám sát cố ký-giả TỬ CHUNG. Hậu quả của sự thiếu sót đáng trách ấy là ký-giả LỖ-VINH đã bị hành hung có thương tích, và hôm nay nhà báo CHU TỬ bị ám sát.

2— Hàng ngũ báo-chí đã và sẽ chịu những hy-sinh lớn lao, trong khi đó chính-quyền vẫn không có một chính sách báo-chí rõ-rệt đặc-biệt là tự do báo-chí.

3— Mọi hành-vi đập phá các trụ-sở báo-chí, khủng-bố, ám-sát ký-giả phải bị kết án là đi ngược lại văn-minh nhân-loại.

4— Những người đã gục ngã cho báo-chí dưới mọi hình-thức là những kẻ đã đóng góp tích-cực cho sự tự-do báo-chí.

QUYẾT ĐỊNH

1— Cục-lực lên án trước dư-luận quốc-tế và quốc-nội hành-vi dã-mạn của bọn người đã ám-sát ký-giả CHU TỬ.

2— Yêu-cầu chính-quyền gấp rút thực-hiện những biện-pháp hữu-hiệu nhằm bảo-đảm sinh mệnh cho những người làm báo.

3— Ban-hành tức-khắc tự-do báo-chí để tích-cực xây-dựng Dân-chủ.

4— Yêu-cầu chính-quyền làm sáng tỏ trước công-luận vụ ám-sát ký-giả CHU TỬ và hành hung ký-giả LỖ VINH

SAIGON, ngày 16 tháng 4 năm 1966
HIỆP HỘI BÁO CHÍ SINH VIÊN SAIGON

công thức Kibbutz
vớ'i

NÔNG THÔN VIỆT-NAM

☆ trần hữnghĩa

MỘT nhóm người trung bình từ 15 tới 300 người, có một mức độ học vấn khá cao, có một tinh thần quốc gia Do Thái vững chắc, xin được một nguồn tài trợ nào đó của ngân sách quốc gia hay quỹ của một cơ quan có mục tiêu giúp đỡ dân tộc Do Thái phục hưng, tới định cư ở một vùng đất giáp giới Palestine với một nước Ả Rập nào đó, cùng nhau thảo ra một nội qui, cùng tự hện tôn trọng nó tới đa. Như vậy là một Kibbutz thành hình.

Nội qui được thay đổi từ Kibbutz này tới Kibbutz khác nhưng thường những điểm sau đây không hề thay đổi,

Mỗi Kibbutz viên làm việc tùy khả năng riêng và sức cố gắng của mình nhưng tất cả đều phải có kiến thức và được huấn luyện về nông nghiệp Kibbutz nào cũng có Kibbutz viên tập sự. Những người này cũng phải tôn trọng nội qui cũng phải sinh hoạt theo giờ giấc, theo chủ trương của Kibbutz nhưng chỉ Kibbutz viên chính thức mới được quyền ngồi với nhau để bầu lên ban điều hành Kibbutz mà đứng đầu tạm gọi là tổng thư ký giải trí thường là giải trí tập thể. Mọi người chia phiên nấu ăn, giữ gìn vệ sinh, canh gác... Và điểm đặc biệt nhất mà cũng nghiêm khắc nhất của Kibbutz là không ai được nói tới chuyện tiền bạc. Không ai có quyền có tiền trong Kibbutz. Mọi việc nhu cầu đã có cộng đồng Kibbutz lo liệu từ tiếp tế thuốc men, thực phẩm vải vóc tới việc giải trí hay súng đạn. Kibbutz quan niệm rằng Kibbutz viên đã hết lực đóng góp cho cộng đồng thì cũng phải được cộng đồng cung cấp lại cho mọi thứ tùy đòi hỏi của từng cá nhân miễn được cộng đồng biểu quyết chấp thuận. Tưởng nên nhấn mạnh ngay ở đây là những đòi hỏi giữa

những người có chí hướng giống nhau chắc hẳn không hoàn toàn trùng hợp thì cũng tương tự với nhau chứ không khi nào bị diệt hay xung đột hoàn toàn. Ở những giờ rảnh rỗi, Kibbutz viên có thể xin xuất khỏi Kibbutz. Trong trường hợp đi ra thế giới bên ngoài » này, Kibbutz viên được cộng đồng sửa soạn cho mọi thứ : tiền xe pháo, vật dụng.

Vấn đề tiếp tế cho Kibbutz cũng như giao dịch với bên ngoài được tổ chức hết sức khoa học và kiên hiệu. Đời sống của mỗi Kibbutz viên bình đẳng nhau hoàn toàn trong quyền lợi cũng như trong công việc. Không ai thua thiệt ai gì cả. Mọi nhu cầu Kibbutz đòi hỏi đều có được cung cấp miễn là quốc gia Do Thái có được.

Con cái của Kibbutz viên được nuôi nấng tươm tất rồi dạy dỗ chu đáo chung với nhau ngay khi mới lọt lòng. Trường học của Kibbutz còn thu nhận con cái dân chúng vùng lân cận không thuộc Kibbutz. Lễ tất nhiên, trường học Kibbutz theo một chương trình tổng quát chung của quốc gia ; nhưng mỗi nơi có một sửa đổi để thích hợp với chủ trương và sắc thái của từng nơi một. Mục tiêu chánh của trường học Kibbutz là đào tạo những Kibbutz con để tiếp tục thực hiện của cha mẹ chúng đã căn dặn khởi đầu.

Điểm đặc biệt Do Thái thứ hai là Kibbutz viên được vũ trang hùng hậu. Mỗi Kibbutz được coi như một pháo đài tiền phong chống « quân xâm lăng Ả Rập ». Công tác quân sự chiếm một thời gian gần bằng với thời gian sản xuất và có thể hơn nữa nếu ở vùng đầu sóng ngọn gió. Nên có thể nói Kibbutz viên luôn luôn tay súng tay cây, Nửa mặt gieo giống nửa mặt ngó chừng quân Ả Rập

là điều có thiệt. Trở ngại chánh cho việc phát triển Kibbutz chính là vấn đề an ninh và đất đai thường quá xấu : vừa cây lên sỏi đá vừa thiếu nước liên miên.

Nhưng cái hãnh diện của người Do Thái cũng như cái thành công của Kibbutz nằm ở đó. Sản xuất không được và không nhiều thì chết đói, nên họ phải cố gắng hết mình. Nhờ vậy, họ đã biến những vùng đất tối tệ, khô cằn thành màu mỡ phì nhiêu. Ở thê phải ngoi đầu lên từ hồ sâu diệt vong của 2 000 năm mất nước, đứng chênh vênh ở thê một là bắt đầu lại cuộc sống mới hay phải bị hủy diệt hoàn toàn đã khiến họ có những cố gắng mà chúng như không dân tộc nào có nổi.

Và phải chăng bởi cộng đồng đã đòi hỏi ở mỗi người họ những khó nhọc tốt cùng, những cố gắng vĩ đại mà một con người thông thường, ở một hoàn cảnh thông thường không khi nào có được, nên kỷ luật của Kibbutz xem ra rất nhẹ nhàng, nếu không muốn nói là không có gì hết (dĩ nhiên ở một cách nhìn rất thông thường nào đó).

Bởi trừng phạt nặng nhưt mà Kibbutz viên có thể phải chịu là bị trục xuất ra khỏi Kibbutz. Thê thôi. Không bị ăn thịt mà cũng không bị đánh hèo, Nhưng phải chăng đó là 1 điều nhục nhã mà không người Do Thái nào đã dấn thân vào Kibbutz chịu nổi. Dân cứ phải bị giết mới là bị xử tội đa.

Trước những thành công mẫu nhiệm của các Kibbutz Do Thái, thanh niên VN xem chừng ham mê lắm.

Người ta đã nói tới việc lập các Kibbutz tại VN. Chính phủ Do Thái đồng ý hết sức giúp chúng ta trên phương diện nầy. Song 1e, mê sảng quá trước những thành công của Kibbutz có phải là điều đáng khuyến khích hay không?

Bởi nhìn cho đúng, Kibbutz Do Thái đã thành công nhờ yếu tố quan trọng nhưt là hoàn cảnh xã hội và vị trí lịch sử quá ư đặc biệt của họ. Họ phải bám vào đất để tạo lại cho được quốc gia đã mất trên 2000 năm. Họ phải bám vào đất để không bị tự diệt. Vì dầu đã tở thái độ hay còn im lặng, không nước nào thực sự muốn dung túng nhiều công dân Do Thái trên đất của mình. Họ phải bám vào đất giữa khi muốn ngàn địch thủ Ả Rập cứ chực chờ cơ hội để tiêu diệt họ bằng mọi giá. Đứng ở chân tường bị hủy diệt sự sống, có thể nói họ chịu cả hi sinh sự sống để tạo ra sự sống.

VN đang ở thê ngặt nghèo nhưng không phải ngặt nghèo kiểu đó. Chúng ta không chịu cảnh môi thù truyền kiếp bắt cộng đại thiên mà là sự bành trướng và sự chông đỡ giữa hai quan niệm tổ chức xã hội tương khắc nhau chúng ta không bị cướp đất mà là bị cướp hôn Ả Rập muốn giết

Do Thái chứ không muốn Do Thái là Ả Rập. Còn miền Bắc chỉ muốn miền Nam giống họ mà thôi. Thành ra, toàn dân Do Thái được một lòng. Còn dân ta tinh thần lại chia năm xẻ bảy. Nào quốc gia thân Mỹ, thân Tây, nào quốc gia cực đoan. Rồi còn chuyện tôn giáo mình là nhưt hay địa phương mình hết sức đẹp...

Nhân tâm lý tán như vậy, nói chuyện Kibbutz coi mỗi vừa khó vừa không hợp. Giả tí như có Kibbutz mở ra và có tiền triển, chúng ta sẽ thấy gì. Vấn đề trước nhưt là đặt định sự giao dịch mua bán với bên ngoài. Kibbutz VN bán dễ dàng ra ngoài được chăng hay vẫn phải chịu gián tiếp cảnh trung gian, đầu nậu. Rồi có ai bảo đảm Kibbutz VN được cung cấp mọi thứ không. Hay lại cái nạn nay thiếu đường, mai thiếu sữa... Rồi giá cả cứ theo đà gia tăng kỳ hoặc, hiện đời sống ở Kibbutz VN có yên ổn được không. Chúng ta nghĩ tới hình ảnh cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng. Do đó, trước tiên không phải những nội tở phá hủy Kibbutz VN mà chính các ngoại tở sẽ ngăn trở sự thành công.

Thêm nữa, mục đích của Kibbutz Do Thái là tập hợp sức lực dân chúng Do Thái để vừa chống xâm lăng vừa cố gắng đạt được năng xuất tối đa, ngổ hầu có đồ mà ăn. Ngược lại ở An Nam ta, những rối loạn, những suy yếu nào phải do chúng ta sản xuất không đủ nông phẩm hay có chắc đâu cứ xếp dân chúng thành đội ngũ từng vùng là đánh thắng Cộng Sản.

Tại chiến tranh đã tàn phá mọi sự xây dựng rồi nên mình không thể sản xuất, thiếu điều kiện sản xuất chứ không phải dân mình khổ vì năng xuất kém.

Khi ruộng đồng tiếp tục bị bỏ hoang, khi nông dân tiếp tục bị quăng vào đô thị, tiếp tục phủ nhận nghề của cha ông mình thì Kibbutz nên lập ở chỗ nào bây giờ.

Còn ở mặt chiến cuộc, ai cũng đồng ý trận giặc nầy không thể thắng bằng quân sự. Hiện tại chúng ta đang được nặng đồng cân về binh bị nhưng tình trạng cứ bi như thường. Người ta đang tiếp tục kêu đem chính trị vào quân đội để chiến thắng và lập Kibbutz đâu phải là giải pháp đem lại lợi thê chính trị.

Còn ở mặt kinh tế, ổn định làm sao được khi cung cứ tiếp tục thiếu và cầu cứ tiếp tục tăng

Cái phá hoại cũng nhiều nhưt là chiến tranh. Lúc nầy, không ai mơ tưởng đất Việt sản xuất đủ nhu cầu cho dân Việt. Nên ai cũng tính nhờ ngoại quốc cung. Rồi dính chuyện tiền tệ, chuyện thương cảng. Mấy cái đó Kibbutz đâu ăn nhập gì. Tình trạng trị trị của Kinh tế VN là tình trạng

toàn diện những cố gắng của Kibbutz chẳng có ích lợi chút nào.

Trên đây là nói việc Kibbutz không thể đạt được kết quả tích cực, hữu hiệu lúc này. Còn nói tới việc thành lập nó có được hay không, lại có nhiều chuyện khác đáng bàn. Kibbutz cần nhất là sự đồng tâm hợp lực. Mà như trên đã vạch, đồng tâm kiểu Kibbutz Do Thái khó mà có ở VN chẳng thể nào có mà cũng chẳng cần có.

Do Thái hi sinh mọi thứ để chiến đấu cho sự tồn tại của dãy đất Palestine. Còn mình tranh đấu để xác nhận quyền sống tự do dân chủ và no ấm. Tiếng kêu đòi của mình là tiếng kêu đòi no ấm, hạnh phúc. Tiếng kêu đòi Do Thái là tiếng kêu đòi quyền tồn tại của một dân tộc.

Rồi ngay lúc này đây đồng tiền quả đang có sức mạnh vạn năng. Người ta có thể bỏ cả gia đình, bạn bè hay từ chối cả phẩm cách của mình để kiếm đồng tiền, thì đòi hỏi nhiều nhóm nào đó không tính tới chuyện tiền bạc để sinh sống phải chăng là đòi hỏi quá đáng. Có thể có một số dám hy sinh nhưng làm sao kéo được sự hưởng ứng của đông đảo. Hơn nữa điểm quan trọng nhất để hoạt động của Kibbutz được trôi chảy, hòa hợp chính là tinh thần cộng đồng. Ai cũng nghĩ sinh hoạt xã hội VN cách riêng sinh hoạt nông thôn đang vướng nhiều trở ngại chính là sự thiếu vắng tinh thần cộng đồng. Mọi người thích lo bản thân, gia đình mình hơn là xã hội. Nên kết quả là xã hội phân hóa, sâu xa, mọi giá trị rã tan như đồ giấy mắc mưa chín mười năm nay rồi, thì chất keo nào giúp họ nhìn mặt nhau trong kibbutz mà không thấy kẻ đứng trước mình có bộ mặt gớm ghiếc đáng ghét? Người ta đã cố tình tạo cho dân mình ý muốn được ban ơn, bỏ thì mà không phải tự tạo hay mất công. Mỗi dây liên lạc giữa người và người hầu như tàn lụi, mọi liên đới trách nhiệm bị rã rúng. Cho nên muốn phục hưng đất nước, cũng phải bước lại bước đầu.

Bước đầu đó không phải là tổ chức nông thôn và theo một công thức cần ngay điều kiện mà hầu như dân mình đã đánh mất từ lâu mình phải đi tìm lại nền móng cũ phải dựng nên mới tính chuyện xây nhà. Đó là việc nối lại tình người, gây sự cảm thông, hợp tác chân thành với nhau, tin ở mình và không ý lại người, quý vật, mình làm cũng cảm thấy xấu hổ khi được người cho! Nói tắt là phải phát huy lối sống cộng đồng.

Mọi giá trị đã bị rã tan, mọi lời biện giải đều bị xem như phù chú thì cách duy nhất nhất để thổi lại ngọn lửa cộng đồng chỉ là phải có kẻ xung-phong làm gương, có kẻ chịu làm chất men kết chính yêu thương, khơi dậy tình dân tộc, có kẻ yên lặng làm công chuyện lâu dài mà dễ bị bạc đãi: đưa người gần lại người. Với lại phải làm gương bằng hành động, bằng việc làm, bằng hình ảnh thiết 4.000 xã đều nên có kẻ làm gương như vậy. Tất nhiên phải hỏi mỗi xã cần mấy người làm men là đủ? Thành phần nào tương đối đủ điều kiện để làm công việc đó? Đương nhiên mọi chuyện đều có bước đầu, đều khởi từ chỉ một điểm.

Thời gian không cho phép mình chần chờ cũng như mình không nên có nhiều khiêm nhượng tới nỗi không thể mở miệng đoán xác đó là những người tuổi trẻ đi học, những sinh viên học sinh, mà nông cốt là học sinh đệ nhị cấp. Những người đứng tuổi, những bậc đàn anh mình đã thử nhiều rồi và lần nào cũng đã thua. Cùng lứa tuổi với nhau, người ta khéo tha thứ cho nhau. Bậc trưởng thượng ở thôn quê đã bị bậc trưởng thượng ở thành thị chèn ép, ăn gian, lừa khi là đàn áp, bóc lột nữa. Ở đây, mình không đi tìm lý do tại sao có vậy nhiều kẻ đi tìm rồi — mà đồng ý đó là một thực trạng. Giở đây, chỉ có mình, lớp người trẻ, sanh trưởng và lớn lên trong loạn ly sắt máu, tay còn trắng, trí còn tinh anh, chưa biết những thủ đoạn tráo trở, lọc lừa, Có thể mình gò gác ở thành thị hay thôn ỏ, có thể sanh ra ở môi trường này hay môi trường khác, chịu đựng hoàn cảnh nọ hay hoàn cảnh kia, nhưng có điều chung là mình chưa thất bại mình muốn bước đầu của sự đổi thay. Nông thôn chưa nhìn mình bằng cặp mắt thù hằn, với quan niệm dựa con ngoại tộc, thành thị chưa thấy cần rù quyền mình, bắt mình về hùa để làm xấu như họ. Cho nên, mình đủ điều kiện, có thể đề nói chuyện kết đoàn.

Nhưng cũng tâm nguyện hoài mình về thôn quê không đề thuyết phục mà là về để phục vụ, xin được hi sinh. Phục vụ phần nào? Hi sinh bao nhiêu? Dân quê nghèo đói nên cần thức ăn nghĩa là cần phát triển nông nghiệp. Dân quê đau ốm nên cần thuốc men nghĩa là phát triển y tế. Dân quê thiếu những cơ sở cộng đồng, sinh hoạt xã hội còn hết sức tri tri cần phát triển những hoạt động xã hội. Dân quê còn chưa biết chữ nên cần phát triển giáo dục. Rồi 4 mục tiêu này đồng qui lại, phụ trợ cho mục tiêu căn bản, chánh yếu nhất phục hưng sinh hoạt cộng đồng.

Bằng sức trẻ hăng hái, bằng bàn tay trong sạch, mình đang xây nông thôn với lát kỷ phương tiện từ đâu tới, miễn nơi cung cấp không đòi mình một điều kiện nào. Đó có thể là của đồng bào, là của chính quyền, là của ngoại quốc. Thời khóa biểu hoạt động của mình là thời khóa biểu của đồng bào không thể do nội qui cứng nhắc của mình qui định, và chúng ta còn phải làm hơn. Lúc nào đồng bào cần là mình có, đồng bào gọi là dùng tới ngay.

Buổi tối, mình tổ chức giải trí. Khi cần có một hoạt động đại qui mô, mình tổ chức một phong trào, một « tuần lễ » rồi mới gọi đồng bào tích cực hưởng ứng.

Về trú ngụ mình sống chung với đồng bào, ăn cơm chung với đồng bào. Mình trực tiếp cảm nhận ngay nghĩa là mình là con cháu để phục vụ mỗi yêu cầu của đồng bào.

Đó chỉ bằng cách đó, bằng cách chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh mọi đòi hỏi sung sướng của cá nhân, mình muốn nói với đồng bào rằng giữa những rã tan của giá trị xã hội, vẫn có những kẻ còn lòng, vẫn có những kẻ còn muốn xây dựng nông thôn mà không một điều gì.

Hình ảnh đó có được chăng khiến đồng bào nghĩ lại; khiến đồng bào tin tưởng rằng giá trị xã hội vẫn còn, rằng có người còn gì thức muốn xã hội tồn tại, phải nắm tay duy trì xã hội.

Thứ tưởng tượng ở tương lai hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, ngoài giờ dành cho bản thân, cho gia đình mình, hết thấy chúng ta cùng xây dựng nông thôn, cùng tổ chức, cùng phát huy đời sống cộng đồng, thì làm sao sinh hoạt nông thôn không vươn lên được.

Vấn đề là làm sao nhân lực thanh niên có đủ sức làm dậy nổi chất men ? Cái đó dành trông vào sự tự nguyện của kẻ có lòng như Kibbutz nào dám bắt ép dân Palestine phải dấn thân. Ở một tương lai xa hay gần nào đó, nếu giáo dục sáng sủa, tiên bộ tới nỗi mỗi học sinh, mỗi sinh viên đều nghĩ rằng khi hoàn thành một giai đoạn học của mình, thiết cần phải bỏ 1 hay 2 năm về nông thôn, sống hòa mình với đồng bào. Như vậy, chắc rằng xứ sở mình có một nguồn năng lực vô tận vậy.

Tóm lại, nói được chăng tổ chức của Kibbutz đóng kín, đóng kín về kỷ luật, đóng kín về chủ trương, quan niệm và nhằm phục vụ Kibbutz viên trước hết sau rốt mới có ảnh hưởng tới quốc gia, còn mình quan niệm thì mở rộng khoáng đạt từ tổ chức tới đường lối thực hiện, lẽ lối làm việc và không nhằm phục vụ cho bản thân mình chút nào mà dốc hết cả dành cho nông thôn VN.

Hay, quan niệm mình khác với Kibbutz trước hết vì mình không nhằm tận dụng kỹ thuật tổ chức mà nhằm nâng cao tinh thần trước. Tỉ như mình không có qui luật bó buộc phải phủ nhận giá trị của tiền bạc nhưng mình nghĩ rằng làm công việc phục vụ nông thôn không cần tiền bạc giống Kibbutz được trợ cấp thực phẩm, tiếp tế đủ thứ. Còn mình sẽ nhận một số tiền tối thiểu đời lấy nó đủ cần cho cuộc sống đạm bạc hàng ngày tại nông thôn.

Mình không võ trang vì quả tình ở nước ta đòi với những quan niệm, những tư tưởng đã do hoàn cảnh in sâu vào tâm trí đồng bào, vừa võ trang vừa xây dựng, không thể lôi kéo sự bằng lòng toàn vẹn của đồng bào. Mình quan niệm diệt địch quân bằng vũ khí thiết cần nhưng không cần và cấp bách bằng diệt tinh thần chuộng địch phục địch trong tâm não đồng bào. Mình không tổ chức một hệ thống tiếp tế riêng cho mình như của Kibbutz và không ăn nhậu gì với dân chúng lân cận. Mình chịu hệ thống tiếp tế dành cho đồng bào, rồi cùng đồng bào tranh đấu cho nó được hoàn bị hơn. Và một điểm chắc chắn rằng nhân bản hơn Kibbutz là mình tôn trọng đời sống tự nhiên hơn. Mình khuyến khích mọi người sinh hoạt chung, giải trí tập thể nhưng những giờ nghỉ ngơi riêng tư hết sức được tôn trọng.

Chỉ một điểm hết sức giống Kibbutz là cùng quan niệm cộng đồng nghĩ, cá nhân làm, cộng đồng phán đoán và chịu trách nhiệm chung cuộc. Kinh nghiệm cũng phải do cộng đồng thu nhặt rồi trao trả cũng như phân phát cho cá nhân bằng những buổi kiểm thảo, kiểm điểm công tác.

Điểm cuối cùng mình chấp nhận quan niệm Kibbutz là hề ai không còn thích hợp với quan niệm mình nữa thì mình báo cho họ hay để họ báo cho mình rồi hai bên rời nhau chớ không trách cứ hay nghĩ cách trừng phạt bao giờ.

Chừng ấy qui lệ, chừng ấy quan niệm đem áp dụng vào hoạt động phục vụ nông thôn VN, nói được chăng mình đã áp dụng công thức Kibbutz.

TRẦN HỮU NGHĨA

Tình thương — Số 28

Y SĨ TIỀN TUYẾN

TRANG CHÂU ★ TRANG CHÂU ★ TRANG CHÂU ★ TRANG CHÂU ★ TRANG CHÂU

Mười lăm ngày tại TAM QUAN

★ Y sĩ Trung úy TRANG-CHÂU

Đường ra đơn vị :

C UỘC hành quân Thân Phong 11 khai diễn được 10 hôm thì công điện gọi tôi ra mặt trận thay thế bác sĩ C..., y sĩ trưởng tiểu đoàn 6 nhảy dù. Ông này bị thương ở chân phải về điều trị. Bác sĩ C... Cho tôi biết tình hình đã yên. Đền giai đoạn bình định. Một giờ sau khi bàn giao chức vụ chiếc C130 đưa tôi cùng một toán lính nhảy dù ra tăng cường đi Qui Nhơn.

Tôi nghỉ lại Quân y Viện Qui Nhơn một đêm. Sáng hôm sau Đại úy L... đưa tôi dạo quanh thành phố kiểm chỗ ăn sáng. Dầu vết ngoại nhân in hằn lên mảnh đất quê hương. Nó cần thiết, nhưng nó cũng làm đau lòng, để tránh ngộ nhận. Chiếc trực thăng Mỹ đưa tôi ra Bồng Sơn lúc 2 giờ chiều. Một chiếc jeep hồng thập tự đưa tôi về bộ chỉ huy sư đoàn cách xa phi trường độ 3 cây số. Sau khi trình diện Thiệu Tá L... Y sĩ trưởng đại đội Quân y, tôi được hướng dẫn lên trình diện Chuẩn Tướng Tư Lệnh. Có và được cảm tình Bộ chỉ huy đóng trên một ngọn đồi. Ngọn đồi đối diện là bãi đáp trực thăng. Xa hơn tí nữa giàn trọng pháo chốc chốc ì ầm nhả đạn! Con đường quốc lộ gồ ghề bốc bụi đầy trời vì những chiếc quân ra thường xuyên qua lại. Đã ngửi thấy mùi chiến tranh.

Tôi nghỉ lại đại đội Quân y một đêm. Trong câu chuyện buổi cơm chiều, ông Thiệu Tá có vẻ bàng hoàng sự tình nguyện ra Vũng Tàu của tôi. Tôi thông thích Vũng Tàu nhưng tôi muốn xa Saigon lâu. Người yêu tôi ở đó, nhưng tôi vẫn muốn đi xa, xa để xem mình nhớ đến mức nào... Ông Thiệu Tá hỏi tôi sao sang Nhảy Dù tôi mỉm cười hứa tại vì thích. Thật ra tôi muốn nói nhiều vì sao tôi sang Nhảy Dù: Tôi chạm ND vì nhiều người nghĩ rằng không bao giờ tôi phải đi ND. Tôi thích âm những chuyện bắt ngờ cho mọi người, cho tôi nữa. Có thể vì câu nói: «trí thức bây giờ hèn lắm» chạm tự ái tôi nên tôi đi ND cho họ biết mặt, cho... ghét. Cũng có thể tôi không muốn ngồi yên nhìn kẻ khác hy sinh cho quyền lợi của giai cấp mình. Cuối cùng tôi sang ND vì không thể không sang ND vì nếu tôi không sang ND làm sao hôm nay các bạn đọc được thiên ký sự này? Sự góp mặt của tôi chỉ là hạt cát trên bãi biển. Nhưng nó cần

thiết, cần thiết nhất là cho chính bản thân tôi: Tôi sẽ có thể nhìn mọi người không hổ thẹn, lương tâm ngon giấc...

Sáng hôm sau tôi xuống Đ6 ND nhận Chức Y sĩ Trưởng. Đ6 đóng cách xa bộ Chỉ huy chừng 5 cây số, trong làng, dưới những bóng dừa xanh mát Tôi được đưa đi giới thiệu với các sĩ quan. Nhiều người biết tôi nhiều hơn tôi tưởng. Dưới quyền chỉ huy của tôi là Trạm cứu thương gồm 16 y tá. Tôi đến họ với nét mặt thiếu kinh nghiệm hiền hòa...

Đ6 đóng ở Hoài Sơn đã được 5 hôm. Ở giai đoạn bình định này công tác duy nhất của các tiểu đoàn Dù là làm dân sự vụ. Các trạm cứu thương khám bệnh, phát thuốc, chích ngừa, băng bó, vết thương, gấp mảnh bom, đạn cho đồng bào. Những nạn nhân vô tội của chiến tranh làm tôi đau lòng. Một đứa bé 14 tuổi bị mảnh bom cắt ngang xương sống tẻ liệt hai chân bỏ lết lâu ngày lưng, dít, bắp đùi, đầu gối thối dần.

Một gia đình chỉ còn một em bé một tuổi bị đạn vào lưng vào một cô chỉ 16 tuổi. Tôi lấy viên đạn ra, vết thương chắc sẽ lành. Nhưng hai chị em sẽ sống ra sao? Những nạn nhân này sẽ là công cụ tuyên truyền hữu hiệu của cộng sản:



Tôi nghĩ để gây lại niềm tin trong lòng người dân ở đây, đòi hỏi những gì khác hơn chiến thắng

Một buổi tôi binh sĩ ND phục kích bắn chết một du kích V.C. Sáng hôm sau một người đàn ông trong làng ra ôm cái xác khóc kể rằng: «Anh nó đi lính quốc gia V.C. giết, nó theo V.C. quốc gia bắn chết. Còn tôi, tôi biết theo ai bây giờ?...» Cảnh ngộ éo le đến nức cười. Phần tôi, tôi không muốn khóc. Công tác y tế giúp tôi gần dân chúng hơn. Ban đầu họ còn e ngại nhưng dần dần họ trở nên cởi mở. Tôi nghĩ tranh thủ nhân tâm không phải là vấn đề khó, khó ở chỗ không có người để đi tranh thủ nhân tâm.

Ngoài công tác dân sự vụ tôi chỉ còn biết chui vào lều nằm nhớ Saigon và ngủ. Mấy ông sĩ

quan đại đội trưởng đến thăm tôi và xin thuốc luôn, tôi mong được nghe họ tâm tình. Một buổi sáng chúa nhật tiểu đoàn tổ chức lễ tôn giáo. Gặp Trung úy C..., ông hỏi tôi : « Bác sĩ đi lễ bên nào ? ». Tôi cười trả lời : « Đi bên này sợ mất lòng bên kia, nên tôi đi chơi đây ». Tôi được liệt vào hạn chịu chơi ngay. Và chúng tôi ra chợ Tam Quan ăn bún. Câu chuyện thật cời mờ, tuy chỉ quanh quẩn chung quanh vấn đề : tiền tuyến và hậu phương. Người hậu phương bị chỉ trích nhất là người đàn bà. Hình như chúng tôi lên án họ không chung tình. Nhưng rồi chúng tôi thông cảm hoàn cảnh đơn chiếc của những người đàn bà có chồng, có người yêu đi chinh chiến. Chúng tôi đồng ý lỗi phần lớn không phải ở họ, lỗi ở chiến tranh đã làm một số chúng tôi không về, làm chúng tôi không đáp ứng được những gì người đàn bà mong muốn, đòi hỏi để họ sống trong lo âu đợi chờ, thất vọng, đau khổ. Cuối cùng chúng tôi kết luận người đàn bà ngoại tình mà còn biết che giấu là người đáng được tha thứ vì ít ra họ còn biết sợ...

Theo tin không chính thức thì 15 tháng 2 sẽ có đơn vị bạn ra thay thế. Hôm nay 13. Tôi nghĩ chậm lắm 17, tiểu đoàn sẽ về đến hậu cứ. Cuộc xuất trận đầu tiên của tôi như thế không có gì gây cản cả. Tôi vẫn ao ước lần thử lửa đầu tiên của tôi phải là một trận đánh lớn và là một chiến thắng lớn.

Trận đánh làng Hy văn

— Bộ chỉ huy mời bác sĩ lên họp.

Buổi họp cho biết có lệnh hành quân. Tôi tập họp toán y tá chuẩn bị thuốc men rồi đi nghỉ thật sớm lấy sức. Với ý nghĩ chắc V.C. đã rút lui sẽ không có đụng độ tôi yên tâm ngủ. Chúng tôi được đánh thức lúc 3 giờ sáng. 4 giờ cơm nước cà phê xong xuôi, nhổ trại. Lặng lẽ chúng tôi tiến hàng một ra quốc lộ. Một hàng xe GMC chờ đón. 4 giờ 30 xe chuyển bánh. Tôi ngồi chung ca bine với ông Tiểu đoàn Trưởng chúng tôi không ai nói với ai một lời. Vượt một quãng chừng 6 cây số xe rẽ vào một con đường gồ ghề, chạy thêm chừng 3 cây nữa. Chúng tôi được đổ xuống ven cánh làng nằm dưới chân một ngọn đồi. Một tiểu đoàn công binh VN đóng trên đồi Gia-Hựu, trên cánh làng chúng tôi vừa đổ xuống 15 ngày trước đây là chiến trường của một trận đánh ác liệt kéo dài 2 ngày 2 đêm. Cờ thủ trong những giao thông hào kiên cố, địa thế thuận lợi, VC đã chống trả mãnh liệt. Vào ngày thứ 3, sau một trận mưa bom kéo dài hàng giờ, TĐ6ND mới chiếm được mục tiêu. Nơi đây một trái 60 rơi vào bộ chỉ huy làm bị thương tiểu đoàn trưởng, tiểu đoàn phó và 2 sĩ quan cỡ vắn Mỹ. Cũng nơi đây trong lúc chạy lên tiếp cứu cho binh sĩ bị thương bác sĩ C... bị tiếng nổ 1 quả 81 của địch hất té nhào xuống hồ làm ông trặc chân nặng. Cảnh làng

thật thê lương, chỉ còn tro tàn gạch vụn, những thân dừa cháy đổ ngổn ngang. Trời mưa lâm râm. Tôi ngồi trú mưa dưới mái tranh một ngôi nhà đã sụp một nửa. Ông y tá trưởng ngồi cạnh tôi, tháo chiếc nhẫn ở tay cho vào túi xong nói với tôi : « Bác sĩ à, lần trước trời cũng mưa lâm râm như thế này, tôi cũng tháo nhẫn cất vào túi và đã đánh nhau to... ». Tôi hiểu ông muốn nghĩ gì. Lần này trời cũng mưa lâm râm, ông cũng tháo nhẫn cất vào túi và chắc là sẽ đánh nhau to. Tôi không cười sự dị đoan của người y tá trưởng vì một lẽ dễ hiểu tôi cũng hay tin nhầm như vậy : Suốt một tuần đóng quân trời nắng ráo, đúng vào hôm xuất quân trời mưa. Điềm xấu, tôi nghĩ thế.

Vào khoảng 7 giờ sáng, cánh quân có trạm cứu thương đi theo được lệnh di chuyển. Chúng tôi tiến hàng một theo con đường mòn chạy quanh co trong làng. Mưa nặng hạt hơn trước, con đường trở nên trơn trượt. Nhìn con giao thông hào sâu lút đầu người liên tục chạy quanh bờ làng, tôi hiểu vì đâu TĐ6ND phải mất 2 ngày tròn mới chiếm nổi mục tiêu. Bất chợt tôi tự hỏi nếu mục tiêu cuộc hành quân này cũng có một giao thông hào tương tự ?

Cánh quân dừng lại. Tôi vào trú mưa trong một ngôi nhà tranh. Trong nhà có 2 thiếu phụ, 2 đứa bé chừng 5 và 7 tuổi. Đã 9 giờ hơn. Chúng tôi dừng lại đây khá lâu. Người y tá « tùy viên » mang cơm cho tôi ăn. Hai đứa bé nhìn tôi ăn thêm thưởng. Cơm có thịt kho, trứng gà, tôi vẫn nuốt không trôi. Vây 2 đứa bé lại tôi trao cho thằng lớn phần cơm còn lại. Chúng nó ăn ngấu nghiến ngon lành. Ngoài con đường mòn dân làng từ phía dưới bồng bề, gồng gánh, dắt trâu bò tiến ngược trở lên. Tôi nghĩ thầm : dưới đó có VC, dân làng biết sẽ đánh nhau nên tản cư. Cơm mưa đã dứt. Có tiếng động cơ âm âm mỗi lúc một gần. Tôi nói với ông y tá trưởng : « M 113 đến yểm trợ mình ». Đến 1 giờ trưa thì được lệnh di chuyển. Tôi biết giờ phút gay go bắt đầu. Đi hết con đường mòn thì hiện ra trước mắt tôi 4, 5 làng có dừa bao bọc nằm rải rác giữa một đồng lúa xanh mênh mông. Chắc đây là mục tiêu. Tiếng súng bắt đầu nổ dồn toàn liên thanh : Hòa lực đôi bên ở M 113 bắn dọn đường tiến quân. Chèn vào đây những tiếng nổ lớn của trọng pháo. Một cánh quân bên phải băng qua cánh đồng bọc lên phía trái. Cánh quân của tôi tiến theo sau. Bùn ngập tới đầu gối. Tôi phóng tầm mắt quan sát. Đàng xa, 4 mặt các M 113 sắp hàng ngang từng 4 chiếc tiền, bắn không ngừng vào 2 cái làng nhỏ. Từng hàng lửa đỏ rực nối tiếp nhau mắt hút trong rừng dừa. Cánh quân của tôi tiến vào mé trái của làng thứ 3. Sau dãy làng là những ngọn đồi. Tiếng trọng pháo bồng nổ dồn dập, một trong những ngọn đồi bốc khói trắng xóa. Mười lăm phút sau một đơn vị bạn được trực thăng vận xuống ngọn đồi đó. Cánh quân của tôi dừng lại ở bờ

ruộng cách làng chừng 500 thước. Ở 2 làng trên các M 113 tiền sát đèn gần bờ làng. Chen trong tiếng liên thanh tiếng súng nặng, có tiếng « tắc cù » đặc biệt của loại súng trường Nga. Loại đạn này xé gió nghe đèn rộn người. Cánh quân được lệnh tiến vào làng. Phải thú thật lúc này tôi thấy sợ. Tôi đặt chân lên bờ làng sau khi băng qua một con suối. Tựa lưng vào một gốc dừa tôi ngồi thở mắt hướng về phía mặt mù lửa đạn. Tôi ngạc nhiên thấy những chiếc thiết vận xa vừa bắn vừa lùi, bọt nước tung tóe từng lúc lên chung quanh.

— Chúng nó có 57. Tiếng một binh sĩ ngồi quay lưng lại với tôi nói. Trúng phải một viên đại bác 57 xé sẽ bốc cháy. Đoàn xe lùi mãi, lùi mãi, ngưng bắn, chuyển thành hàng dọc rồi nằm im. Các loại súng vẫn nổ trước mặt bên phải bên trái chỗ xa chỗ gần. Đang phân vân không biết trận chiến sẽ ngã ngũ ra sao thì trên không có tiếng ù ù. Lòng tôi mừng khắp khởi. Không trông thấy phi cơ nhưng tôi nghe hình như nó đang chúc xuống để bắn. Có tiếng gió ào ào từ cao bỏ xuống đầu chúng tôi, tiếp đó một tiếng ầm ghê hồn nổi lên. Tôi không kịp có một phản ứng nào.

— Chúng nó canh 81.

— Không phải, róc kết của mình

— Thả khói vàng ! Thả khói vàng, mau lên !

— Bác sĩ ơi, em bị thương !

Tôi quay đầu lại, người binh sĩ ngồi cạnh tôi ban nãy nằm ngửa người, một tay ôm cổ. Tôi gờ tay anh ta, một giòng máu nhỏ chảy xuống vai. Vết thương nhẹ. Tôi bảo anh nằm yên đó rồi chạy về phía xảy ra tiếng nổ. Quả rocket rơi xuống con suối. Cánh quân tiến sau 7 người bị thương. Chỉ một người nặng, mảnh ghim đầy chân phải. Tôi cho bó bất động và truyền một chai dex trose. Toán y tá của tôi làm phận sự cấp cứu. Chúng tôi khiêng các thương binh để nằm dưới mái hiên một ngôi nhà chờ di tản. Một lúc sau 2 chiếc skyraiders trở lại lần này rocket, napalm rơi đúng mục tiêu. Tiếp đến 2 trực thăng HUIB thay phiên nhau bắn phi đạn và đại liên. Sau 2 đợt oanh tạc nhiều đám cháy đồ rực bốc lên. Cảnh tượng trông thật khốc liệt. 2 chiếc trực thăng vừa bay khuất, đoàn thiết vận xa dẫn ngay hàng ngang tấn công trở lại. Nhìn ra đồng ruộng tôi thấy vô số nón sắt nhấp nhô trong đám lúa. Đây là đợt tấn công quyết định. Nếu không chiếm được mục tiêu chắc phải rút vì trời đã xế chiều. Tôi trở vào xem chừng tình trạng các thương binh. Nửa giờ sau gặp ông đại đội trưởng cánh quân của tôi ông cho hay đã chiếm được mục tiêu I đang tấn công mục tiêu II và III. Ông cũng cho tôi biết một tin buồn : Trung úy V... đại đội trưởng cánh quân đi theo thiết vận xa đã tử trận. Nghe tin tôi bàng hoàng cả người. Tôi chỉ gặp Trung úy V... một lần, hôm tôi đến nhận chức. Đại đội của ông đóng xa bộ chỉ huy

nên tôi không có dịp tiếp xúc thêm. Không ngờ buổi gặp gỡ lần đầu ấy lại là lần cuối cùng. Tôi cố nhớ mãi mà không sao hình dung lại được khuôn mặt người bạn đồng đội vừa ngã xuống.

Trời bỗng dưng u ám. cơn mưa lại bắt đầu. Nhìn ra đồng ruộng tôi thấy 4 binh sĩ khiêng cáng một người bị bầm lợi về phía tôi.

— Ai vậy ?

— Dạ thiếu úy T... Đalat mới ra

Thầy cả ngực ông băng kín tôi hỏi một trong bốn người khiêng cáng. Bị thương ở đâu ?

— Dạ, đạn xuyên qua vai.

Mạch nhảy nhanh và yếu, Người sĩ quan trẻ tuổi hai mắt lơ dờ; trán trở người muốn kiểm một thẻ nằm cho đỡ đau, dễ thở. Ông luôn miệng gọi tên một người con gái. Tôi cho truyền một chai dextrose có pha thuốc chống xúc kích thích thuốc trợ tim, thuốc điều hòa hô hấp. Sau đó tôi cho y tá cắt băng khám vết thương. Máu vọt có vòi ở lỗ viên đạn vào. Xuất huyết trong lồng ngực. Có thể chết vì mất máu và ngạt thở. Để tránh thêm biến chứng do không khí tràn vào lồng ngực tôi khâu bít 2 lỗ đạn vào và ra. Hết chai dextrose, tôi cho truyền thêm một chai huyết thanh. Người y tá chích 4,5 lần vẫn không vào máu : Các tĩnh mạch bị tắt nghẽn ! Mạch yếu và nhanh không đếm được. Sở động mạch đùi thấy còn đập mạnh tôi đâm sâu cây kim xuống bên cạnh ở phía trong vị trí của tĩnh mạch đùi, Tôi đâm trúng nó và cuộc truyền huyết thanh bằng tĩnh mạch đùi thành công.

Hai binh sĩ khiêng đến trạm cứu thương một xác chết đã được gói gọn trong chiếc poncho. Tôi không biết mặt, biết tên người binh sĩ mà sao lòng cảm hờn tự nhiên phùng phùng trong tôi ? Không phải tử thần, chính kẻ thù đã làm cho kẻ nằm kia trở nên bất động. Tôi lăm lăm bầm chườm thế mấy câu.

Cánh quân của tôi được lệnh tiến lên. Phải di tản thương binh theo. Thật là cả một vấn đề. Chỉ có 2 người đi được, 3 phải diu, 2 phải khiêng cáng và 1 xác chết phải gánh theo. Ngoài số y tá tôi phải huy động thêm một số binh sĩ giúp việc di tản. Trời đã tối hẳn. Mưa vẫn không ngừng. Chúng tôi khó nhọc theo đuổi toán quân. Đường trơn, bùn lầy hết người này trượt chân đến người khác. Tôi phụ khiêng cáng ông thiếu úy T... nằm. Trông ông cơ quắp rên rỉ thật tội nghiệp. Áo quần ướt đầm làm tôi thấy lạnh. Súng vẫn còn nổ nhưng thưa và xa hơn. Chúng tôi đi hết con đường đất bằng qua ruộng thì đến một căn nhà sàn. Trạm cứu thương được lệnh đóng đêm tại đây. Tin tức cho tôi hay cánh quân đi theo thiết vận xa, ngoài Trung

úy V... còn thêm 7 binh sĩ thiệt mạng trong đó có 2 xạ thủ thiệt vận xa và 12 bị thương. Các thương binh này được trạm cứu thương của tiền đoàn 5 nhảy dù săn sóc. Đã 9 giờ tối. Tiếng súng im hẳn, mưa cũng tạnh. Bộ chỉ huy yêu cầu tôi báo cáo tổng số tổn thất và tình trạng thương binh. Trong báo cáo tôi nói rõ bệnh tình nguy ngập của thiếu úy T... Ông sẽ không qua khỏi đêm nay nếu không được truyền máu. Và thật là một niềm vui sướng cho tôi khi bộ chỉ huy tin cho biết sẽ có trực thăng đến đi tản thương binh. Tôi huy động toán y tá đưa thương binh ra cánh đồng chờ trực thăng... Gặp bác sĩ C... của tiểu đoàn 5 nhảy dù. Chúng tôi vui vẻ bắt tay nhau, phụ lực nhau khiêng các thương binh. Chúng tôi chia thương binh ra từng loại theo thứ tự ưu tiên đi tản. Ba chiếc trực thăng trong hai đợt đã cho bác sĩ C... và tôi trút được mỗi lo cánh cánh bên lòng. Đêm nay chúng tôi sẽ yên tâm ngủ. Còn lại mười mấy cái xác phải chờ đến sáng mai. Tôi trở về căn nhà cời giấy, rửa chân và ăn cơm tối. 11 giờ đêm. Trời lạnh. Tôi nằm trên một tấm ván, không mừng màng. Một ngày máu lửa đã mang cho tôi cảm tưởng gì? Điều tôi mong ước đã đến: có đạn độ lớn, có chiến thắng. Nhưng trong cái vinh quang tôi thấy buồn hơn vui nếu không nói là thất vọng. Chiến tranh ở giờ phút này trong tư tưởng tôi không còn là một ván cờ như tôi thường ví. Quân cờ bị loại là quân cờ vứt đi. Nhưng những cái xác nằm kia còn liên hệ, còn ảnh hưởng biết bao nhiêu người! Tôi nghĩ rằng tôi sẽ có đủ can đảm, thừa tận tụy để làm tròn phận sự một người y sĩ tiền tuyến nhưng tôi bắt đầu ghê tởm cảnh bắn giết phi lý này.

Những ngày còn lại :

Nếu hôm xảy ra trận đánh là một ngày tỉnh thần cân bằng, thì hôm sau là một ngày hành xác. Từ mờ sáng đã lo khiêng xác ra bãi trực thăng. Tiếp sau đó theo tiểu đoàn đi tảo thanh vùng mới chiếm. Rải rác quanh làng xác VC còn nằm phoir trong các hồ cá nhân. Họ mặc đồng phục ka ki vàng. Theo lời khai của một trung úy tù binh về thì họ thuộc trung đoàn 18 đóng ở làng Hy văn đã 3 tháng nay. Không thấy bóng một người dân. Cảnh làng tan nát. Lục soát đến trưa, không có gì. Về vị trí cũ vừa nuốt được mấy miếng cơm lại có lệnh chuẩn bị trực thăng vận. Gặp tôi ông Tiểu đoàn trưởng nói : « Đi gồng tí chơi bác sĩ ». Chúng tôi nhảy xuống ngọn đồi án ngữ phía sau làng. Rồi từ đó đổ xuống con suối lục soát, Trọng pháo được gọi bắn vào những điểm khả nghi. Lăn theo con suối chúng tôi trở về điểm xuất phát. Chưa kịp ăn cơm đã có lệnh rút. Chúng tôi băng ruộng, trở lại làng Gia Hựu Chờ mãi không thấy xe ra đón, phải cuộc bộ trong đêm tối. Đến 10 giờ tôi mới dừng chân — Một mối, tôi ăn qua loa rồi leo lên vòng ngủ. Trận trực

suốt đêm vì lạnh và vì không quen nằm vòng. Sáng hôm sau lại cuộc bộ về Hoài Sơn. Tính ra chúng tôi đã đi ngót 25 cây số đường bộ. Tôi không ngờ tôi khỏe thế. Bây giờ đóng quân chờ ngày về.

Một người đàn bà đứng tuổi đến mời tôi đi thăm bệnh cho con gái bà đau bụng đẻ đã một ngày một đêm mà vẫn chưa sinh được. Nhà bà ta ở ngoài vòng canh gác, nhưng sau một phút lưỡng lự tôi cùng 3 y tá theo gót người đàn bà. Sau khi khám, tôi thấy cái thai nằm ngang nên không sinh được. Trường hợp này ngoài khả năng của tôi. Chỉ còn cách đưa bệnh nhân ra Qui Nhơn mổ. Tôi trở về xin xe đưa người thiếu phụ lên bộ Chỉ huy sư đoàn rồi liên lạc với người Mỹ xin trực thăng. Họ rất sốt sắng. Chiếc trực thăng cắt cánh 15 phút sau đó.

Buổi chiều trò chuyện với ông tiểu đoàn phó, vị sĩ quan mà tôi có nhiều cảm tình. Ông thuộc mẫu người vui vẻ trong câu chuyện nhưng cứng rắn trong công việc. Tôi hỏi ông có bao giờ ông cảm thấy sự hy sinh của mình vô ích không. Ông trả lời nếu chiến đấu để bảo vệ một số người thì vô ích thật, nhưng để bảo vệ miền Nam thì hy sinh mấy vẫn chưa đủ. Tôi lại hỏi ông có bao giờ ông chán nản không? Ông đáp : « Có, những lúc nhìn kẻ khác an nhàn thụ hưởng mà mình thì cực khổ » rồi ông tiếp : nhưng khi nhìn xuống thấy lính chúng nó còn khổ gấp trăm lần mình thì tôi lại thấy mình còn đầy đủ quá ! Vô tình tôi phồng vắn ông. Như để lái câu chuyện ông chỉ tay về phía một đám binh sĩ cười hỏi tôi :

— Đồ bác sĩ hai đứa kia đang làm gì ?

Nhìn theo ngón tay chỉ, tôi thấy 2 binh sĩ ngồi dưới gốc dừa nhìn chăm chăm xuống đất. Một lúc có tiếng cười rồi một người lượm một tờ giấy mà tôi đoán là tiền cho vào túi. Anh kia móc một tờ giấy khác xếp đôi lại bỏ xuống đất rồi cả hai lại chăm chăm nhìn. Đoán mãi không biết họ chơi trò gì tôi lắc đầu. Ông tiểu đoàn phó cắt nghĩa : « Chúng nó chơi trò con ruồi. Tờ giấy một đồng được xếp làm đôi, mỗi đứa một phần nửa. Con ruồi đầu tiên đậu trên tờ bạc phía của đứa nào thì đứa ấy ăn.

Tâm hồn người lính thật bình dị, gần như vô tình. Họ như quên hết những gì đã xảy ra. Không cần tìm hiểu, thắc mắc chỉ biết thi hành, phục vụ. Nhìn họ tôi thấy tôi xa lạ. Cũng áo hoa, mũ đỏ nhưng tôi nghĩ rằng còn lâu tôi mới trở thành một chiến sĩ nhảy dù theo đúng nghĩa của nó.

Phi trường Bồng Sơn 19-2-1966.

TRANG - CHÂU.

(Tiểu đoàn 6 ND)

Cuốn sổ tay

CAO NGUYÊN

LTS—Ngay sau biên cô 18-12-65 tại đồn tỉnh Cao nguyên, chúng tôi đã chọn chủ đề cho Tỉnh Thương số 25 là « Vấn đề Chủ quyền lãnh thổ Việt nam và những sự thật về Fulro ». Sổ báo đã tạo ngạc nhiên và xúc động trong nhiều giới vì những khía cạnh không lấy gì làm mới mẻ nhưng vẫn bị ếm nhem và che giấu. Cho đến nay, hơn ba tháng trôi qua, vấn đề Fulro sôi bỏng hầu như đã lắng xuống. Tâm quan trọng Cao nguyên được chính quyền lưu tâm tới, bằng chứng là một Phủ Đặc ủy Thương Vụ được thiết lập — thỏa mãn một trong những yêu sách của Đại hội các Sắc dân Thương tại Pleiku ngày 17-10-64. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều vấn đề phải giải quyết. Ngoài những công tác ngắn hạn nặng phần hình thức phô trương, khía cạnh chính trị của « Vấn đề cao nguyên và đồng bào Thương » phải được quan niệm đúng mức. Cho đến hiện tại, thực sự giới lãnh đạo vẫn chưa có một đường hướng rõ rệt cùng những giải pháp dài hạn nào để tiến tới. Riêng Bộ Xây Dựng » ngoài công việc sát nhập mấy Cơ sở Biệt Chính vào phạm vi quyền hạn của Bộ, xem ra những công tác xây dựng nông thôn ngay dưới đồng bằng đã là việc quá sức chứ chưa nói tới tham vọng bao biện cả vùng cao nguyên.

Tuy nhiên trong 3 tháng qua, đã có những tiến bộ khởi đầu, cùng những khó khăn phải ghi nhận. « Cuốn Sổ tay Cao nguyên » lại được mở ra, mục đích giúp bạn đọc đã điều kiện nhận định và theo dõi.

TỈNH THƯƠNG

Tướng Kỳ và Fulro :

Sau hội nghị Honolulu, trong cuộc họp báo ngày 22-2-66: trả lời một câu hỏi của báo Tỉnh Thương về chủ quyền Việt Nam qua vụ Fulro, Tướng Kỳ đã hoàn toàn bác bỏ dư luận cho rằng có việc người Mỹ ủng hộ nhóm phản loạn Fulro.

Người am hiểu vấn đề cảm thông « thất vọng » của ông với người Mỹ sau Honolulu. Nhưng tướng Kỳ vẫn được coi là người trẻ bạo nói — nhất là nói lên những sự thật. **ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC CHẤM DẤU VÀ ĐƯỢC CHẤM DẤU** Chúng tôi đồng ý với tướng Kỳ là Fulro không phải vấn đề to tát. Nhưng đó điển hình cho một trường hợp trọng đại.

Lời nói của một vị Thủ Tướng, dù thế nào, vẫn là một chứng liệu lịch sử. Địa vị ông không cho phép ông nói như vậy. Nhiều người tiếc rằng, ở vị trí ông Kỳ, vẫn có những câu trả lời tôn trọng sự thật không tổn thương tới mối bang giao giao Việt Mỹ mà ông vừa cam kết gắn bó. Rằng có thể Washington cũng như Saigon không bao giờ chấp nhận một chủ trương như vậy nếu có một số sĩ quan cấp dưới hành động lệch lạc, chính phủ Việt Nam sẽ cương quyết đương đầu bảo vệ chủ quyền nội bộ mình và chắc rằng chính phủ Mỹ cũng đồng quan điểm đó.

Với tầm quan trọng quyết định của Cao-nguyên, tướng Kỳ đã không làm lẩn khi ký nghị định thiết lập một Phủ đặc ủy với Đặc ủy trưởng người Thượng thay thế Nha Thượng vụ tề liệt từ nhiều tháng nay.

Nhưng ông Kỳ đã đưa ra lời tuyên bố khẳng định về vai trò người Mỹ trong vấn đề Fulro

Và lời tuyên bố này lại được Việt Tấn Xã, một hãng Thông Tấn của chính phủ khai thác hơi kỳ với tiêu đề «không có việc người Mỹ ủng hộ nhóm phản loạn Fulro».

Với trình độ chính trị trưởng thành của dân chúng Việt Nam, hành vi cố gắng phủ nhận chỉ đem tới kết quả ngược lại và chính sự che giấu vụng về càng dễ tạo nên những luồng dư luận sai lệch, nguy hiểm

Báo chí ngoại quốc

Trong số các vấn đề của Việt Nam, chưa có vấn đề nào bị báo chí ngoại quốc hoặc xuyên tạc hoặc ngộ nhận bằng các biến cố Kinh Thượng xảy ra tại Cao nguyên. Ngoài một số tin tức bị bóp méo sai lệch, họ còn tung ra những tin đồn có tính cách sách động hoặc gây mâu thuẫn giữa Kinh và Thượng.

Điển hình là trường hợp của Phóng viên Martin Stewart — Fox, thuộc hãng UPI đánh đi những tin hết sức vô căn cứ và quái đản như sau vụ án 27-12-65, sẽ có những vụ trả thù đẫm máu của người Thượng và hẳn cho biết bốn tử tội hiện trong giấc mơ của lãnh tụ Fulro Y Bham báo cho biết linh hồn họ sẽ gieo tai ương trên các Bộ lạc nếu họ không được rửa hận.

Ngay cả đến phóng viên danh tiếng Malcolm Browne thuộc hãng AP, người từng đoạt giải báo chí

Pulitzer về tình hình Việt nam, khi ông đề cập đến vấn đề Kinh-Thượng trong cuốn « The New Face of War » mới xuất bản, ông cũng đã có những nhận định rất lầm lẫn khi đem so sánh vấn đề « Kỳ thị chủng tộc » tại Mỹ và hiện trạng Kinh Thượng tại Việt Nam, Hiên nhiên tại Việt Nam không hề có sự phân biệt màu da, nòi giống như các khó khăn « đen trắng » tại Mỹ. Trong sách đã dẫn, ông Browne viết :

« Hơn các dân tộc Á châu khác, người Việt Nam tỏ ra rất quan tâm đến các vấn đề chủng tộc.

Khôì hài thay, chính người Việt Nam lại thường đòi xử tàn nhẫn với các sắc dân thiểu số tại quốc gia họ. Những người Miên, Chăm và Thượng chiếm đến 10 phần trăm dân số, vẫn bị đối xử như một thiểu số mọi rợ.

Môi trường quan Kinh-Thượng suy đồn tới mức chính nguyên Tổng Thống Diệm trao trọn kế hoạch bình định các sắc dân Thượng qua tay người Mỹ.

Có một điều kỳ lạ là người Thượng vẫn tỏ ra sống hòa thuận với người da trắng Tây Phương hơn là với các đồng bào Kinh. Họ vẫn trông cậy vào các viên chức người Pháp bảo vệ chống sự bóc lột kinh tế của người Kinh. Đa số các bộ lạc không học tiếng Việt, trong khi mỗi buôn đều có một số người nói thạo tiếng Pháp,

Cho đến ngày nay, các viên chức người Việt thường liên lạc với cán bộ Thượng bằng Pháp ngữ, tiếng nói chung duy nhất của hai phía.

Một số người thuộc các bộ lạc khá văn minh như Rhadé, có học thức và đôi khi được xuất ngoại du học, tuy vậy họ vẫn không có đại diện trong chính quyền trung ương và chịu nhiều thiệt thòi về quyền lợi trong quốc gia Việt Nam.

Một đôi khi, vị quốc trưởng hay quan khách cũng tới thăm đồng bào Thượng, thường tại một tỉnh miền núi, như Ban Mê Thuột. Lúc đó số người Thượng được xe vận tải đưa về thành phố để trình diễn : họ sẽ choàng vòng hoa vào cổ các quan khách, các chiến sĩ Thượng võ trang giáo mác đóng khố, cưỡi voi diễu qua khán đài và sau đó đến tuần rượu cần khoản đãi Thượng khách. Đặc biệt với một nhân vật quan trọng, người Thượng còn làm lễ giết trâu, đeo vòng nơi cổ tay và chân để tỏ tình quý phục thân thiện.

Nhưng tất cả đó chỉ là trò trình diễn. Vì cách đó không lâu, một số du kích Việt cộng — mà phần đông là người Thượng — đã tiêu diệt một đồn của chính phủ, đám quân cầm cự đã phải rút lui và bắt được một tù binh cũng chính tên tù binh này đã tham dự lễ giết trâu ăn thịt vừa mấy hôm trước đó.

Việt cộng vẫn muốn lợi dụng khai thác tình trạng này và từ lâu họ vẫn cố thu phục số đồng bào Thượng.

Các cán bộ Cộng Sản đã hứa cho người Thượng được tự trị nếu một khi họ chiến thắng. Và cuối năm 1964 khoảng 2.000 người Thượng vũ trang đã đầy loạn thất bại chống chính phủ Saigon.

Có điều là Việt cộng đã không tạo được kết quả trong việc lôi cuốn người Thượng so với phe quốc gia.

Có lần chính tôi được chứng kiến cuộc nói chuyện bằng tiếng Pháp dĩ nhiên của một sĩ quan lực lượng Đặc biệt Mỹ và viên ấp trưởng người Thượng. Cuộc tranh luận kéo dài mà vẫn chưa đi tới một kết quả cụ thể nào, cuối cùng quá bức tức viên sĩ quan Mỹ bảo :

— Ông hãy giúp chúng tôi đánh bọn Việt cộng. Đảng nào Việt cộng cũng là người Việt mà ông thù muốn giết bọn người Việt có phải vậy không ?

Và như thế, Viên sĩ quan Mỹ có ngay năm thớt voi mà trước đó hẳn phải mất công kéo nài....

Người Việt nam hầu như không thấy được mối tương đồng vấn đề chủng tộc của họ và của Hoa-Kỳ hiện tại ». (Sdd, trg 248-249).

Thực trạng Malcolm Browne nêu ra không phải là sai lạc. Nhưng phải hiểu những nguyên nhân khó khăn đó là bởi tại người Pháp. Kinh hay Thượng đều là nạn nhân của một âm mưu chia rẽ. Việc thiết lập Hoàng Triều Cương thổ, tách rời và cô lập hóa Kinh Thượng trong suốt thời gian đô hộ của Pháp, đã đưa tới những xa cách, ngộ nhận hiện nay. Sự chênh lệch giữa hai nếp sống Kinh Thượng cũng như sự bất công giữa nông thôn và thành thị, là hiện trạng của một đất nước chiến tranh và chậm tiến từ nhiều năm. Ý chỉ muốn san bằng các chênh lệch chỉ cần thời gian, sự ổn định của tình thế và một chính sách sáng suốt. Ngoài ra không còn một trở ngại tâm lý nào về phía quần chúng như « câu chuyện đen trắng ở Mỹ. »

Một ký giả Nhật, ông Takashi Oka, thuộc tờ Christian Science Monitor, một nhà báo khá am hiểu vấn đề Thượng tại Việt nam, trong lần viếng thăm Tỉnh Thương cũng đã có những luận cứ ít nhiều biện minh cho sự nhúng tay của người Mỹ. Chúng tôi đã tỏ thái độ rõ rệt là ngoài những quốc gia thù địch như thực dân Pháp, Cao mên và Cộng Sản luôn luôn gây rối để chia cắt cao nguyên, chính phủ Việt nam có những biện pháp quyết liệt đối phó. Duy còn một yếu

tố thứ tư : vai trò người Mỹ. Với tư cách đồng minh người Mỹ nên giúp chính phủ Việt nam cải tạo và bảo vệ cao nguyên hơn là âm mưu chia rẽ chỉ phối. Hành động phiêu lưu đó đã chứng tỏ rất bất lợi về phương diện thành quả, tai hại cho tinh thần hữu hai nước Việt Mỹ, và vô cùng nguy hiểm ở hậu quả tương lai.

Tóm lại vấn đề cao nguyên phải được giải quyết trong phạm vi chủ quyền và nội bộ của quốc gia Việt nam.

Dân tộc Thiểu số miền Bắc

Đối với vấn đề « Tự Trị » một số người Mỹ và cả những người Việt ngây thơ thường tự hỏi : Tại sao Cộng Sản Bắc Việt chấp nhận cho các sắc dân miền núi được tự trị ? Tại sao miền Nam lại không chấp nhận giải pháp đó cho các dân tộc thiểu số vùng Cao nguyên.

Nguyên hai chữ « tự trị » đã có một ý nghĩa rất giới hạn tại miền Bắc, đây chỉ là một chiêu bài hơn thực chất. Bởi miền núi cũng như miền xuôi, tất cả đều chịu sự lãnh đạo của đảng Cộng sản trung ương

Trong tạp chí học tập cơ quan nghiên cứu lãnh đạo của đảng Lao động miền Bắc, khi đề cập đến vấn đề nhân dân các dân tộc (chữ gọi đồng bào Thiểu Số) Chu văn Tấn đã viết :

« Bằng kinh nghiệm thiết thân của mình, nhân dân các dân tộc đã hiểu một cách sâu sắc rằng *chỉ có đi theo sự lãnh đạo của đảng*, thì họ mới thay đổi được cuộc sống nghèo nàn lạc hậu, mới có ấm no tiến bộ bình đẳng dân tộc, mới phát huy được khả năng của mình góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung của cả nước » (Học tập 2-65, tr 26).

Sau mười một năm xây dựng xã hội chủ nghĩa chính quyền miền Bắc chưa đạt được thành công đáng kể nào nhằm xóa bỏ sự chênh lệch giữa các dân tộc ở miền núi với dân tộc Kinh.

Bởi vậy trong kỳ đại hội toàn quốc lần thứ ba của Đảng đã lại phải đề ra khẩu hiệu « *làm cho miền núi tiến kịp miền xuôi, các dân tộc thiểu số tiến kịp đa số* » và chính Chu văn Tấn xác nhận đó là « *nhệm vụ rất nặng nề, khó khăn mà nhân dân các dân tộc phải cố gắng phấn đấu trong một thời gian dài mới có thể thực hiện được* ».

Tóm lại, ngoài cái bánh vẽ tự trị, chính quyền

miền Bắc còn phải vấp nhiều khó khăn và thất bại

Bế tắc đó tưởng đủ để giải đáp cái thắc mắc « *lạ trí* » của một số người.

Chỉ có một giải pháp san bằng những chênh lệch Kinh Thượng cũng như chênh lệch giữa thành thị và thôn quê bằng kế hoạch xây dựng dài hạn trong bối cảnh một cộng đồng quốc gia Việt nam.

Những nguyện vọng

Kể từ ngày có những phong trào đấu tranh của các sắc dân Thượng từ 58, các lãnh tụ Thượng đã đưa ra một số những đòi hỏi chính đáng có, quá khích có.

Đầy đủ nhất là bản đúc kết những nguyện vọng nêu ra trong đại hội các sắc dân thượng ngày 17-10-1964 tại Pleiku. Trong đó có những điểm chính sau đây :

— Về Chính trị : xin tổ chức đại hội Thượng toàn quốc, quyền đại diện trực tiếp và số ghế xứng đáng trong quốc hội.

— Về Hành chánh : Xin có đại diện tại Trung ương để công chức Thượng về Cao nguyên phục vụ nâng Nha Thượng vụ thành *Phủ đặc ủy*.

— Về Kinh Tế : lập thêm giao thông, bãi bỏ luật lệ lỗi thời của chế độ cũ, xin lại đất đai bị trưng dụng làm dinh điền hoặc bị quân đội chiếm, ban hành quy luật kiến điền cho đồng bào Thượng.

— Về giáo dục : Xin dạy thêm Thổ ngữ ở tiểu học, mở thêm trường, được phép du học.

— Về quân sự : Xin miễn quân dịch, bỏ sĩ quan Thượng phụ tá bộ tư lệnh, điều kiện theo học dễ dàng các trường quân sự.

— Về tư pháp : Xin lập lại tòa án phong tục Thượng. Trước những yêu sách của đồng bào Thượng, phản ứng đầu tiên của những chính phủ trước là hứa hẹn thỏa mãn. Rồi tất cả cũng lại rơi vào im lặng. Sự bất mãn của một số lãnh tụ Thượng với trung ương bắt nguồn từ đó.

Nhìn lại Nha Thượng vụ

Ngay sau Đại Hội 17-10-64, trên giấy tờ chính phủ đã ban hành một chánh sách đối với đồng bào Thượng dựa trên các tiêu chuẩn.

— Kinh Thượng bình đẳng và đoàn kết thực sự.

— Tôn trọng phong tục tập quán Thượng.

— Đặc biệt nâng đỡ đồng bào Thượng để mau tiến bộ kịp đồng bào kinh.

Và dựa theo những nguyện vọng của Đại Hội một chương trình rộng rãi được công bố.

Kiểm điểm những công tác cụ thể được thực hiện rất giới hạn :

— Thành lập trung tâm huấn luyện Trường sơ tại Pleiku nhằm đào tạo cán bộ Thượng.

— Thiết lập trường Thiếu sinh quân Thượng.

Còn ngoài ra, tất cả công tác khác được coi như đang xúc tiến. Với quyền hạn nhỏ nhoi của một Nha đặc trách Thượng vụ, lại thiếu một đường lối chỉ đạo từ trung ương, mọi hoạt động tiến triển chậm chạp và hầu như tê liệt.

Sau biến cố 18-12-65, vấn đề cao nguyên được đặt ra mới nguyên vẹn.

Đổi một cái tên : Phủ đặc ủy

Ngày 22-2-66 sau hội nghị Honolulu trở về, trong dịp cải tổ nội các, tướng Kỳ đã ban hành sắc luật thành lập Phủ đặc ủy Thượng vụ với một người Thượng giữ chức Đặc ủy trưởng.

Thật ra, từ thời ông Quát đã có một nghị định biến Nha đặc trách Thượng vụ thành Thượng vụ cuộc (tương đương với Phủ đặc ủy) nhưng rồi chính phủ dân sự đổ, tình trạng cũ bị bỏ quên trong suốt hơn nửa năm sau đó.

Đã có những dấu hiệu chứng tỏ chính phủ bắt đầu quan tâm đến vấn đề Thượng.

Và sau hơn một tháng ngắn ngủi, cũng đã có những dấu hiệu sinh hoạt của cơ quan mới khiến người ta có thể lạc quan phần nào ở tương lai.

Tuy nhiên phải nhận thực một điều là ngoài những đường hướng đại cương — không lấy gì làm mới mẻ — Phủ đặc ủy vẫn chưa phác họa được một kế hoạch thiết thực vừa ngắn hạn vừa trường kỳ để lần lượt thực hiện trong những ngày tháng tới.

Còn bao nhiêu công việc phải làm, đi từ căn bản. Không đơn giản như lời tuyên bố đầu tiên của ông Đặc ủy trưởng là « *Nguyện vọng chúng ta đã được thỏa mãn* ». Thật ra, nâng một nha Thượng Vụ lên thành Phủ Đặc trách chỉ có công dụng gia tăng phương tiện và quyền hạn cho những người có trách nhiệm bắt tay vào công việc. Một công việc đòi hỏi nhiều sáng kiến và thực chất hơn là nặng hình thức phô trương tuyên truyền.

Sáng kiến đi tới một « *Đại Hội Thượng toàn quốc* » song song với việc tổ chức « *Một tuần lễ Kinh Thượng* » đáng được xét đến bởi những tác dụng tâm lý hữu ích của nó cho các công tác tương lai.

Thái độ người Mỹ

Sau những hành động nhúng tay trực tiếp hoặc gián tiếp của một số Viên chức Mỹ vào các vụ nổi dậy của người Thượng ; xem ra họ thấy không có lợi gì — Nếu không nói là ngược lại — để tiếp tục hành động như vậy. Tham vọng cất rời Cao nguyên là điều không tưởng. Hơn thế nữa, hậu quả của hành động « chọc gậy bánh xe » chỉ đưa tới những ngộ nhận và cảm phẫn giữa người Việt và người Mỹ mà kết quả là có lợi cho Cộng sản.

Bởi những lý lẽ đó, chính phủ Việt nam đã gặp ít nhiều sự dễ dàng trong công việc sát nhập những cơ sở huấn luyện và các lực lượng chiến đấu từ bấy lâu vẫn trực thuộc quyền điều khiển của người Mỹ. Trường hợp 2 cơ sở Biệt chính được trả về Bộ Xây Dựng. Tuy nhiên, vẫn còn những trở ngại đáng co về một giải pháp cho các đơn vị « Dân sự chiến đấu Thượng » : (civilian irregular Defense group). Một số những sĩ quan cấp dưới thuộc phái bộ Viện trợ Mỹ vẫn cố gắng trì hoãn sự giao hoàn hay đồng hóa các lực lượng này cho chính phủ Việt nam, với những lý do viện ra hết sức yếu đuối như sự thiếu thốn tài chánh, sự eo hẹp về phương tiện di chuyển của chính phủ Việt nam trong công việc phối hợp điều hành hữu hiệu các lực lượng đó.

Vấn đề căn bản đặt ra là : Có thể chấp nhận sự hiện diện của những lực lượng quân sự bản xứ nuôi dưỡng và điều khiển trực tiếp bởi người Mỹ trên lãnh thổ Việt nam không ?

Với câu trả lời khẳng định là « không » bằng mọi cách chính phủ Việt nam phải cương quyết đối phó — với sự chấp thuận hoặc không của người Mỹ. Dầu sao, các diễn tiến có vẻ thuận lợi bằng sự hiểu biết của hai phía. Chúng tôi mong trong khoảng thời gian ngắn, vấn đề sẽ ổn thỏa giải quyết.

Một quy chế cố vấn

Một thực trạng : có sự tràn ngập của các cố vấn Mỹ trong các cơ sở hành chánh Việt nam. Sự hiện diện đó mang tính cách nghiêm trọng hơn tại những vùng Cao nguyên.

Bởi những dinh dưỡng lem luốc của họ trong một số biến cố Kinh Thượng vừa qua, cũng bởi đặc tính chất phác dễ tin — đưa tới tình trạng dễ bị chi phối — của một số cán bộ Thượng với những người Da trắng, việc ấn định quyền hạn của vai trò các Cố vấn Mỹ một cách rõ ràng không phải thừa thãi.

Phương tiện dồi dào của người Mỹ sẽ hữu ích khi nó tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện kế hoạch xây dựng của nhân dân Việt nam. Sự trợ giúp đó sẽ mất hết ý nghĩa khi nó mang tính cách gây áp lực và khó khăn về phía người nhận. Đó là tình trạng « đã xảy ra » cho một số viên chức USOM thiếu hiểu biết người Mỹ.

Vấn đề nhân chủng

Với 35 sắc dân sống rải rác tại Cao nguyên, đó là cả một vấn đề phức tạp.

Ngoài một vài nhà mệnh danh là « nhân chủng học » con đẻ của người Pháp, thực sự tại Việt nam chưa có một công trình khảo cứu hoặc tài liệu xứng đáng nào về vấn đề này.

Mỗi khi nhắc tới nguồn gốc của các đồng bào thiểu số, tùy theo vị trí quyền lợi, mọi người khai thác các tài liệu một cũ người Pháp theo một chiều hướng lệch lạc. Cả những Sinh Viên theo về khoa nhân chủng cũng làm công việc nhai lại các đồ ăn thừa thãi của người Pháp.

Và khỏi hài hơn nữa tiếp sau người Pháp — không phải người Việt nam — mà là một số người Mỹ mệnh danh là giáo sư nhân chủng đang mò mẫm làm công việc khảo cứu đó tại các ngõ ngách Cao nguyên.

Với quyền hạn và phương tiện rộng rãi của Phủ Đặc ủy tương đương với một Bộ việc thiết lập một Phòng Nghiên cứu Nhân Chủng với sự đỡ đầu của phân khoa Đại Học liên hệ không phải là không cần thiết. Chính nơi đây sẽ tiếp nhận một số sinh viên trẻ, muốn đi vào con đường khảo cứu đề tương lai năm hoặc mười năm chúng ta sẽ có những tác phẩm nhân chủng của người Việt thay vì nhờ cậy mấy người Pháp hoặc Mỹ.

Ngay trong ý định tìm kiếm sưu tầm những dấu vết của nền văn minh Thượng, công việc này phải được đặt trên một bình diện trí thức với cả sự góp sức của Đại học liên hệ. Nếu không thì cái « tuồn lỗ Kinh Thượng » với cuộc triển lãm văn minh Thượng chỉ mang nặng tính cách tuyên truyền nhất thời chứ không có một giá trị nào cả.

Thay lời kết luận

Ngoài những công tác hữu hiệu cấp thời để cải tiến cái nếp sống « đáng phàn nàn » của đồng bào Thượng. Nếu cần phải tạo ra những bất công để giải quyết những bất công khác, như dành nhiều ưu tiên cho người Thượng hơn người Kinh, vấn đề xây dựng Cao nguyên phải được quan niệm đứng đắn bằng những kế hoạch dài hạn từ mười năm đến hai mươi năm với cố gắng đóng góp và quan tâm của nhiều giới. Cái bí mật của những chương trình xây dựng dài hạn là không khí bất ổn của chính trị. Mọi cơ quan cũng bị giao động theo đó. Nhiều người bị quan cho rằng : ngay đến nông thôn còn bị bỏ quên nói chi tới vùng núi non cao nguyên. Nhưng nếu hiểu tầm quan trọng của Cao nguyên theo khía cạnh chính trị và chiến lược thì công việc cải tiến và bình định Cao nguyên là điều khẩn thiết.

Để chống lại mạnh mẽ phá hoại của các quốc gia thù nghịch và Cộng sản, để phòng ngừa những âm mưu phân ly của một số bạn đồng minh xấu tính cái « Bộ Thượng vụ » phải có thực lực phát triển, phải được độc lập tồn tại với những biến cố chính trị rối ren sắp tới.

Những căn lý chính trị V.N.

TỪ Ý CHÍ CỦA NHÂN DÂN ĐẾN TINH THẦN LÃNH ĐẠO CỦA CHÍNH QUYỀN TRONG THÁNH CHIẾN CHỐNG THÔN TÍNH CỦA TRUNG CỘNG

■ MÀN CHÍNH

ĐẶT SÁT VẤN ĐỀ

Rút lại vấn đề của Dân tộc Việt ta ngày nay, và cũng như ở muôn thuở là đấu tranh. Có khác chăng là mục tiêu đấu tranh ngày nay suốt mặt và cấp thiết hơn ở bất kỳ thời kỳ nào, và hoàn cảnh đấu tranh ngày nay phức tạp ngoắt ngoéo hơn vì vấn đề quốc gia chúng ta bị lồng trong một bối cảnh xung đột quốc tế rộng lớn, do đó mà phương lược đấu tranh cũng phải tinh tế không ngoan hơn. Không vội bàn về phương lược, ở đây ta chỉ xác định cho rõ mục tiêu và đối tượng đấu tranh mà thôi.

Đối tượng đấu tranh của ta là gì ? là những gì ?

Bây giờ mà còn nêu lên câu hỏi này thì thật là khổ tâm, có kẻ còn cho là ngớ ngẩn. Nhưng không nêu lên không được, vì tuy ở hàng ngũ mệnh danh là Quốc gia này, chúng ta đã chiến đấu ngót hai mươi năm, binh sỹ tử trận và bị thương góp lại kẻ hàng trăm ngàn; dân sự hành chính chết vì chức vụ kẻ hàng chục ngàn, ấy thế mà đối tượng đấu tranh vẫn hồ hồ không rõ rệt.

Ở thời Pháp người ta bảo đối tượng ấy là Việt Minh ; ngày nay, người ta bảo đối tượng ấy là Việt cộng. Trăm người trăm miệng đều nói như thế.

Thực ra, ở thời Pháp đáng lẽ người ta phải nêu rõ và ghi vào óc mọi người đối tượng đấu tranh là âm mưu thống trị của đế quốc Nga Xô mà công cụ là Đông Dương Cộng Sản Đảng, và tay sai là Hồ Chí Minh và bè lũ.

Còn ngày nay, người ta phải làm cho hết thấy đều đều và nhớ đối tượng đấu tranh là âm mưu thôn tính của Đế quốc Trung Hoa Lục địa mà công cụ là đảng Lao động V.N.

Nhắm vào « Việt Minh » hay « Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam » mà đá kích là đá mắc mưu địch không khác con bò rừng nhắm lá cờ đỏ của anh đầu bò mà húc, thay vì húc chính vào mình anh. Chúng ta còn mắc mưu kẻ địch sâu đậm hơn nữa là đá kích ngay vào cái chính nghĩa mà chúng đầu mặt núp sau và chính chúng ta mới là người đấu tranh để thực hiện. Đá kích Việt Minh tức là đá kích cái mặt trận của các đoàn thể đồng minh tranh đấu cho độc lập của Dân tộc, cái chính nghĩa bạo nhiều năm ngày trị trong khao khát của dân tộc mà hàng ngũ mệnh danh là « quốc gia » còn đá kích thì trước mặt quốc dân cái hàng ngũ ấy là gì ? Nền nhớ quốc dân không đi vào những lắt léo của chính trị mà chỉ hiểu chính trị qua những danh từ khẩu hiệu ; Càng đá kích càng dễ cao địch và càng mất tín nhiệm. Đây là cái thất sách của những kẻ làm chính trị ở thời Pháp. Giả dụ trong số những người ấy có người nào yêu nước thực thì sinh mệnh chính trị ngày nay cũng bị « cháy » là vì thất sách căn bản ấy.

Ngày nay đá kích « M. T. G. P. M. N. » cũng vấp một thất sách tương tự. « M. T. G. P. M. N. » theo danh từ đối với nhân dân thì là mặt trận của những đoàn thể kết hợp nhau tranh đấu giải phóng nhân miền Nam và phần đất nước miền Nam. Như thế tức là phần đất nước này ở dưới quyền thống trị ngoại quốc (tất nhiên là chỉ vào Mỹ) mà những chính phủ ở đây chỉ là do thể lực ngoại quốc dựng lên. Giải phóng nhân dân miền Nam có nghĩa là nhân dân miền Nam đang ở một tình trạng bị bóc lột, bị nô lệ vì bọn tài phiệt, phú thương, địa chủ, và tay sai chính quyền thối nát. Một tổ chức có đích đẹp thế như vậy mà bị đá kích thì những kẻ đá kích ấy trước mặt nhân dân là gì ?

Thành ra nếu ta đá kích M. T. G. P. M. N. là ta mắc cạm danh từ, cái bẫy mà kẻ cướp dương ra. May mà M. T.

này ít khi được nhắc đến trong phát thanh tuyên truyền của ta. (Tôi nói ít chứ không phải là không có). Người ta mệnh danh đối tượng là Việt Cộng.

Danh từ này cũng chẳng làm hại được gì cho kẻ thù địch, và làm cho mục tiêu đấu tranh của ta thêm phức tạp, nhân dân khó hiểu. Việt Cộng nghĩa là những người Việt-Nam theo chủ nghĩa Cộng Sản. Thế thì cuộc đấu tranh của ta nay là cuộc nội chiến giữa những người Việt-Nam rồi : Chà trách có hẳn một ông bác sĩ chính khách, có chân trong Hội đồng Lập Pháp thời Ông Quát, đã tuyên bố trong một ngày đại lễ là cuộc « chiến tranh huynh đệ tương tàn ». Người Việt-Nam lại đánh giết người Việt Nam thì cả hai bên đều có lỗi, rồi còn gì ! Thế là tất cả thế lực quần dân chính đang lao tâm, khổ trí, trút xương máu để bảo vệ phần đất này là lỗi đạo rồi còn gì ! là chuyện Trịnh Nguyễn chiến tranh để đánh nhau cái ngai vàng rồi còn gì ! Đây là ý nghĩa chữ « Việt » trong danh từ Việt Cộng.

Còn chữ « Cộng » Cộng là Cộng-Sản, là chủ nghĩa Cộng-Sản. Chủ nghĩa Cộng-Sản là gì ? làm sao phải chống nó ? chống nó bằng chủ nghĩa nào, chữ lấy súng đạn mà chống chủ nghĩa thì ăn thua gì ? Chà trách lại có nhiều « ví-nhân », « đại-nhân » ở phần đất miền Nam đau khổ này tuyên bố cuộc đấu tranh này là một cuộc « đấu tranh ý thức hệ ». Khốn nạn hơn nữa là đã có ngài dạy là « đấu tranh ý thức hệ » mà lại có ngài khác tuyên bố « chúng tôi chỉ biết làm thôi, không biết lý thuyết », ý là chê lý thuyết, cứ thấy đau làm đó là nhất rồi ! Thực ra bây giờ người ta bán khoán không biết lấy chủ nghĩa nào mà chống lại chủ nghĩa Cộng-Sản ? Lấy triết học Phật hay triết học Ki-tô ! Đem những chuyện Thiên Đường, Niết Bàn ấy mà chống với đấu tranh giai cấp thì khác gì bỏ ngõ cửa, ngồi ngắm trăng để ngăn kẻ cướp. Việc ấy xin dành cho chư vị thần tiên. Lại có những ông bảo còn tìm ở đâu nữa, chủ nghĩa Tự do đấy. « Thế giới Tự do » mà . « Dân Chủ Xã-Hội » « Công bằng xã-hội » Chủ nghĩa đấy chứ còn đâu nữa ! tìm mà làm gì ? tìm sao nổi ? Cứ những khẩu hiệu ấy mà làm thật, đừng làm giả là đủ lắm rồi, còn mắt công lẫn quần mà làm chi ? Ôi danh từ ! ôi khẩu hiệu ! Bao giờ người ta mới chịu bóc cái vỏ mì ca ra !

Thành ra lấy Việt-Cộng làm đối tượng đấu tranh, người ta đã mắc hai thất sách :

— Lấy ngay người Việt làm thù địch để bị kết tội là huynh đệ tương tàn (Không biết ở khu Cộng, ở ngoài Bắc có một « đại nhân » nào cũng kết tội chúng như thế không ?).

— Chống chủ nghĩa Cộng-Sản mà chẳng có một chủ nghĩa nào để chống lại. Không có được một vũ khí tinh thần hữu hiệu gây được một tin tưởng mãnh liệt. Lăn quần chỉ nói chuyện tôn giáo hay đã kích hành động, không nhớ rằng chính kẻ thù địch cũng xư dụng vũ khí tôn giáo, mà xư dụng quỹ quyết tình xáo nữa là khác, còn hành động thì « chiến tranh là chiến tranh » nói lắm thì mình lại buộc mình, kẻ địch có thiệt gì.

Vậy đối tượng của chúng ta không phải là Việt-Minh, không phải là M. T. G. P. M. N. không phải là Việt Cộng, tất cả đây chỉ là hình thái che đậy bề ngoài. Đừng nói Độc-Lập đừng nói Giải Phóng, nói ngay cái chủ nghĩa Cộng Sản cũng chỉ là những vũ-khí đầu lưỡi, một thứ ảo tượng (mythe) được các

để quốc Nga-Tàu xư dụng để mê-hoặc và cám dỗ như các dân tộc, các tầng lớp dân chúng bị bóc lột vào vòng thống trị của chúng. Trong một xã-hội C. S. thì nhân dân bị đảm khóa và khai thác trong vòng thao túng của bọn cầm quyền ; trong một thế giới C. S. (hiện có 2 thế giới C. S. một là thế giới Nga-Cộng, một là thế giới Tàu cộng) thì chư hầu hay thuộc địa cũng thế, bị để quốc đảm khóa và khai thác. Miền Bắc nước ta từ khi Q. T. C. S. tách làm 2 khối Nga và Tàu, thì bị trực thuộc Tàu Cộng ; Tàu Cộng đã thống trị miền Bắc trong vòng xích của chúng, xư dụng bọn Cán Bộ đảng C. S. Đông Dương làm tay sai, xư dụng nhân lực, tài lực ở Bắc Việt làm công cụ để đánh lấy nốt miền Nam đánh chiếm miền Nam, để quốc Tàu nhắm 3 mục đích :

— mở rộng khu vực thống trị trên toàn bộ thay thế Pháp làm chủ nhân khu vực này.

— Đầy lui Mỹ khỏi Đ. N. Á. tranh thế bá chủ với toàn bộ Cường quốc Tây Phương kể cả Nga Xô.

— Sửa soạn một đầu cầu để thao túng Đ. N. Á và Phi-Châu, trong đó có vấn đề di dân.

Chiếm trọn Việt-Nam là bước đầu để thực hiện mộng Bá chủ hoàn cầu của đế quốc Trung-Hoa với một dân số bằng 1/4 nhân loại. Thúc đẩy người Việt giết người Việt, nuôi dưỡng chiến tranh cục bộ đến độ khốc liệt nhất ở Việt-Nam rồi ở các nơi khác nữa (chiến tranh Ấn Hồi cũng trong mưu mô này) vừa làm cho dân địa phương tiêu diệt với đi, kinh tế kiệt quệ đi ; vừa có dịp lừa Cán bộ chính Trung-Hoa đến nắm những vị trí then chốt trong guồng máy quản chính vừa làm cho Cường quốc địch thù (ở V. N. là Mỹ) bị tiêu hao và mất uy lực, tất cả sửa soạn quốc gia nạn nhân trở nên một môi ngon, chín mùi cho cuộc di-dân chiếm lĩnh sau này ; mưu mô thâm độc ấy giải quyết được nạn nhân mãn, lại đưa Trung-Hoa lên hàng đầu thế giới. Đây là ý nghĩa thái độ cứng rắn của T.C. cương quyết không điều đình, « cương quyết đánh đến người V.N. cuối cùng mặc dầu những đề nghị cầu hòa của Mỹ. Bọn Cán Bộ cao cấp ở Bắc Việt không có quyền quyết định gì hết. Chúng chỉ có bốn phận tuân theo, như chúng đã phải tuân theo hội hiệp định Genève 54. Hồi ấy T.C. phải hòa phân táng nước Việt với Tây Phương vì ba lý do

— Sợ Mỹ nhảy vào thay Pháp, tiếp sức cho lực lượng Chính trị quốc gia bấy giờ còn khá mạnh, tạo ngay ở Bắc Việt một thế lực quốc gia đương đầu với C.S., trong khi ở hàng ngũ kháng chiến, những cán bộ chỉ huy từ tiểu đoàn trở xuống những cán bộ hành chính ở cấp huyện, cấp xã, những cán bộ chuyên môn, và đa số nhân dân, tuy kháng chiến chống Pháp nhưng không ưa gì C.S. Mỹ nhảy vào, thành tâm giúp nhân dân Việt-Nam dựng nước thì Cộng Sản sẽ tàn lụi.

— Trung Cộng chưa tách rời được Nga-Sô, Cán bộ Nga còn dầy dầy trong các ngành. Lao vào chiến tranh với Mỹ Trung Cộng sẽ càng luy thuộc Nga hơn, và rồi chính Nga sẽ nắm ảnh hưởng đối với C.S. ở Việt-Nam, T.C. sẽ bị gạt xuống hàng thứ yếu.

— Trung Cộng chưa đủ mạnh để đương đầu với một cuộc chiến tranh khốc liệt ngay trên đất mình.

Chấp nhận phần chia ở hiệp định Genève là cơ hội để chúng đẩy lui lực lượng C.M. quốc gia vào xa miền Nam, phá vỡ cơ sở của họ ở Bắc, nắm trọn phần đất này, đồng thời với một cuộc thanh lọc hàng ngũ kinh khủng từ trong guồng máy quân dân chính đến trong dân chúng, nào tây nào, nào đầu tở, nào sửa sai, nào phòng trào trăm hoa đua nở, tất tất đều làm cho phải phát hiện ra oho hết dạng quét một loạt và dăm xích tất cả. Cán bộ Trung Hoa xô đến nắm giữ các ngành và tòa đi khắp nơi vì những cán bộ cũ đã bị thanh trừng hay thủ tiêu.

Ngày nay tha hồ cho Trung Cộng xư dụng khối nhân lực 16 triệu người với những tài nguyên phong phú và một bộ máy chính quyền vững chắc. Hỏi tại sao họ không xư dụng đến giọt máu Bắc Việt cuối cùng ; Họ thiệt gì mà không thúc đẩy chiến tranh, quá lắm thiệt vài trăm cán bộ Trung Hoa là cùng ; Ấy là chưa kể họ còn mê hoặc được hàng triệu người ở miền Nam này chết như thiêu thân cho họ.

Những ai mong B. V. sẽ phải chịu điều đình khi bị dội bom quá mạnh, chỉ là nuôi ảo mộng. Bắc Việt, Bắc Việt đã mất từ lâu rồi, còn có quyền hành gì đâu mà điều đình : *Những ai đã chứng kiến những binh sĩ địch bị xích chân vào những khâu đai bác chịu chết để bắn đến viên đạn cuối cùng, thì thấy đấy là hình ảnh cụ thể của Bắc Việt.*

Tất cả những trình bày vừa qua chứng tỏ *đối tượng đấu tranh của chúng ta là cuộc âm mưu thôn tính của đế quốc Trung Cộng, chứ không phải là Việt-Minh, là Giải Phóng Miền Nam hay Việt Cộng, mà cũng không phải là chủ nghĩa Cộng Sản. Tất cả những thế lực này chỉ là công cụ xâm lăng, công cụ thôn tính mà thôi.* Kẻ thù địch của chúng ta không phải là cái chính phủ hữu vi vô quyền ở Bắc Việt mà là bọn Mao Trạch Đông, Chu Ân-Lai, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Lâm Bưu...

Hiệu được đối tượng đấu tranh, sẽ hiệu được phương lược đấu tranh phải như thế nào ? Bài này không tiện trình bày.

Xin nói đến mục tiêu đấu tranh. Chúng ta đấu tranh để đạt tới những gì ?

Vấn đề này nói nghe nêu lên tưởng không có gì phức tạp, nhưng khi đặt thành chương trình thực hiện mới thật là rắc rối, không có một hệ thống tư tưởng vững chắc và thấu suốt không làm nổi.

Để tiện bàn một vài nét đại cương, ta hãy xác định hai thực thể : Nhân dân và Dân tộc, vì có những mục tiêu dân tộc phải thực hiện và những mục tiêu nhân dân phải thực hiện.

Dân tộc là một thực thể sinh tồn không thể phân chia, sống suốt thời gian lịch sử từ quá khứ đến hiện tại và vươn đến tương lai. Đó là một dòng sông tích lũy tiến hóa qua nhiều biến cố thăng trầm để có một thái riêng biệt. Tất cả những gì đã tích lũy bằng sáng tạo, bằng hấp thụ, bằng chế hóa ghi lại được trên những vật thể ngoại giới không gian như vật dụng, kiến trúc, tác phẩm, văn nghệ, thành quả khai thác hay lưu truyền thuyên biến trong sinh hoạt của dân chúng như ngôn ngữ, phong tục tư tưởng cơ chế xã hội..., gọi là văn hóa của dân tộc.

Giòng sông ấy bảo toàn, nối tiếp, phát triển và thăng hoa được là nhờ các thế hệ đương thời ý thức được sự hiện hữu của nó, tin tưởng và hành diện ở sắc thái của nó đồng thời đóng góp kè tục bằng những cố gắng, những kiên quyết và những khôn ngoan trí lự của mình. Tổng hợp tất cả những hoạt động bằng sức lực và trí óc ấy gọi là đấu tranh của dân tộc, chẳng những là đấu tranh với thiên nhiên mà còn đấu tranh với những sai lạc nội bộ và với những dòng sông khác luôn luôn va chạm và chực không chế, tràn ngập và tiêu hóa mình đi. Có ý thức được sự hiện hữu ấy, có tin tưởng hành diện và tha thiết với sắc thái ấy có ý hội được lộ tuyến đã qua, nhận thực được hoàn cảnh hiện tại đề tiên liệu được quỹ đạo tương lai giữa hàng trăm quỹ đạo của các dân tộc khác thì cuộc đấu tranh 3 mặt (thể mới thành công : do đó mà mỗi dân tộc ở mỗi thời kỳ cần có những phần tử ưu tú lãnh đạo.

Những phần tử bị tư tưởng duy vật Mác xít mê hoặc không hiểu nổi thế nào là dân tộc cho nên hiển mình làm tay sai, thiêu thân cho đế quốc Cộng-Sản, phản bội lại dân tộc ; những phần tử nô lệ, mị-ngoại, vong bản chỉ biết có danh lợi cá nhân và gia đình cũng không biết có dân tộc (hay chỉ nói như vẹt mà chẳng hiểu ra thế nào) và sẵn sàng phản bội dân tộc ; những phần tử chúng nhận thấy đau ăn đó, ham mê những thích khoái trước mắt là những con hoang đại cần phải rèn dạy của dân tộc.

Về kết cấu của một dân tộc thì có những dân tộc đơn và dân tộc kép. Đơn là những dân tộc đồng một văn hóa từ ngôn ngữ đến nếp sống và những thành quả của sinh hoạt, không phân biệt thành miền thành khu dành riêng cho từng chủng loại. Một dân tộc đơn có thể gốc từ nhiều chủng loại và về tổ chức chính trị có thể chia nhiều tiểu bang tự trị, nhưng tất cả đã hòa đồng trà trộn với nhau thành một sinh mệnh duy nhất trên các phương diện... Kép là những dân tộc tuy cùng một chế độ kinh tế chính trị, cùng một sinh mệnh đối ngoại, nhưng ngôn ngữ, phong tục và phân bố cư trú lại giữ riêng từng chủng loại. Nói cách khác, kép là những dân tộc tuy có một sinh mệnh kinh tế chính trị nhưng lại có nhiều sinh mệnh văn hóa. Do biến chuyển lịch sử, nhiều dân tộc đơn có thể kết hợp thành một dân tộc kép nhưng phải do tự nguyện và có tính các đồng đẳng không một mặc cảm, nếu cưỡng bức thì chỉ là một âm mưu thôn tính, đồng hóa của một dân tộc mạnh đối với một hay nhiều dân tộc yếu hơn.

Một dân tộc dù là đơn hay kép, nhưng sinh mệnh kinh tế chính trị văn hóa đã thống nhất đến độ nên tách rời nhau thì mọi thành phần đều suy yếu hay không thể thịnh vượng lên theo với khả năng như trước được, như thế thì không thể chấp nhận một sự chia rẽ do một hay nhiều áp lực ngoại lai. Đó là một âm mưu thôn tính của một dân tộc khác đối với dân tộc nạn nhân hay là một sự phân táng quyền lợi của dân tộc nạn nhân giữa nhiều dân tộc khác. Đây là tình trạng đau khổ của những dân Việt, Hàn, Đức ngày nay.

Trên đây là một vài nét đại cương về thực thể dân tộc để chúng ý niệm được những vấn đề của một dân tộc ở mỗi hoàn cảnh lịch sử.

Trong một quốc gia dân tộc không thể lẫn lộn với nhân dân, mặc dầu lồng khít vào nhau trên bình diện hiện tại.

« Nhân bản » hay « dân », hay « dân chúng » là những

danh từ tùy nghi sử dụng với một vài tính tiết khác nhau để chỉ tổng quát những con người đang sinh hoạt trên một khu vực địa dư, nhỏ là một ấp, một làng, lớn là cả một quốc gia hay thế giới. Cái sinh mệnh tổng hợp phát sinh do sự cộng đồng sinh hoạt ấy là xã hội. Trong nhân dân một miền, một khu có cả ngoại kiều trong một xã hội cũng thế ; trong một dân tộc không có ngoại kiều tất cả phải đồng một quốc tịch.

Nói nhân dân hay nói Xã hội là nói đến sinh hoạt. Nhưng vấn đề của nhân dân một xứ, một miền hay của một xã hội là những vấn đề sinh hoạt, còn những vấn đề của một dân tộc là những vấn đề sinh tồn tiến hóa. Những kẻ đồ đệ của Karl-Marc chỉ biết có Xã Hội và sinh hoạt của Xã-Hội, không biết có Dân tộc và sinh tồn của Dân tộc mà cũng chẳng thêm biết đến sinh hoạt của nhân dân. Chúng thường sử dụng danh từ dân tộc và nhân dân, nhưng thực ra đó chỉ là sự vận dụng xảo trá của ngôn từ mà chúng hiểu theo ý riêng của chúng.

Việc chính trị của một quốc gia bao giờ cũng có 2 chủ đề song song (nhưng không phải là Song hành), đó là Sinh hoạt của nhân dân và sinh tồn của dân tộc. Khi sinh tồn của dân tộc vững mạnh thì phát đạt những vấn đề sinh hoạt của nhân dân, Ngược lại khi sinh tồn của dân tộc lung lay, bị uy hiếp thì đặt nhẹ vấn đề sinh hoạt để dồn lực lượng vào đề bảo vệ sinh tồn. (động viên nhân lực, tiết kiệm tiêu thụ, giới hạn hưởng lạc, tập trung ý chí).

Tình hình quốc gia chúng ta ngày nay thật là nguy ngập. Tình thế sinh tồn của dân tộc rất lung lay (quá nửa dân số đã bị nô lệ hóa bởi Tàu Đỏ và biến thành công cụ của chúng, non nửa còn lại thì bị tiếp tục xâm lăng bằng một thủ đoạn quỷ quyệt : lấy người Việt phá hàng ngũ Việt, mà tình trạng sinh hoạt của nhân dân thì thật khốn đốn (miền Bắc đành tạm chịu, háo lo cho miền Nam).

Nguy cơ ấy tuy vậy vẫn chưa phải là căn bản vì dù tình hình đến thế nào, vẫn có thể quật khởi, thời Mông cổ, nước mất chỉ còn một khn Thanh Hóa, vẫn đánh bại được quân cường địch thời Lê-Lợi, nước đã bị nô lệ thống trị hoàn toàn, nhân dân kiệt quệ mà từ một thung lũng sơn cước vẫn có thể dấy lên đánh bật kẻ thực dân. Nguy cơ căn bản là sự thiếu tin tưởng không thống nhất tập trung được ý chí. Xã hội miền Nam là một xã hội rất rời rạc. Nhân dân phân chia thành đủ mọi tầng lớp mâu thuẫn tranh sống và hưởng thụ, lẫn nhau. Đồng tiền là chúa tể, có tiền thì đi điểm, gian thương, gian chức cũng vênh vang xe ngựa nhà lầu, Liêm sỉ hầu như tan biến không còn ai hiểu nó là cái gì, thay vào đó là những tự ái nhỏ nhen, gây lộn lẫn nhau.

Ấy thế mà trên dưới 8, 9 mươi phần trăm đều không ưa Cộng Sản, nếu không gọi là chống Cộng. Đây là điều rất thực, không phải mĩa mai, điều dễ hiểu là C.S. không dung nể sống

ấy. (Nhưng chớ vội hoan hô cho C.S. là hay, dù là một thứ C.S, Titò ; C.S. sẽ đưa từ một nếp sống phóng dăng sang một nếp sống nô vật, từ một nếp sống cá nhân vị kỷ sang một nếp sống dăm xích trói buộc ?) Không ưa Cộng Sản, ghét Cộng Sản, nhưng chiến đấu với Cộng Sản thì không ; ai ở hoàn cảnh phải chiến đấu với C. S. ai được trực tiếp trả lương để chiến đấu với C. S. xin cứ chiến đấu, tôi nhờ, tôi hoan nghênh, nếu cần bảo tôi phát biểu cảm tưởng, tôi xin ủng hộ, nhưng bảo tôi dè tam trí vào đây, hưởng công việc sinh hoạt của tôi vào đó, thì tôi bận quá, nhiều việc quá, tôi phải có tiền, có thật nhiều tiền cho tôi, cho vợ tôi, con tôi, cho nhân tình của tôi cho tiệc tùng, đàn điểm... Ai khổ ai, ai hy sinh, đây là số họ như thế, thật tội nghiệp, nhưng tôi cũng vất vả lắm đấy chứ ;

Đây mới thực là nguy cơ căn bản, đầu mỗi diệt vong là ở đó, chứ mất nửa nước, thua năm, mười trận, cả trăm trận đi nữa vẫn chưa phải là thua.

Tất cả những trình bày từ trên, tuy chưa nói rõ mục tiêu nhưng mục tiêu đã hé lộ, hơn nữa đường lối đấu tranh cũng đã hé lộ, Đề tam một chút, thành khản một chút, Người thiện chí sẽ thấy rõ mục tiêu và đường lối phải làm.

Dưới đây, chỉ xin vắn tắt một vài nét đại cương :

MỤC TIÊU :

1.— Giải nguy đất nước, thanh toán nạn thôn tính quỷ quyệt của Tàu đỏ trên toàn bộ quốc gia Việt, giải thoát những con dân Việt mắc bầy đá làm công cụ « cồng rắn cắn gà nhà » mà còn tưởng là vinh hạnh, tưởng mình là chiến sĩ cách mạng.

2.— Bảo toàn củng cố, hưng thịnh dân tộc Việt trong một cộng đồng quốc tế hổ tương.

3.— Xây dựng xã hội Việt lấy gia đình làm những vị trí căn bản, đồng đảng từ khả năng tinh thần đến quyền lợi vật chất, lấy xã hội làm môi trường sinh hoạt thiết yếu, thống nhất những nhu cầu văn hóa và kinh tế, lấy chính trị làm cơ năng đề điều hòa và hướng dẫn mọi sinh hoạt kinh tế và văn hóa.

4.— Xây dựng một dân sinh và một văn hóa Việt đề góp phần vào dân sinh và văn hóa nhân loại.

ĐƯỜNG LỐI

1.— Cách mạng tự mình, hiến thân cho dân tộc, quên bỏ tư tể, tư tình, tư ý, tư lợi đề lính hội được lộ tuyển đấu tranh của dân tộc quy định bởi những tiềm năng, phát xuất từ lịch sử và tàng ẩn trong nhân dân, bởi những khó khăn hiện tại do các loại

thù địch trước và nay gây ra, và bởi khả năng hỗ trợ của những lực lượng đồng minh.

2.— Kết hợp một cơ quan đầu não bằng những tâm hồn thành nhiệt, không cần cứ già hay trẻ, gái hay trai; không cần cứ cấp bậc cao, thấp, quân dân, để lãnh đạo cách mạng cứu quốc và kiến quốc. Sách động thanh sinh viên, chuyên các học đường từ trung học đến đại học thành những lò rèn luyện chiến sĩ tiên phong cứu quốc và kiến quốc; thải bỏ tất cả những bọn « lái chữ » vô trách nhiệm làm thối chốt và hư hỏng nhiệt chí của thanh niên. Giải tán bộ máy giáo dục nô dịch con đẻ của thực dân xưa, thay thế vào đó bằng một bộ văn hóa kháng chiến và kiến quốc.

3.— Triệt để thanh lọc hàng ngũ quân chính, trừ bỏ tất cả những phần tử lợi danh do thực dân xưa bủi mồm mà nên địa vị, nhất là ở những vị trí then chốt. Thực hiện một nếp sống kiệm ước lấy giản dị, thành nhiệt làm gương mẫu, lấy xa hoa danh lợi làm sỉ nhục.

4.— Thanh lọc và chỉ đạo văn hóa, khai thông dư luận ánh mạnh, diệt trừ những cơ quan, những tổ chức văn mỹ nghệ nuôi dưỡng những thị hiếu vơ vẩn, mơ mộng hưởng lạc, hiếu kỳ phát sinh gốc từ xã hội nô lệ xưa kia. Vận dụng tất cả nhân lực và phương tiện để tạo nên một văn công, văn khi, phát huy đức tin ở sức sống mãnh liệt của dân tộc và tinh thần trách nhiệm, hỗ trợ trong các ngành sinh hoạt quần dân chính.

5.— Cải tạo từ tổ chức đến tinh thần quân đội chuyên môn hiện nay thành quân đội cách mạng kháng chiến kiến quốc đồng thời tổ chức những đạo tân quân cách mạng có đầy đủ danh dự và uy phong.

6.— Quét cho sạch, diệt cho hết những thế lực kinh tài gian nguy, giầy mớ rế má, dấn mắc từ những địa vị chính quyền đến những tổ chức gian thương, gian công, dụng chế độ quốc gia quản trị những ngành nội ngoại thương để phân phối nhu cầu cho các cơ quan chính phủ và nhân dân. Khuyến khích và giúp đỡ mọi kinh doanh sản xuất lớn nhỏ. Triệt để thu năm không những viện trợ mà cả những lợi tức chính do sự có mặt của các lực lượng đồng minh đem đến, để xử dụng vào những công cuộc kiến thiết về các phương diện kinh tế, văn hóa, không để lọt vào tay tư nhân vừa tạo nên một tâm lý bệ rạc chạy theo đồng tiền một cách vô sỉ trắng tráo, vừa phí phạm và làm cho tình hình kinh tế xã hội thêm rắc rối.

7.— Cải đổi toàn bộ luật pháp để phân xét mọi hành động phạm pháp theo những tiêu chuẩn thứ bậc trọng tuân tự như sau :

- a) Sinh mệnh và quyền lợi của Dân tộc
- b) Sinh mệnh và quyền lợi của Xã-Hội
- c) Sinh mệnh và quyền lợi của gia đình
- d) Sinh mệnh và quyền lợi của cá nhân,

Đồng thời với công việc san định luật pháp, thiết lập một Hội đồng lịch sử phán quyết công tội và đối xử thích đáng những chiến sỹ C.M. tiền bối, những tên Việt gian tay sai văn hóa hay hành chánh, những tên hoạch phứ lợi dụng thời cuộc trong thời Pháp Nhật thuộc và nhất là trong khoảng 25 năm nay để làm sáng tỏ cương thường dân tộc.

8.— Phát huy chính nghĩa của đấu tranh Việt tại khắp các quốc gia trên thế giới, không riêng gì ở các quốc gia đồng minh,

Tám điểm chính yếu của đường lối C.M. cứu quốc và kiến quốc trên đây có một liên lạc nhất khối, thống nhất trong một chương trình, không thể làm điều nọ, bỏ điều kia mà đạt được 4 mục tiêu đã đề ra. Tất nhiên chương trình hành động ấy phải phát xuất từ một ý thức hệ trọn vẹn đề hướng dẫn mọi thực hiện trong một kiến trúc dân tộc quy mô. Đây là một đề nghị đối với những tâm hồn dân tộc ưu tư.

KẾT LUẬN.— Tóm lại những điều trình bày trong bài này, nhằm mục đích phát hiện những sự thực sau đây :

— Trong tâm trí, đại đa số nhân dân không ra gì C. S. , rất nhiều người còn căm phẫn chứng đến cực độ vì chúng đã xâm phạm đến tính mạng, sinh mệnh, sinh kế và tài sản của họ,

— Những thái độ tâm lý ấy, những sức mạnh tinh thần ấy đã không được phối hợp và nuôi dưỡng để chuyển thành những hành động tích cực trong một quy mô chính nghĩa diệt tà, trừ gian cứu nước, cứu dân.

— Tinh thần nghĩa khí ấy dành âm ỷ, bất mãn trong một thái độ tiêu cực vui lầy trong những hoạt động sinh nhai hàng ngày tranh sống cấp bách với những tham vọng lợi danh hưởng lạc vị kỷ của bè lũ gian thương, gian chức, nguy phú, con đẻ của thời nô lệ thực dân xưa. Tất cả tạo thành một xã-hội rời rạc, mâu thuẫn, quay cuồng vô trách nhiệm,

— Bi trạng ấy khởi nguyên từ tư tưởng lãnh đạo không chính xác, thái độ chấp hành không thành khẩn và triệt để, đối tượng đấu tranh sai lạc, mục tiêu đấu tranh mơ hồ, đường lối đấu tranh không dứt khoát.

— Tinh thể dân tộc thật là nguy ngập, bèn trong thì để quốc Tàu Đỏ xâm lăng bằng một mưu mô quỷ quyết lấy người Việt dìm khóa người Việt, lấy người Việt phá hàng ngũ Việt, lấy người Việt giết người Việt, lấy người Việt và tài sản Việt làm công vụ để chứng tranh hùng với các cường quốc Tây-Phương, lấy đất Việt làm bàn đạp, làm mũi dùi phá vào Đ.N. Á, vào Phi Châu, vào Nam-Mỹ, để thực hiện mộng chủ nhân. Trái đất với một dân số trên 700 triệu người, chẳng bao lâu lên đến một tỷ, hiện đang đói khát chật chội; bên ngoài chính quyền quốc gia không có bề thế, bị lấp liếm ếm nhèm, chính nghĩa đấu tranh của Dân tộc không sáng tỏ, lực lượng đồng minh hỗ trợ từ một vai phụ lực phải đóng một vai cột trụ trở nên dè dặt vừa đánh vừa cầu hòa; Dân tộc Việt chẳng lẽ một lần nữa bị đem làm vật trả giá giữa chợ? Mười một năm kháng chiến chống Tàu Đỏ, công xương máu lại một phen nữa sẽ trở thành nước lã ra sông? Kiếp nô lệ quá một trăm năm sẽ kéo dài đến ngày diệt tộc?

Giờ phút không còn trì hoãn được. Để cứu nguy dân tộc để tái tạo quốc gia, để giải thoát xã hội, để cứu vãn các dân tộc trên thế giới lực lượng C.M. quần dân phải thành hình!

MẮN CHÍNH

Đại học KYOTO

LÊ-VĂN-PHONG

MẶC dầu không có sông Hương núi Ngự, không có cầu Tràng-Tiền hay chùa Linh-Mụ, Kyoto vẫn mang trọn bộ mặt của Huế. Cảm nghĩ đầu tiên của một du khách Việt-nam khi mới đặt chân đến Kyoto là thế.

Kyoto là cựu thủ đô của Nhật-bản trong khoảng hơn 1070 năm, từ niên hiệu Duyên-Lịch (Euryaku) thứ 13 (794) đến năm thứ 2 Minh-Trị (Meiji) Thiên hoàng (1869).

« Trăm xét cất Yoshino (Cát-dã) tức Kinh-đô trong xứ Sơn-thành có núi sông mỹ lệ, dân cư bốn phương đi lại cũng rất thuận tiện, quả là nơi xứng đáng làm đại cung địa ».

Đó là dụ của Hoàng-Vũ Thiên-hoàng (1) hạ chiếu vào tháng mười Đinh-mão niên hiệu Duyên-Lịch thứ 13 (794) về việc dời thủ đô Nhật-bản từ Nara (Nại-lương) đến Kyoto (Tây-kinh). Ngay sau đó thành Bình-an được xây cất. Nội thành chia làm hai khu chính: hoàng cung và đại nội. Phố đặt thành khu bàn cờ và chia làm hai khu: hữu kinh (upyo), và tả kinh (Sakyo). Cho đến ngày nay thành phố Kyoto vẫn còn nguyên vết tích cũ, đường phố vẫn vuông góc với nhau do đó du khách có thể nhớ đường một cách dễ dàng.

Kyoto cách thành phố kỹ nghệ Osaka (Đại-bản, dân cư 6 triệu) vào khoảng 30 phút tàu và cách Kobe (Tbần-hộ, thành Phố Kobe với 32.000 người ngoại quốc trong số 1.200.000 dân cư) vào khoảng một giờ tàu.

Thành phố Kyoto được bao bọc bởi ba mặt núi và một mặt sông. Phía đông có núi Higashiyama, phía tây có núi Nishiyama, phía bắc có núi Ohara và Karama, phía nam có sông Katsura. Sông Kano làm cho trung tâm thành phố trở nên mát. Ở triền của dãy núi Higashiyama có rất nhiều đền chùa, còn ở các vùng lân cận thì có bác vật quán mỹ thuật, viện bảo tàng quốc gia và đại học Kyoto.

Về vấn đề ngôn ngữ, việc phát âm và lối dùng chữ của người Kyoto cũng có vài nét đặc biệt. Hẳn một du khách sẽ ngạc nhiên khi nghe đến tiếng sumimahan của người Kyoto ? Sau đây là một vài

tiếng thường dụng (trung tâm thành phố cũng như các vùng lân cận):

Akan (ikenai). Okini (arigato). Inu (kaeru) Sodosu (sodesu), Tsubetai (tsumetai), Shindoi (tsukareta), Tosan (usume), Sendaku (sentaku), Oagariyashite (đi về hướng bắc). Osagariyashite (đi về hướng nam), dotto (thẳng đường).

Một đặc điểm đáng chú ý nhất là thành phố Kyoto không bị chiến tranh tàn phá, và cũng vì có rất nhiều di tích lịch sử nên ngày nay Kyoto là trung tâm văn hóa của Nhật-bản.

Kyoto là một thành phố rất đẹp, bộ mặt Kyoto khiêm tốn với những cô gái cổ đô dịu hiền chất phác với chùa chiền đền đài, với hoa anh đào. Người ta thường nói đi Hokkaido để nghỉ mát về mùa hạ, đi Nikko về mùa thu để được nhìn lá vàng, thì đi Kyoto về mùa xuân chính là để được thưởng lãm hoa anh đào của chốn nghìn năm văn vật.

ĐẠI HỌC KYOTO

Dưới sự điều khiển của Viện trưởng Azuma OKUDA (Ao Diên Đông), vào niên khóa 1965 đại học Kyoto gồm có 11.367 sinh viên và 4.936 viên chức nhà trường (một viện trưởng, 467 giáo thụ, 471 trợ giáo thụ, 130 giảng sư, 780 trợ thủ và 3087 các nhân viên khác).

Lịch sử nhà trường và cách tổ chức

Đại học Kyoto được thiết lập vào năm 1897 mang tên là « Tây-kinh Đế Quốc Đại học ». Lúc sơ khởi đại học Kyoto chỉ có vốn vẹn 4 phân khoa chính: Lý công khoa (Science and Engineering), luật khoa, Y khoa và Văn khoa. Vào năm 1919, với đạo luật canh tân đại học, bốn phân khoa trên được cải tổ thành sáu học bộ: Công học bộ, Lý học bộ, Pháp học bộ, Y học bộ, Văn học bộ, và kinh tế học bộ. Và cuối cùng Nông học bộ được thiếp lập vào năm 1923.

Theo đà tiến triển của nền giáo dục cũng như theo nhu yếu của thời đại, số sinh viên hàng năm tăng rất nhanh. Trong giai đoạn chuyển tiếp để theo

kịp bước tiến của khoa học, các viện nghiên cứu lần lần được thiết lập : Viện nghiên cứu hóa học (1926), viện nghiên cứu nhân văn (1939) viện nghiên cứu bệnh lao (1944), viện nghiên cứu kỹ thuật (1941) viện nghiên cứu cây gỗ (1944), viện nghiên cứu lương thực (1946).

Vào năm 1947 những đế quốc đại học trở thành quốc lập đại học và Tây kinh Đế quốc Đại học mang một tên mới là ĐẠI HỌC KYOTO, cho đến ngày nay vẫn không thay đổi.

Sau thế chiến thứ hai, những sự cải tổ có tính cách cách mạng đã đem lại cho Nhật-bản một hệ thống giáo dục mới. Với hệ thống bốn năm đại học đại học Kyoto hoạt động trở lại từ ngày 31-5-1949. Giáo dục học bộ là một học bộ mới được thiết lập vào năm 1949. Cũng vào thời này giáo dục học bộ được thiết lập và đây cũng là một đặc điểm đáng chú ý của nền giáo dục Nhật-bản sau thế chiến thứ hai.

Đại học Kyoto luôn luôn cải tiến không ngừng, lần lượt các học bộ mới và các viện nghiên cứu ở đại học viện được thiết lập : Viện nghiên cứu phòng bệnh (1951), viện nghiên cứu vật lý (1953), viện nghiên cứu độc tố (1956), Dược học bộ (1960), Viện nghiên cứu kinh tế (1962), viện nghiên cứu vật lý, toán giải tích (1963), Cho đến ngày nay đại học Kyoto đã trở nên hoàn hảo và là một trong những đại học nổi tiếng của Nhật-bản.

Về chương trình huấn luyện, thời gian của mỗi khóa học cũng như thời gian tối đa được theo học đều được định đoạt bởi từng học bộ liên hệ. Thời gian cần thiết để theo học khóa học sĩ (gakushi) là 4 năm (6 năm trong trường hợp y học bộ). Trong hai năm đầu nhà trường hướng dẫn sinh viên chương trình giáo dục tổng quát, đây là khoảng thời gian sinh viên theo học ở giáo dục học bộ. Cũng trong thời gian này, một vài giờ có tính cách chuyên môn liên quan đến ngành đã chọn được đề cập đến. Chương trình, số giờ cần thiết trong hai năm đầu đều do giáo dục học bộ quyết định, các giờ học có tính cách chuyên môn thì được định đoạt bởi các học bộ liên hệ. Sau khi đã hoàn tất số giờ hạn định của mỗi học bộ và vượt qua kỳ thi với số đơn vị (tani) tối thiểu, sinh viên sẽ tốt nghiệp đại học với cấp bằng Học sĩ (gakushi) Sau đó sinh viên có thể tiếp tục theo học ở đại học viện. Đại học viện gồm hai khóa : khóa Tu-sĩ (shushi) tối thiểu là hai năm rồi đến khóa Bác sĩ (hakshi) tối thiểu là ba năm (bốn năm trong trường hợp y khoa).

Sau khi đã lấy được một số đơn vị cần thiết, hoàn thành công trình nghiên cứu đã định và vượt qua kỳ thi bắt buộc sinh viên sẽ lần lượt tốt nghiệp ở đại học viện với cấp bằng Tu sĩ 3 rồi đến cấp bằng Bác sĩ 4.

Ngoài ra đại học Kyoto còn có hai hệ thống đặc biệt, một hệ thống dành cho sinh viên nghiên cứu

(kenkyusei) về các phân khoa ngoại trừ y, dược và công học bộ. Một hệ thống khác dành cho chuyên viên nghiên cứu (kenkyuin). Những sinh viên nghiên cứu và chuyên viên nghiên cứu hoàn thành mỗi năm một đơn vị hay nhiều hơn nữa mà không nhận được một bằng cấp nào.

Các học bộ.—

1) Văn học bộ :

Được thiết lập vào tháng 9 năm Minh-Trị Thiên hoàng thứ 39 (1906), gồm có các học khoa sau đây :

Triết học

Sử học

Văn học

2) Giáo dục học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 5 năm Chiêu-Hòa thứ 24 (1949), gồm có giáo dục học khoa.

3) Pháp học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 9 năm Minh-Trị thứ 32 (1899).

Kinh-tế học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 5 năm Đại-Chính thứ 8 (1919), gồm có các học khoa :

Kinh tế

Kinh doanh

5) Lý học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 7 năm Đại-Chính thứ 3 (1914), gồm có các học khoa :

Toán

Vật lý

Vũ Trụ Vật lý (Cosmo — physics)

Địa cầu Vật lý (Geophysics)

Hóa học

Động vật học

Thực vật học

Địa chất Khoáng vật

6) Y học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 9 năm Minh-Trị thứ 32 (1899).

7) Dược học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 4 năm Chiêu-Hòa thứ 35 (1960), gồm có hai học khoa :

(1). Tan (unit)

(2). Gakushi (Bachelor)

(3). Shushi (Master)

(4). Hakushi hay Hakase (Doctor)

Dược học

Chế dược hóa học (Pharmaceutical chemistry)

Công học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 7 năm Đại-Chính thứ 3 (1914), gồm có các học khoa :

Kỹ sư Dân sự

Kỹ sư Vệ sinh

Kỹ sư Giao thông

Kỹ sư Cơ khí

Kỹ sư Cơ khí tinh xác (Precision mechanics)

Kỹ sư Điện khí

Kỹ sư Điện tử

Kỹ sư Hàm mỏ

Kỹ sư Luyện kim

Kiến trúc sư

Kỹ sư Tài nguyên

Công nghiệp hóa học

Nhiên liệu hóa học

Cao phân tử hóa học

Kỹ sư Hàng không

Kỹ sư Hạch tâm

Toán, Vật lý ứng dụng

Hóa học tổng hợp

9) Nông học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 11 năm Đại-Chính thứ 2 (1923), gồm có các học khoa :

Nông học

Lâm học

Lâm sản công học

Nông nghệ hóa học

Nông lâm sinh vật học

Nông nghiệp công học

Nông lâm kinh tế

Thủy sản

10) Giáo dưỡng học bộ.—

Được thiết lập vào tháng 5 năm Chiêu-Hòa thứ 24 (1949), gồm có giáo dưỡng khóa trình.

Đại Học Viện

Các chủ đề nghiên cứu sau đây chung cho hai khóa Tu sĩ và Bác sĩ.

Nghiên cứu Văn học.—

Triết học

Tâm lý học

Tôn giáo học

Xã hội học

Mỹ thuật và lịch sử mỹ thuật

Sử Nhật-bản

Sử Đông phương

Sử Tây phương

Địa lý

Khảo cổ học

Ngôn ngữ và văn học Nhật-bản

Ngôn ngữ và văn học Trung-hoa

Ngôn ngữ và văn học Pháp

Ngôn ngữ và văn học Anh Mỹ

Ngôn ngữ và văn học Đức

Tiếng Phạn (Sanskrit) và văn học Phạn

Ngữ học

2) Nghiên cứu giáo dục.—

Giáo dục

Phương pháp giáo dục

3) Nghiên cứu Pháp học.—

Cơ sở luật

Công pháp

Dân luật và hình luật

4) Nghiên cứu Kinh tế.—

Lý thuyết và lịch sử kinh tế

Chính sách kinh tế

Kinh doanh

5) Nghiên cứu Khoa học.—

Toán

Vật lý

Vũ trụ vật lý

Địa cầu vật lý

Hóa học

Động vật học

Thực vật học

Địa chất Khoáng vật

Vật lý nguyên tử hạch

6) Nghiên cứu Y học.—

Sinh lý học

Bệnh lý học

Y học xã hội

Nội khoa

Ngoại khoa

7) Nghiên cứu Dược học.—

8) Nghiên cứu Công học. —

Thuật công tác dân sự

Cơ khí

Điện khí

Hầm mỏ

Luyện kim

Hóa học kỹ nghệ

Kiến trúc

Nhiên liệu

Cơ khí hóa học

Sợi hóa học (sợi nhân tạo)

Nguyên tử hạch

Điện tử

Hàng không

Vệ sinh

Toán, Vật lý ứng dụng

Hóa học tổng hợp

Cơ khí tinh xác

9) Nghiên cứu Nông học. —

Nông sản

Lâm sản

Thủy sản

Nông nghệ hóa học

Nông lâm sinh vật học

Các cơ sở nghiên cứu và thư viện. —

Hiện nay đại học Kyoto có 12 sở nghiên cứu hóa học, sở nghiên cứu nhân văn, sở nghiên cứu bệnh lao, sở nghiên cứu công học, sở nghiên cứu cây gỗ, sở nghiên cứu lương thực, sở nghiên cứu phòng bệnh, sở nghiên cứu cơ sở vật lý, sở nghiên cứu độc tố, sở nghiên cứu kinh tế, sở vật lý, toán giải tích, lò nguyên tử thực nghiệm.

11 cơ sở trên được thiết lập rải rác ở Kyoto còn là nguyên tử thực nghiệm được đặt ở Osaka.

Ngoài ra, hầu hết các học bộ của đại học Kyoto cũng đều có các cơ sở nghiên cứu phụ thuộc cũng như các sở thực nghiệm liên hệ. ví dụ như lý học bộ thì có sở nghiên cứu địa cầu vật lý, khí tượng, địa chấn, hỏa sơn ; y học thì có bệnh viện riêng biệt trong bệnh viện lại có trường khán hộ, trường hộ sinh, trường kiểm tra vệ sinh, sở nghiên cứu các chứng bệnh ngoài da... Các trung tâm nghiên cứu bệnh lao, phòng bệnh và độc tố là những trung tâm đáng chú ý.

Thư viện trung ương của đại học Kyoto được xây cất vào năm 1899. Vào năm 1963 thư viện đã có 2.202.733 quyển sách và rất nhiều tài liệu sưu tập đặc biệt. Thư viện trung ương là một tòa nhà rộng lớn được trang bị đầy đủ với tất cả tiện nghi hầu đáp lại nhu cầu của giáo sư cũng như sinh viên một cách thỏa đáng.

Hơn nữa, mỗi học bộ và các viện nghiên cứu thuộc đại học Kyoto cũng đều có các thư viện riêng biệt. Thư viện của Pháp học bộ, Văn học bộ, Văn học bộ, Kinh tế học bộ, Viện khảo cổ là những thư viện có tính cách quý mô với rất nhiều sách giá trị.

Sinh viên ngoại quốc ở Kyoto

Một sinh viên ngoại quốc, nếu muốn theo học chuyên môn ở đại học Kyoto, tốt hơn hết là nên liên lạc trước với nhà trường, sinh viên sẽ được nhà trường chỉ dẫn tường tận cho mọi chi tiết liên quan đến ngành học cũng như ngôn ngữ, phong tục tập quán địa phương.

Hiện nay ở Kyoto có hai cư xá dành cho sinh viên ngoại quốc. Kyoto International Student House là một dãy nhà lầu ba tầng ở Tsusumitani — cho Masasagi, Yamashina, Higashiyama-ku (Hinoka), cách đại học Kyoto vào khoảng 25 phút tàu điện (shiden). Một cư xá khác mới được xây cất vào năm 1964 mang tên là « Haus der Begegnung » International Student House gồm một dãy nhà lầu bốn tầng (có phòng ăn mỗi tầng) ở Higashimachi, Shogoin, Sakyo-ku, cách đại học Kyoto vào khoảng 10 phút đi bộ. Cả hai cư xá đều được trang bị đầy đủ với mọi tiện nghi.

Ngoài ra sinh viên cũng có thể lưu trú tại Kansai International Student House ở Osaka, cách đại học Kyoto vào khoảng một giờ rưỡi tàu.

Đối với những sinh viên không thích đời sống trong những cư xá, có thể ở tại các nhà cho thuê hoặc ở ngay trong gia đình người Nhật. Sự chung đụng với gia đình Nhật nhiều khi phải gặp những điều phiền phức, tuy nhiên sinh viên có thể tìm hiểu phong tục, tập quán của người Nhật một cách dễ dàng hơn.

LÊ - VĂN - PHONG

• HỘI Y SĨ MỸ SẼ TRỢ GIÚP VIỆT NAM TRONG VIỆC GIÁO DỤC Y KHOA

— Chiều hôm 2-3 66 dưới sự chủ tọa của giáo sư Trần ngọc Ninh, Tổng Ủy viên Văn hóa Giáo Dục, phái đoàn Đại diện Hội Y sĩ Hoa Kỳ đã mở cuộc họp báo trình bày về dự án giúp đỡ Việt Nam Cộng Hòa trong việc cải thiện và phát triển ngành huấn luyện y sĩ.

Bác sĩ Robert Long, trưởng phái đoàn, cho biết là phái đoàn đã được Tổng Thống Johnson gửi sang Việt Nam nghiên cứu về ngành y khoa Việt Nam để ấn định một kế hoạch viện trợ hữu hiệu. Phái đoàn đã ở Việt Nam 12 ngày và sẽ ở lại một tuần nữa để tiếp xúc với các giới có thẩm quyền về ngành y khoa tại Việt Nam. Theo bác sĩ Long, Hội y sĩ Hoa Kỳ sẽ gửi sang Việt Nam một số giáo sư có khả năng về ngành khoa học cơ bản, sau đó hội sẽ cử một số giáo sư về bệnh lý sang giảng dạy tại các trường y khoa Việt Nam và cung cấp những thư viện y khoa đầy đủ tài liệu. Nếu không có gì trở ngại, chương trình sẽ bắt đầu vào tháng chín năm nay, và tiếp tục mãi mãi, « cho đến khi nào sự hữu ích chung vẫn còn ».

Bác sĩ Long đồng ý với giáo sư Trần ngọc Ninh là Việt Nam thiếu y sĩ một cách trầm trọng. Ở Hoa Kỳ cứ 750 người có một bác sĩ, trong khi ở Việt Nam là một bác sĩ cho 20.000 người. Với tình trạng này, không thể nào đưa số bác sĩ đến tỷ số lý tưởng được.

Trả lời câu hỏi của báo chí tại sao lại giới hạn số sinh viên theo học ở y khoa bằng những kỳ

thi gắt gao trong khi nước nhà thiếu y sĩ trầm trọng như vậy. Giáo sư Phạm biều Tâm, Khoa trưởng Đại học Y Khoa Saigon trả lời rằng việc huấn luyện y sĩ phải hết sức thận trọng và phải theo những tiêu chuẩn quốc tế. Khả năng và phương tiện nhà trường chỉ có thể nhận mỗi năm không quá 200 sinh viên. Nếu thu nhận quá số sinh viên ấn định là làm trái với những điều kiện quốc tế và giá trị y sĩ sẽ sút giảm và có thể đi đến tình trạng là dân chúng sẽ không tin tưởng vào các bác sĩ trong nước nữa.

Trường Y Khoa Saigon chủ trương phải đào tạo bác sĩ Việt Nam không thua kém bất cứ y sĩ của nước nào. Bác sĩ cho biết thêm là ở Hoa Kỳ, sinh viên nào muốn học y khoa cũng phải dự một kỳ thi tuyển, vì không phải ai cũng có khả năng học y khoa.

Bác sĩ Tâm cũng cho biết là hiện thời, ngành y khoa Việt Nam đã thay đổi rất nhiều, chứ không còn theo hệ thống giáo dục y khoa của Pháp nữa. Vả lại, « chính giáo dục y khoa Pháp cũng thay đổi hướng chỉ là Việt Nam ». Bác sĩ cho biết là các giáo sư Việt Nam nghiên cứu các hệ thống giáo dục của các quốc gia tân tiến để soạn thảo một chương trình phù hợp với Việt Nam mà không lạc hậu. Bác sĩ Long cũng nhận rằng chương trình viện trợ của Hội y sĩ Mỹ chỉ nhằm giúp Việt Nam tiến tới một nền giáo dục y khoa toàn thiện, đủ cung ứng cho nhu cầu dân chúng, chứ không phải đem nền giáo dục Mỹ vào trường Đại học Việt Nam

Vấn đề chuyển ngữ Anh văn tại Đại Học Y Khoa

Trả lời một câu hỏi của ký giả là việc cử

các giáo sư Hoa Kỳ sang Việt Nam có gặp trở ngại gì không, vì các sinh viên Việt Nam vẫn quen dùng Pháp văn, bác sĩ Long nghĩ hy vọng Anh văn sẽ được học nhiều hơn tại các trường Đại Học. Theo ý giáo sư Phạm biểu Tâm thì không có khó khăn nào, vì thường thường các giáo sư biết hai thứ tiếng. Vả lại, bắt đầu từ năm nay, có lớp dự bị y khoa Anh Văn lại, bắt đầu từ năm nay, có lớp dự bị y khoa Anh Văn tại Đại học Y khoa Saigon. Lớp đó sẽ tiếp tục dùng Anh văn trong việc nghiên cứu, và tiếp tục cho đến khi ra trường.

Hội Y-sĩ Mỹ : 210.000 hội viên

Trả lời một câu hỏi về Hội Y-sĩ Hoa Kỳ, bác sĩ Robert-Long cho biết đó là một hội tư quy tụ 210.000 bác sĩ, tức là gần hết số Bác sĩ của Mỹ. Và hầu hết các bác sĩ đã hoạt động giúp đỡ Việt Nam từ 10 năm nay đều là hội viên của Hội.

Giáo sư Trần ngọc Ninh cho biết là dự án của Hội Y sĩ Hoa Kỳ rất quan trọng và có thể giúp Việt Nam khỏi tình trạng thiếu giáo sư y khoa từ nhiều năm nay và nghĩ lời cảm ơn sự cộng tác thân hữu của nước bạn.

● LỄ RA MẮT BAN CHẤP HÀNH TỔNG HỘI SINH VIÊN SAIGON

— Lễ ra mắt ban chấp hành Tổng Hội Sinh Viên Saigon niên khóa 1965-1966 đã được tổ chức chiều ngày 13-3 tại trụ sở sở sinh viên số 4 đường Duy Tân Saigon.

Hiện diện trong buổi lễ có giáo sư Phạm biểu Tâm, Khoa trưởng Y Khoa, ông Ủy Viên Thanh Niên; một số giáo sư Đại Học, một số sinh viên các phân khoa ở Saigon và các nhân viên ban chấp hành Tổng Hội Sinh Viên Đà Lạt. Anh Tô Lai Chánh, chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Saigon đã đọc một bài diễn văn ngắn trình bày lập trường của ban chấp hành. Tiếp đó, cô Mai thị Thanh thủ quỹ, đọc chương trình hoạt động. Theo đó ban chấp hành sẽ tổ chức những câu lạc bộ, thư viện, quán cơm rẻ tiền v.v. cho sinh viên. Ngoài ra tổng hội cũng dự định thành lập chi nhánh ở các nước Tự do và trao đổi Sinh viên với các nước này.

Ban chấp hành Tổng Hội Sinh viên Saigon niên khóa 1965-1966 gồm các anh Tô Lai Chánh (chủ tịch), Nguyễn Xuân Sơn (phó chủ tịch Nội Vụ), Dương Mạnh Hùng (Phó chủ tịch Ngoại vụ) Nguyễn Tân Á (Tổng Thư Ký) và cô Mai thị Thanh (thủ quỹ).

Ban chấp hành này đã được tám phân khoa tín nhiệm trong cuộc bầu cử gián tiếp gồm đại diện 12 phân khoa. Tuy nhiên các Trường Văn Khoa và Công Chánh đã không dự cuộc bầu cử này. Ban Đại diện sinh viên Văn Khoa mới đây đã ra một thông cáo cho biết họ rút ra khỏi Hội Đồng Sinh Viên Saigon niên khóa 1965-1966 và không tham dự cuộc bầu cử ban chấp hành để phản đối hình thức bầu cử gián tiếp.

● SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÒI RÚT HỌC TRÌNH TỪ BỐN XUỐNG BA NĂM

Sinh viên trường Đại học Sư phạm đã lắng khóa từ ngày thứ Hai 14-3 vừa qua đề yêu cầu rút học trình từ bốn xuống ba năm. Các sinh viên đã gặp ban giám đốc nhà trường và giáo sư Tổng Ủy viên Văn hóa Xã hội nhưng vẫn đề chưa được giải quyết và sinh viên vẫn tiếp tục nghỉ học.

Các bạn Sư phạm cho rằng việc kéo dài thời gian học làm mất nhiều thì giờ trong khi chương trình vẫn như cũ. Vẫn theo các bạn Sư phạm thì trong khi chưa giải quyết được nạn thiếu hụt giáo sư giảng huấn, việc phải theo học trong cả một thời gian dài (bốn năm) sẽ gây nhiều trở ngại cho sinh viên. Vả chăng, vẫn theo lời các bạn Sư phạm, học trình về niên khóa 1966 — 67 của Đại học Sư phạm đã được Bộ ấn định là ba năm rồi, thì sinh viên niên khóa nào cũng cần được đặc cách thụ hưởng quy chế tương tự.

Anh Nguyễn Trường Chân, Chủ Tịch Ủy ban Đại diện mình xác rằng ngoài vấn đề xin giảm học trình, cuộc lắng khóa của anh em không còn một mục tiêu nào khác, nhất là mục tiêu chính trị.

Hội đồng Khoa và Ban Giám đốc nhà trường cho rằng thời gian bốn năm là thời gian huấn luyện cần thiết cho sinh viên Sư phạm trở thành những

nhà giáo có khả năng. Vả lại, theo quan điểm của các vị trên thì ngay từ khi vào Đại học Sư phạm sinh viên đã mặc nhiên chấp nhận các điều kiện của nhà trường.

● SINH VIÊN NHẬT THẢO LUẬN VỚI SINH VIÊN VĂN KHOA SAIGON

— Phái đoàn sinh viên Nhật bản thăm viếng Việt Nam đã thảo luận với sinh viên Saigon tại trường Đại học Văn khoa về nhiều vấn đề xã hội chính trị và văn hóa.

Mở đầu, anh Shuji Doi, Trưởng phái đoàn Sinh viên Nhật bày tỏ lời cảm ơn ban đại diện sinh viên Văn khoa đã dành cho họ một sự tiếp đón niềm nở và hy vọng buổi thảo luận có thể giúp họ hiểu biết thêm về Việt Nam.

Tiếp đó, một nữ sinh viên Nhật bản trình bày về nền giáo dục Nhật Bản.

Một sinh viên Văn khoa cũng đã trình bày về nền giáo dục Việt Nam. Theo anh, mặc dù thiếu thốn mọi phương tiện. Việt Nam cố gắng phát triển giáo dục để dân chúng đều có thể hấp thụ một nền học vấn đủ để cải thiện đời sống và nền giáo dục Việt Nam được mở cho tất cả mọi người.

Qua phần thảo luận khi đề cập đến vấn đề chiến tranh tại Việt Nam, một sinh viên Nhật cho biết rằng nhiều người Nhật chưa thấu hiểu thực chất của cuộc chiến tranh này, và đó cũng là lý do cuộc thăm viếng của họ. Họ ngó ý mong mỗi chiến tranh sớm chấm dứt để dân tộc Việt Nam sớm sống trong hòa bình (1) « chúng tôi đã đau đớn vì chiến tranh, chúng tôi hiểu, và vì vậy, chúng tôi thông cảm sự đau khổ của dân tộc các bạn ».

● KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC TRANH TÀI THỂ THAO LIÊN VIỆN KỲ IV

Viện đại học	Vàng	Bạc	Đồng
Đà Lạt	0	6	6
Huế	6	14	10

Vạn Hạnh	0	1	3
Saigon	35	17	11

Sau đây là một vài thành tích đã đạt được.

Điền kinh

100 th :

— Trần văn Đệ (Sg)	12"
— Trịnh nghĩa Tuấn (Sg)	12"1/10
— Lê văn Tám (Huế)	12"5/10

800 th :

— Trần hùng Quân (Sg)	2'24,7/10
— Lê quang Hiệp (Sg)	2'29,3/10
— Trần minh Quang (ĐL)	2,35"2/10

Nhảy xa :

— Lê văn Thành (Sg)	5m83
— Trần minh Quang (ĐL)	5m65
— Trần hiệu Trung (VH)	5m53

5.000 th :

— Nguyễn văn Hay (Sg)	20"32,1/10
— Phan đình Thịnh (Sg)	20"39"

200 th :

— Trần văn Đệ (Sg)	24'7/10
— Lê văn Thành (Sg)	25"
— Bùi đình Chi (Huế)	25'8/10

Ném đĩa :

— Nguyễn hữu Giao (Huế)	24m58
— Nguyễn văn Lợi (Huế)	24m52
— Trần bình Lộc (Sg)	20m60

400 th. :

— Trần ngọc Sơn (Sg)	58'5/10
----------------------	---------

- Ngô văn Quang (Sg) 59'48/10
- Lê Trang (ĐL) 1'01'45/10

Tiếp sức 4 x 100m :

- Đội Saigon 48'48/10
- Đội Huế 46'8/10
- Đội Vạn Hạnh 58'6/10

— *Nhảy cao :*

Lê văn Thành (Saigon) chiếm mê đai vàng với 1th73 bạc về Trần bình Lộc (Sg) với 1th65 và đồng cho Trần hữu Tường (Đalat) với 1th60.

— *Chạy 1500th :* Đai vàng về Nguyễn văn Hay (Sg) bạc cho Hoàng đình Thương (Đalat) và đồng cho lực sĩ Huế.

— *Ném tạ :*

— Saigon chiếm mê đai vàng về Trần Tiểu Nguyễn Hồng với 9m02, Bạc cho Lê văn Thịnh (Đalat) với 8m89 và Đồng về ta Nguyễn văn Diên (Huế) với 8m40.

— *Ném lao :*

Mê đai vàng cho Nguyễn Diên (Huế) với 33m 88 — Bạc Trần bình Lộc (Saigon) với 32m10 và Đồng : Trần ngọc Sơn (Sg) 20m30.

Chiều ngày 12-3-1966, là ngày Đà Lạt tuyên bố rút tên tất cả mọi bộ môn, các Sinh viên bạn yêu cầu xuất trình thẻ Sinh viên.

Vạn Hạnh rút tên từ 20giờ ngày 13-3-1966 theo văn thư gửi đến Ban Tổ chức vì cho rằng tình hình đất nước nghiêm trọng ».

● PHÁI ĐOÀN ĐẠI DIỆN TỔNG HỘI SINH VIÊN HOA KỲ ĐÃ TỚI SAIGON

Một phái đoàn gồm ba sinh viên thuộc Tổng Hội Sinh Viên Hoa Kỳ (National Student Association), đã tới phi cảng Tân Sơn Nhất hồi 11 giờ trưa nay, 21-3-66.

Ba sinh viên này đại diện cho 372 trường đại học Hoa Kỳ và cũng thường là đại diện chính thức của sinh viên Hoa Kỳ trên trường Quốc Tế, tới Việt Nam để tìm hiểu quan niệm của giới sinh viên Việt Nam về sự có mặt của quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, cũng như tìm hiểu những vấn đề do chiến cuộc Việt Nam gây ra. Khi trở về nước họ sẽ trình bày lại với giới sinh viên Hoa Kỳ về những điều tai nghe mắt thấy ở Việt Nam.

Phái đoàn sẽ lưu lại Việt Nam hai tuần lễ, dưới sự bảo trợ của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Trong thời gian lưu lại Việt-Nam, phái đoàn sẽ tiếp xúc với Tổng hội sinh viên Saigon, Huế và Đalat các đoàn thể thanh niên, tôn giáo tại Thủ Đô cùng thăm một vài cơ sở quân sự của quân đội Đồng Minh và trung tâm định cư các dân chúng tị nạn Cộng Sản.

Phái đoàn gồm các sinh viên Philip Sherbutne, chủ tịch Tổng Hội Sinh Viên Hoa Kỳ, sinh viên trường đại học Oregon ; Malcohnr Goldmark, phó chủ tịch phụ trách Quốc tế vụ, sinh viên trường đại học Minnesota và Greg Deline, trưởng ban Á Đông vụ sinh viên Đại học Rossevelt.

Ra đón tiếp phái đoàn tại phi trường Tân Sơn Nhất có các sinh viên Việt Nam và đại diện báo chí.

Tình thương xin chúc các bạn thu đạt mọi kết quả mong muốn trong những ngày lưu trú ở Việt Nam.

CÁO LỖI

Vì những lý do bất khả kháng như việc thay đổi nhà in, dời Tòa soạn, tình trạng kiểm duyệt dây chuyền nên số báo **Tình Thương 27** đã đến tay bạn đọc với vẻ sút kém rõ rệt nhất là về phương diện hình thức. Để chấn chỉnh kịp thời, chúng tôi đã lại thay nhà in mới và bài vở đã được sắp sọc chu đáo hơn nhất là về khía cạnh sửa lỗi (morasse).

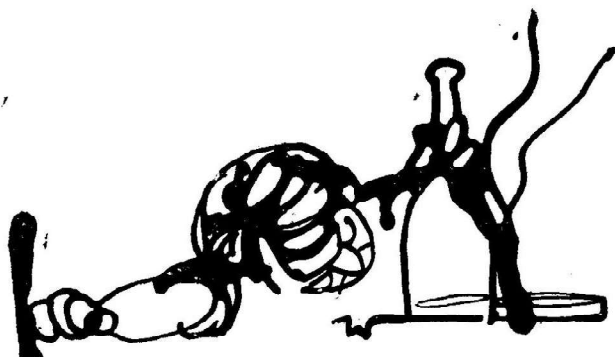
Chúng tôi xin chân thành cáo lỗi cùng đọc giả thân mến.

TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG

người chết ở pleimé

thằng vũ chết rồi trong trận pleime đó em
khủng-khiếp và khốc liệt nhất
những lần về phép sau này ra cửa đón anh
em sẽ không bao giờ thấy nó
nó chết rồi
chết trong trận pleime cho quê-hương
đó — nó nằm đó — nó ngồi đó
những tràng súng do chính nó bóp cò, địch bóp cò
cho tất cả chúng ta cùng chết trong trận giặc chúng ta
đó — nó nằm đó với chỗ nát bầy trên ngực
với dòng máu đọng lại trên thảm cỏ khô
đến nhận diện đi em
hãy khóc lớn một chút rồi đốt cho nó mấy que nhang
thằng bạn đồng đội chỏ mũi súng lên trời thét lớn :
tao sẽ trả thù cho mày — trả thù cho mày
tất cả cùng cúi xuống đắp lên mình nó một lá cờ
tò-Quốc đó ghen vũ
tò-Quốc khóc mày đó — thương mày đó
nam trung bắc nhớ ơn mày với chiến trường pleime
tao đây ghen vũ với cảm xúc phiền muộn
nỗi đớn đau còn cào trong lòng ngực
hết rồi hết rồi — nhận diện vũ lần cuối
đến nhận diện vũ lần cuối đi em
nó chết rồi trong trận pleime cho quê-hương.

PHAN-HUY-MỘNG



ngoại cảnh

■ NGÔ THẾ VINH

CON chim ưng cúp cánh bồ nhào trên mặt nhựa quắp vội mấy chú « cổ da » vừa nhô ra từ ven rừng. Quạt gió rào rạt trên những lá cây và trườn sóng trên mặt cỏ.

Xe vừa qua khỏi đèo Mang trời đỏ chiều. Sau bốn giờ an ninh quốc lộ lại bỏ ngõ. Mỗi buổi sáng mở đường, những lính Mỹ được ném rải rác xuống khắp bia rừng. Chỉ có bây giờ an ninh cho vòng đai quốc lộ. Tít trên cao không lúc nào vắng bóng những « chó con » quan sát. Dầu sao chúng tôi yên tâm vì đã thoát qua một ngọn đèo và thung lũng nguy hiểm. Xa lộ xám vắng dài các trườn mình như một dải lưng láng nhẵn. Vài đoạn bị cắt phá khoang đổ lỗ chỗ hố mura đào trũng. Những chiếc cầu mới đúc đổ gục. Con đường tạm nối với những khúc quanh đắp đất. Vừa đổ hết con dốc chiếc xe chao mạnh đi. Người cảnh sát cổ lết chiếc xe khập khểnh tới một đầu cầu. Dầu sao cũng có an ninh hơn ở đó.

Mặt trời chỉ để lại những viền nắng. Từng cụm mây đuổi chạy mất hút trên cao.

Cây súng dựng đồ nghiêng nơi thành cầu, chiếc mũ sắt lỏng chổng dưới mặt đất. Trên những bao cát, tro trọi người lính Mỹ da đen ngồi gục mặt buồn bã. Ngày Giáng sinh đầu tiên, anh cảm thấy nhớ nhà. Không biết lần thứ mấy trong ngày anh giờ thư cũ ra đọc. Mười hai giờ im tiếng súng, anh vẫn không thật sự được sống vài phút cho riêng anh. Có gì chứng tỏ là bọn du kích đã ngưng nghỉ.

Bầu trời vẫn sao xuyên. Sắc vàng đang yếu dần. Dưới giòng sông, nơi lùm cây đằng xa, vẫn những u ẩn đe dọa.

Chiều thấp quá rồi, anh ngửa mặt về trời nhìn lên bằng quơ. Một cánh chim lạc đen, một trực thăng

nhỏ bay qua, vẫn những đám mây đuổi chạy vô tích sự. Không có gì gọi cho anh kỷ niệm quen thuộc ngoài những nhớ nhung bằng quơ. Đã ba tháng qua kể từ ngày anh đặt chân vào giữa những thung lũng núi non đầy muỗi độc và kiến vàng này. Anh không còn biết đã bao lần dự các cuộc hành quân. Anh chỉ nhớ những phút đọng độ. Với khẩu AR 15 nằm kia anh đã nhả đạn run tay hạ ngã bao nhiêu chồng chất những thân xác cuồng nộ. Anh cũng đã mở mắt thâm đêm trong rừng già canh xác những người bạn mà anh là kẻ duy nhất sống sót. Đêm của những tiếng động rách tai. Đêm lửa đỏ của hỏa ngục Anh suýt chết trong trận mưa bom và rốc két trong rừng Pleime đêm đó. Tình thế tràn ngập và tuyệt vọng ; chỉ còn cách huy vô chiến thắng. Chiến thắng không đem lại cho những người chiến đấu, Chỉ cần âm vang toát ra từ đồng xác chết. Danh nghĩa được dán lên từng vụ ám sát lớn lao. Anh đang bảo vệ gì đây, nơi một đầu cầu đổ gục này. Bảo vệ biên cương tự do của thế giới. Thật vang dội. Anh cũng nghĩ tới nỗi kìm hãm nhục nhằn của những người dân đen đũi mà anh sẽ trở về sống với... Lúc này thì anh cố quên đi. cũng như anh đã quên đi nhiều thứ khác. Anh chẳng mấy quan tâm tới nguyên nhân khó hiểu nào ném anh tới đây, giữa rừng rú xa hàng mấy ngàn cây số này để tìm bắt những kẻ địch anh chưa biết mặt và chưa hề có những thù oán.

Từ ngày người Mỹ sang Việt Nam, Triết chưa từng thấy hình ảnh nào đẹp và buồn cho bằng dáng mặt người lính Mỹ da đen ngồi thui thủi ôm súng gác.

Trong lúc người bạn cảnh sát đang hi hục càn kích làm công việc thay rập, Triết bỗng dừng có ý muốn làm quen nói chuyện với người lính Mỹ. Anh cười nói vui vẻ nhưng câu chuyện dẫn sang một

hương khác mà Triết hoàn toàn không muốn. Anh khẳng khái giải thích lý do quân đội Mỹ tới đây — *Nước Mỹ mạnh nhất hiện giờ, nước chúng tôi giàu có rồi không mong chiếm cứ gì ở Việt Nam. Nước các anh nghèo, Hoa Kỳ sẽ nâng đỡ mọi cách. Người dân sẽ có ăn, trẻ con có sữa, các anh sẽ có thật nhiều bin đình, xa lộ và cầu cống khi chúng tôi rút đi. Người Mỹ chỉ muốn đánh Cộng Sản và bảo vệ an ninh cho các anh, thế thôi...* Triết hiểu rằng anh ta cũng như các lính Mỹ sang đây đều qua những khóa « tâm lý chiến ». Tại Lệ Mỹ một tháng trước chàng đã được nghe cũng một người lính « cô da » nói như vậy. Điều đó khiến chàng hết hứng thú. Chuông nhà thờ đổ hồi phóng ra từ chiếc transistor, anh lính Mỹ về môi hát, lòng bàn tay đỏ vẫn nắm cứng thân súng. « Hello... cha... ào », từ một vùng sông cạn nắng, trần truồng những thân thể trắng nhè nhai và đen trùi, đám lính Mỹ đang ồn ào rửa xe và giặt rũ. Họ la hét vẫy tay khi thấy xe lạ đi qua.

Người bạn cảnh sát cất tiếng gọi. Triết tới bắt tay già từ người lính Mỹ da đen — *Merry christmas* và có cảm tưởng như vừa nắm lấy một bàn tay lạnh cứng.

Đầy núi xám phía đằng xa. Con đường lại chìm đắm giữa rừng lá xanh ngút ngàn. Con mưa đổ xuống mờ mịt, an ninh khép lại từ sau lưng. Mảng gương mờ trước mặt, đồng hồ không dưới tám mươi, chiếc xe mất hút giữa vùng nước trắng. Triết bóp nát những điều thuốc đặc nhựa còn lại vòng tay xoa đi trên mặt kính. Những giọt nước trượt đi và thấm khô. Ánh pha sé rách tấm màn trắng. Tiếng bánh cao su siết rào rạt qua những vũng thấp đầy nước. Còn nữa đoạn đường trơn trượt, xe không thể tới An Khê trước buổi tối.

oOo

Xe tới nơi, trời chưa kịp tối, Một làng xã như bốn ngàn làng xã khắp Việt nam. Nhà cửa tản mạn hẻo lánh và heo hút.

Nhà báo Mỹ bảo đây là một quận lỵ yên ngủ hàng thế kỷ vừa thức giấc khi 20 ngàn binh lính Hoa Kỳ đặt chân tới.

Làm gì có thức giấc với 20 năm không ngủ. Dưới mỗi mái tranh không còn gì ngoài những đôi khô, tang tóc.

Các xe sao trắng giao nhau tấp nập. Bánh xe cày nát những con đường nâu đỏ. Từng vùng nước màu

rượu chát bắn tung toé dẫn vào những con lộ đá khắp khênh nhóp nháp. Những dãy nhà, những cột gỗ khẳng khiu với mái tôn mới cất. Các bảng hiệu còn tươi màu sơn hấp dẫn. Snack bar, Restaurant với đủ tên tiểu bang và các thành phố Mỹ quốc : *Texas, Ohio, Florida* và *Nữ uớc* cả thiên đàng *Paradise* bên thác *Niagara*; Những nhà giặt *Express Laundry Service* kể bên một trạm rửa xe *Flash washing car* bán luôn cả đồ kỷ niệm và bia lạnh số dzách *number one*. Các hiệu ăn, nhà may và cả những tiệm bán đồ gỗ. Tất cả đều xài tiếng Mỹ dễ dàng Có điều lạ là trong hiệu may bày toàn áo quần phụ nữ. Các chú GI sẽ tới đây tìm mua quà tặng cho các nàng kỹ nữ mới cười trong vài đêm. Cả những mái tranh lụp xụp cũng kéo biển tiếng Anh nhận những dịch vụ mới.

Dân quê đã dám đeo nhiều vàng theo người — một dấu hiệu vắng bóng của du kích quân Cộng sản.

Ruec vers l'or. Hai mươi ngàn lính Mỹ là một mỏ vàng. Chỉ tốn công đãi lọc, không sợ thất vọng tìm kiếm. Từng đoàn người nao nức kéo tới tay không. Đàn ông với miệng lưỡi, đàn bà chỉ cần sẵn vốn trời cho của mình. Sự phồn thịnh bốc lên nhanh chóng theo bước chân của người lính Mỹ.

Êm đềm đồng quê đã qua rồi. Cũng qua rồi sức sống thần thánh của người dân áo vải. Về giàu có và vùi từ một nơi khác đem tới cho làng xóm một vẻ gì ngờ ngẩn thảm hại. Thôn quê bỗng huyền ảo, lại được dẫn dắt đi bởi những bảng hiệu lưu thông tiếng Mỹ.

Đường ngõ bắt đầu tối thui. Các Bar im vắng. Buổi tối chín giờ lính Mỹ rút hết về đồn trại. Lúc này là phút sống chung của đám con gái.

Ba người bước vào một quán ăn đã chật cứng. Ánh điện từ trong quán hắt ra những mảng sáng lầy lội. Trên mặt bàn ăn thừa thãi cơm trắng, những thỏi pate, các chùm nho tươi và táo Mỹ. Khuôn mặt nào cũng hả hê mỗi một và tươi rói hạnh phúc.

Tiếng cười vỡ màu sắc hỗn loạn của đám gái phần son tứ xứ; mấy gã ma cô thông ngôn và nhan nhản những mụ giàu mang khuôn mặt của bà mẹ Việt nam mới. Những chiếc áo hở ngực hớ hênh, những mảnh quần mỏng hồng hào da thịt, những chiếc đầu chụm lại cười rúc và các câu chửi tục tĩu — *Rõn lăm ông Quận cạo đầu dỏ tụi này, lộn xộn ông bắt tao khỏi có bảo lãnh*. Giọng gã đàn ông gay

gắt, đám con gái ngoan ngoãn im lặng ngay khi hắn cất tiếng. Miệng nói đó, giọng đó phải thật quen. Triết mò mẫm cố nhớ. Lổ nhổ giữa những hình bóng thân thuộc, cả những nét mặt cố quen, đáng người lính Mỹ da đen buổi chiều; tiếng khóc đứa em gái ngày trước. Khuôn mặt gầy đàn ông biến dạng quen thuộc dính khớp với từng ngày tháng cũ.

Thì ra Triết đã từng biết hắn qua một lớp Anh ngữ cấp tốc buổi tối. Hắn có tầm thước của một người Việt trung bình. Mắt nhỏ, khuôn mặt béo núc, miệng cười toác với những chiếc răng đều trắng. Hắn khéo miệng và khôn ngoan. Hắn tự nhận là người Việt đầu tiên tốt nghiệp điện ảnh Hollywood. Phục sức hắn giữ theo lối Mỹ. Chiếc blouson da nâu với huy hiệu không quân là của một phi công Mỹ đã từng tham chiến tại Triều Tiên và cũng là bạn rất thân tặng hắn. Chiếc sọt nhỏ đeo ở cổ cũng lại mang một giai thoại khó quên. Nó là kỷ vật do một anh bạn da đỏ tặng.

— Khởi có tưởng tượng mọi da đỏ như ở ciné, tụi nó bây giờ rất văn minh, mặc toàn Smoking lái xe oldsmobile và giàu ghê gớm...

Và cũng dễ tỏ sự thật hắn chỉ kể lại những điều mắt thấy tai nghe :

— Hôm đó chính tôi gặp thằng cháu anh bạn da đỏ ở Niu-o, nó nhỏ nên khoái chơi đồ plastic. Nó xin chú mua bộ tàu xe lửa. Có biết sao không, hôm sau cậu bé được anh bạn kéo ra ga trao cho chiếc đầu tàu thiệt mới tinh hảo.

Hạ cười thích thú tiếp :

— Vậy đủ biết tụi nó ít nhưng mà giàu thế nào. Còn đặc điểm nữa là tụi mọi da đỏ nó rất thật, nó chúa ghét dối trá, có đi Mỹ thì nhớ kỹ chỗ đó.

Hắn cười. Mọi người cũng cười theo thú vị về một chuyện vui duyên dáng.

Nếp sống Mỹ quốc của hắn được tỏ rõ hơn trong những cử chỉ giữa đám con gái. Lúc đầu các cô còn ngượng ngịu nhưng rồi cũng quen đi và dễ dàng bỏ qua. Và lại mỗi người con gái đều có thể tìm nơi hắn nhiều hứa hẹn khám phá thích thú và họ đi tới.

— Nước chậm tiến cái gì cũng chậm tiến. Cả điện ảnh cũng thế nữa. Kể thì đáng buồn nhưng có làm sao ? Sớm muộn tôi tin rồi mọi sự sẽ khá hơn.

Hạ thường tỏ ý ta thán một cách vô tình như thế trước những đứa con gái. Rồi bằng một giọng điệu bày tỏ hẳn tiếp :

— Tin các báo loan không có sai đâu, tôi đang cố thực hiện cuốn phim đầu tay *Nắng nửa đêm* do

tôi đạo diễn kiêm giám đốc kỹ thuật và sản xuất. Kể ra mọi chuyện ổn cả rồi : tài chánh đã có tụi Mỹ hứa bỏ ra — miễn sao cuốn phim có được nội dung chống Cộng, các diễn viên đã kiếm đủ, duy còn một vấn đề gay go là sao kiếm cho ra nữ tài tử vai chính... Kiếm khắp rồi, tôi nghĩ chỉ cô mới có thể giúp hãng giải quyết khó khăn đó.

Người con gái sung sướng được tặng bốc không còn biết nói sao để từ chối. Trước tia mắt khô của loan rần, xem chừng con mồi sắp siêu đồ, hắn bồi tiếp :

— Con đường nghệ thuật còn dài, bước đầu bỡ ngỡ nhưng nếu chịu khó lại được tôi chú ý nâng đỡ thì tương lai vẫn nhiều hứa hẹn...

Tương lai đường mật. Đưa con gái với ít nhiều nhan sắc, hãnh diện lẫn mình vào con đường mệnh danh nghệ thuật, Tham vọng đưa nào cũng chứa chan.

Qua từng giai đoạn gần gũi vờ vập với nhà đạo diễn kiêm giám đốc và cũng nam tài tử chính đưa con gái được chỉ dẫn uốn nắn từng tí. Họ làm việc trong một căn phòng bừa bộn, máy quay phim chụp hình, ghi âm, các tấm phông đủ màu và cả những bóng điện nóng rộp da, cái bối cảnh hỗn độn đó đủ khiến đứa con gái tin tưởng. Trong một không khí thân mật và đầy khuyến khích như thế, nhà đạo diễn tập dần cho Starlette làm quen với những điều mới mẻ, như làm sao cho được tự nhiên trong cách hôn mắt hôn môi. Vào những lúc này đứa con gái luôn luôn được nhắc nhở tới các khó khăn phải vượt qua.

Rồi mỗi tối lớp học lại được chứng kiến những bước tiến chập chững của hãng. Vài tấm hình tài tử nghiêng ngửa của những bóng dáng quen thuộc hay hoạt cảnh đám đá kiểu Texas của hai nam diễn viên bên cạnh một chiếc jeep lật ngược bốc cháy và đứa con gái làm bộ la hoảng ôm mặt khóc.

Những chi tiết này theo Hạ rất phù hợp với một quan niệm nghệ thuật cải lương mới. Và hắn đã thổi một làn gió mới vào điện ảnh nước nhà bằng cuốn phim đầu tay có nội dung chống Cộng kiểu ái tình trinh thám với đủ cảnh đốt xe bắn súng và hôn môi thật sâu theo lối Mỹ.

Cuốn phim đang thực hiện dở dang thì đột nhiên tình hình Hung gia Lợi bộc phát khốc liệt và trở thành đề tài chính của các báo. Tin tức quốc nội cũng có nhiều dấu hiệu căng thẳng. Buổi tối đó Hạ tới trễ với dáng hốt hải phân bua :

— Sở dĩ tôi trở về vì tôi phải tiếp chuyện ông giám đốc Niu-o Time. Như tất cả biết tình hình Hung căng thẳng, các phóng viên Mỹ bị bắt bớ, cảm đoán nên rất khó sản tin. Bởi thế ông ta phải tìm tôi với ý định gửi tôi sang Budapest nay mai.

Trước vẻ ngạc nhiên của mọi người, Hạp chậm rãi tiếp :

— Ra đi vào lúc này là liều thân, tôi biết. Nhưng đó là bó buộc và cũng là vinh dự của nghề, biết sao hơn... Dù họ không chủ ý hại mình nhưng giữa nơi hòn đạn mũi tên lâm sao tránh.

Đưa con gái không nên được xúc động, hỏi dồn, Vãn nét mặt thản nhiên can đảm, Hạp cười tinh tú :

— Tôi mang thông hành có quốc tịch Tàu. Họ sẽ đưa tôi qua biên giới bằng phương tiện bí mật, với một máy ảnh nhỏ nhất — có thể trên gọng kính nơi nắp bút, chiếc hộp quẹt hay ngay trên một nút áo ! Ông ta tin cậy tôi hoàn toàn, chúng tôi quen thân nhau từ hồi còn ở Mỹ...

Rồi Hạp xuống giọng buồn rầu :

— Hôm nay là buổi gặp mặt cuối cùng. Dù có sống mà trở về chắc tôi không còn ở Việt nam. Tôi sẽ ở lại nhận chức phóng viên lưu động cho tờ báo... có thể là ở Pháp, Đức hay Phi Châu. Nhưng có lẽ tôi chọn Đức khu Bá Linh là nơi tôi thích...

Vãn từ phía đưa con gái : *I'm sorry*. Hạp niu lấy câu nói đó :

— Sao lại nói vậy. Với tiếng Mỹ câu đó có nghĩa một lời nguyên người đi không trở về. Nét mặt đưa con gái đầy vẻ ăn năn cầu khẩn. Riêng Hạp vẫn thản nhiên can đảm cho đến lúc buổi học tan đi. Sau đó

hắn phải có cuộc gặp gỡ giả biệt nào và đưa con gái bỏ nhà theo hắn.

Rồi chẳng một ai thấy hắn đi. Đưa con gái đã tự đưa mình vào cuộc phiêu lưu vô định và bị hắn bỏ rơi ngay sau đó.

Bây giờ Triết gặp lại hắn. Vẫn không có gì thay đổi : chiếc blouson sờn da bạc màu, quần Jean vá bó. Vẫn hình ảnh phù phiếm của đời sống như xưa. Triết ngạc nhiên khi khám phá ra chàng phóng viên Niu-o time nơi đây. Hắn đang chỉ huy nhiều tiểu đội kỹ nữ từ trong nam ra, hí hửng làm tiền những chú Mèo.

Đồng hồ chỉ chín giờ. Ngọn đèn phụt tắt rồi loé sáng trở lại. Màu vàng tái yếu ớt. Hơi điện chỉ có vài giờ cho buổi tối. Sau 10 giờ phố quận lại chìm vào bóng đêm. Có hai người lính Mỹ say rượu trốn trại mò mẫm rung cửa từng nhà kiểm gái và đều bị từ chối. Bây giờ là thời khắc của những canh bạc Phóng thả nghỉ ngơi. Không ai cần tiền, chỉ cần những căng thẳng cấu xé.

Mặt bàn và những chiếc ghế xô lệch. Dưới sàn ngồn ngằng những nút bia giấy kẹo, vỏ trái cây héo và mảnh ly vỡ. Dấu vết còn lại của một ngày vui đập phá.

Rượu Mỹ đồ thừa thãi. Triết và người cảnh sát bắt đầu ngã say. Người đàn bà trở ra với trên tay cây đèn dầu. Con dĩ già bỗng chốc có hết vẻ dễ thương ngây thơ. Triết úp mặt vào vai nó, cử chỉ đam mê, mùi áo thơm quen thuộc. Chàng mỗi một đón nhận từ người đàn bà những cử động yêu đương hăng hái.

NGÔ THẾ VINH

CÁO LỖI VỀ BÁN NGUYỆT SAN

Tòa Soạn Tình Thương chúng tôi mãi đến hôm nay vẫn chưa nhận được văn thư phúc đáp của bộ Thông Tin Chiêu hồi về việc chúng tôi xin ra bán nguyệt san. Trên nguyên tắc và trên thực tế, văn đề này chỉ cần một văn kiện bỏ túi thêm mà thôi, nhưng không hiểu tại sao Tình Thương lại gặp quá nhiều khó khăn như vậy.

Tòa soạn Tình Thương vẫn kiên nhẫn chờ đợi bộ Thông Tin trả lời về đơn xin từ năm 1965.

Nhân tiện đây, chúng tôi xin cáo lỗi cùng độc giả thân mến.

TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG

vết buồn của tuổi

- *khí tình yêu chưa đến
tôi ngồi ao ước em
buổi chiều buồn vơ vẩn
hoàng hôn rồi biển đêm*
- *trời ngậm sao mờ nhạt
tôi ngậm sầu không tên
gió luồng qua kẽ tóc
tôi buồn trong lòng đêm*
- *này môi hồng mà ngọt
này mắt của nai tơ
này tóc dài nửa mặt
này dáng bước bơ vơ*
- *ôi niềm đau xoải cánh
lành yêu dịu ưu tư
mùa chiến tranh hiu hắt
đầu màu xanh lá thư*

nguyễnhiênluong

ĐÓN ĐỌC :

Vết hằn

thơ Đỗ-Nghê

★ Sẽ phát hành vào Mùa Hè 1966



Lần về phố thị

*Giờ anh rời bỏ cao nguyên
Dấu xa còn đáng môi mềm tiên đưa
Chim buồn bã cánh vẫy khua
Mắt xanh màu mạ, gió đùa thủy tinh
Anh mong em vẫn yên lành
Bụi cao nguyên đỏ — dấu hình em xa
Lần về phố thị bơ-vơ
Gió hôn tóc nắng lệch bờ môi khô
Rối mai phiêu-bạt sông hồ
Anh nâng niu nỗi lọc lừa trong anh
Đường về vẫn dáng chênh vênh
Nếp chân mây để hồn mình lãng-du*

CHU-TÂN

(Sóng nước lưu đầy)

tình thương — Số 28

VIÊN ĐẠI-SỨ

★ Nguyên tác L'Ambassadeur
của Morris West

★ Phạm - Hồng phỏng dịch

LTS.— Cuốn L'ambassadeur của Morris West do nhà xuất bản Plon ấn hành đã không tới tay độc giả Việt-Nam được vì nội dung cuốn truyện đã trình bày một vài sự kiện khá khách quan nhưng cũng gây lắm khó khăn ưu tư cho những nhà tân lãnh đạo Miền Nam sau ngày lật đổ chế độ của cố Tổng thống Ngô đình Diệm (hay Tổng thống Phùng văn Cung, nhân vật trong truyện). Nhưng dù sao ngày nay với cao trào bảo vệ « Chủ quyền Quốc gia » đang dâng cao, đoạn phỏng dịch sau đây cuộc đối thoại giữa Tổng thống Cung và viên đại sứ Mỹ Maxwell Gordon Amberley (tên trong truyện của đại sứ Henri Cabot Lodge) tiếp sau đêm tấn công chùa Xá Lợi cũng đủ soi rõ ở con người cố Tổng thống Diệm một ý niệm về chủ quyền quốc gia bên cạnh những lỗi lầm đã đưa đến cuộc CM I-II-63.

Tiếp đây chúng tôi cũng xin giới thiệu vài nét về tác giả Morris West, Ông có quốc tịch Úc, từng nổi tiếng qua tác phẩm L'Avocat du Diable. Với cuốn « Viên Đại Sứ » này, ông được các giới phê bình văn học quốc tế đặc biệt chú ý và khen tặng. Độc giả Việt Nam chúng ta sẽ vô cùng thích thú khi được ôn lại một biên cô lịch sử của đất nước qua ngòi bút sắc bén của Morris West. Để đọc giả dễ dàng theo dõi, chúng tôi xin nói ngay đây là một cuốn tiểu thuyết tự truyện mà người kể lại chính là viên đại sứ Mỹ Maxwell Gordon Amberley.

...Tất cả mọi ngã đường đến dinh Tổng Thống đều bị canh gác nghiêm ngặt và dựng nhiều vật cản. Chúng tôi (đại sứ Mỹ Amberley và đoàn tùy tùng) phải mất đúng mười lăm phút mới vượt qua khỏi trạm kiểm soát thứ nhất.

Lạ thay, ở trong dinh vẫn cái không khí yên tĩnh bình thường.

Một nhân viên lễ nghi đã lễ phép nói với chúng tôi vì Tổng thống bận nên một giờ sau mới có thể tiếp chúng tôi được mặc dầu bây giờ đã đúng giờ theo trong chương trình được định trước.

Viên phụ tá Mel Adams trong khi ngồi chờ đợi, đã giảng dạy nói với tôi : ngay đến cả nước Mỹ cũng phải liên hệ bởi tình trạng khẩn cấp của Tổng thống Cung, rồi hẳn ta khỏi hải nói tiếp :

— Sự thăm viếng sớm của ông đại sứ cũng nói lên sự lịch thiệp đặc biệt đối với Tổng thống rồi.

Chốc chốc viên lễ nghi lại trấn an chúng tôi :

— Tổng thống đã hay các ông tới đây rồi, Thế nào Tổng thống cũng tiếp các ông sớm, yên trí.

Những ly nước trà xanh và hộp thuốc hút đặt trên bàn,

Riêng tôi trước khi vào đình đề trình ủy nhiệm thư, tôi cũng đã sửa soạn ý tứ khá kỹ càng. Nói là phải đợi một giờ, nhưng độ 8 phút 35 giây sau, chúng tôi đã được người ta đưa vào gặp Tổng thống. Đó là một người nhỏ vóc, cao vừa đến vai của tôi, tóc chấy gọn, mặc một bộ đồ lớn bằng vải tussor, cổ thắt chiếc cà vạt bằng lụa óng trên đó đính một cái kẹp kim cương. Tổng thống Cung da thịt thật láng bóng, cặp mắt sáng và tươi cười như vừa mới ở nhà tắm ra. Ông ta tiếp tôi thật trang trọng. Ông nói tiếng Pháp, một thứ tiếng Pháp phát âm rõ ràng. Người hầu cận lại bưng dĩa nước trà xanh, sao lại cứ trà xanh mãi như thế. Tổng thống lên tiếng hỏi thăm sức khỏe của tôi và sự mệt mỏi của cuộc hành trình. Ông không ngớt cười mỉm và cặp mắt quí quai của ông ta luôn luôn nhìn thẳng vào mặt tôi. Tổng thống có ý khen ngợi vị tiền nhiệm của tôi và nhờ tôi chuyển đến ông ta những lời cầu chúc tốt đẹp nhất. Tổng thống Cung ca tụng sự nghiệp của tôi ở Nhật bản và không quên chia buồn về cái chết của vợ tôi.

Tổng thống lại nói với tôi rằng với sự khảo cứu nhiều về học thuyết Zen của người Nhật, tôi sẽ dễ dàng nhận định về tình trạng khó khăn hiện thời ở Miền Nam VN. Ý của Tổng thống khi nói với tôi câu này là muốn khích tôi. Ông ta vồn vã nói tới tập nào là « tôi hy vọng ông đại sứ sẽ được miễn nguyên ở chức vụ đại sứ tại nước này » hay « nếu ông cần đến một việc gì, xin cứ bảo thẳng tôi hay các người cộng sự viên của tôi » Tổng thống cũng lấy làm tiếc giùm tôi về sự nhậm chức đại sứ của tôi giữa một thời kỳ không lấy gì làm thuận lợi cả và ông lặp lại rằng « Tôi hy vọng ông đại sứ sẽ cố sức nhận định đúng đắn tình trạng của xứ tôi ».

Tôi đã trả lời với Tổng thống rằng thật tình tôi không mấy tin tưởng ở tôi trước một tình trạng hỗn loạn như thế này, nhưng tôi nghĩ Tổng thống sẽ giúp tôi nhiều trong công việc này.

Cuộc trao đổi những câu nói xã giao thông thường đã chấm dứt. Chúng tôi bắt đầu đi vào phần chính của cuộc gặp gỡ hôm nay. Tổng thống Cung sửa lại đáng ngồi, chìm sâu trong ghế bành, hai tay để chéo nhau trước bụng, sắc óng ánh của chiếc áo sơmi bằng lụa thật dễ coi.

— Ông Đại sứ khi không ông lại đến nhận việc ở một xứ đang có chiến tranh, trái ngược hẳn với cảnh thanh bình của nước Nhật. Sự sinh tồn của dân tộc tôi đang được định đoạt. Chúng tôi bị đe dọa từ trong lẫn ngoài. Chúng tôi ước độ có 30.000 lính Việt cộng thiện chí đang phá hoại xứ sở chúng tôi. Bọn này được hỗ trợ bởi hơn 60.000 quân du kích và chuyên viên phá hoại. Những chuyên viên này được huấn luyện kỹ càng để có thể xâm nhập vào hàng ngũ quốc

gia hòng gây một tình trạng xáo trộn bất an. Một vài ngôi chùa Phật giáo ở đây đã trở thành trung tâm gián điệp và khuynh đảo chính quyền. Ở địa vị tôi ông đại sứ sẽ làm những gì ? Nhắm mắt để bọn người mặc áo cà sa này tái diễn cái trò Hồ chí Minh ư ? Để bọn đội lốt này tái khí giới, lương thực, in truyền đơn trong các chốn tu hành hay sao ? Tôi tin rằng ông Đại sứ không đến nỗi thật thà quá độ trước những việc này. Tôi biết rằng báo chí ngoại quốc đã chỉ đích danh tôi là kẻ ra lệnh đàn áp Phật giáo. Điều ấy hoàn toàn sai. Tôi đâu có ngu xuẩn đến độ không biết nước tôi đang có chiến tranh khốc liệt... mà lại đi khuyến khích các xung đột về tôn giáo. Tôi biết rõ một vài người dưới quyền tôi đã phạm lỗi. Những vụ đàn áp ở Huế là một trong những lỗi lầm ấy. Tôi nhận chịu sự thật. Tôi sẵn sàng sửa sai cũng như hoan hỉ chấp nhận mọi cuộc thương nghị thân hữu với Tổng hội Phật giáo, Tôi đã nói với các đại biểu Phật giáo hãy cho tôi biết những sự thiệt hại và các khoản bồi thường. Ông Đại sứ có nghĩ họ trả lời với tôi ra sao không ? Trước hết họ buộc tôi phải nhận chịu hết trách nhiệm của vụ lộn xộn ở Huế với hy vọng là như thế họ đã giảm uy tín của tôi, một việc mà tôi không bao giờ chấp nhận được tuy nhiên tôi vẫn luôn luôn sẵn sàng hợp tác với họ để giải quyết các vấn đề được đặt ra. Trong khi những cuộc họp bàn đang tiếp diễn thì một vài nhà Sư quá khích đã tổ chức các buổi tụ tập công khai, hô hào dân chúng lật đổ chính phủ của tôi. Không một quốc gia nào lại dung túng các cuộc xáo trộn như vậy cả. Ông đại sứ có chấp nhận việc đó xảy ra ở Little Rock, Birmingham hay ở Washington không. Chắc chắn một trăm phần trăm là không rồi thì bây giờ ông đại sứ mong đợi ở tôi những gì khi cho phép tình trạng hỗn loạn này tiếp diễn công khai trong một nước đang bị chiến tranh phá hoại như miền Nam. Tôi tin chắc tôi sẽ thất bại nếu tôi không ngăn chặn kịp thời mọi âm mưu khuynh đảo.

Tôi biết chắc thế nào Tổng thống Cung cũng đưa lập luận như trên để bênh vực những lỗi lầm mà mình đã phạm. Tôi vẫn giữ được vẻ bình thản và trình bày với Tổng thống bộ mặt thứ hai của vấn đề.

— Thưa Tổng thống, tôi đồng ý hầu như tất cả với những điều mà Tổng thống vừa mới trình bày chẳng hạn như việc một nước đang có chiến tranh không thể chấp nhận một cuộc xáo trộn công cộng nào khác. Song, đêm hôm qua tôi đã chứng kiến cuộc tấn công vào chùa Xá Lợi..

— Ông Đại sứ, tôi chỉ biết là có việc ấy nữa tiếng đồng hồ sau. Tôi cũng bó buộc nói cho ông đại sứ biết là ông đại sứ đã phạm một lầm lỗi về ngoại giao khi đi đến nơi ấy.

— Thưa Tổng thống, tôi không nghĩ như thế. Tôi đại diện ở đây chính phủ của nước tôi, một quốc gia đã sát cánh với quý quốc trong cuộc chiến tranh chống cộng hiện tại. Tôi có quyền tìm hiểu mọi vấn đề một cách cẩn thận. Đêm qua tôi đã từng thấy tận mắt những cảnh tượng đàn áp dã man có kế hoạch trước. Theo tôi, cái đó mới chính là sự vụng-về ngoại giao. Trong suốt 10 giờ sau đó, những cuộc đàn áp như vậy đã tuần tự xảy ra trên khắp nước. Thế giới sẽ phản ứng ra sao, Tổng thống cũng dự biết, khỏi cần phải nói ra đây.

— Tôi bất cần dư luận quốc tế. Chúng tôi sinh sống trên bán đảo Đông Nam Á. Chúng tôi là một dân tộc đã bị chia rẽ rồi. Bóng dáng nước Tàu đã đè nặng trên chúng tôi từ nhiều thế kỷ. Chính khối người vĩ đại này đã đổ bộ chúng tôi trong quá khứ nay muốn làm le tái diễm. Giang san của chúng tôi một mặt ngó ra biển, mặt khác Trung hoa, chẳng xa Miến điện là bao... ông đại sứ có thể nghĩ được rằng người ta lại khước giùm số phận đất nước chúng tôi tại Sidney, tại Balê hoặc tại Luân đôn?

Tôi chưa chát trả lời :

— Thưa Tổng thống, người Mỹ đang khóc cho chính số phận của Tổng thống. Người Mỹ đã làm việc lao lực để có thể trả các chi phí của Tổng thống, quân đội Mỹ cũng đã gác ngã ở đây cho Tổng thống thì tôi không hiểu tại sao Tổng thống lại có thể nguyên rủa họ khi nói như trên.

Tổng thống Cung vẫn điềm nhiên nói với tôi :

— Tôi xin lỗi ông Đại sứ, có lẽ tôi nói hơi quá lời. Chúng tôi biết ơn nước Mỹ, nhưng việc giúp đỡ dân tộc chúng tôi không có nghĩa là người Mỹ đương nhiên trở thành chủ nhân của đất nước này và tất nhiên không được quyền suy đoán chúng tôi theo những tiêu chuẩn riêng của người Mỹ hay mỹ hóa.

— Thưa Tổng thống, vì chúng ta là đồng minh nên dư luận quốc tế thường hay suy đoán chúng ta một cách song hành. Chính người dân của quý quốc cũng đã nguyên rủa Tổng thống vì những cuộc đàn áp Phật giáo đêm qua.

Tức thì Tổng thống Phùng văn Cung nổi giận, với tay lấy ngay trên bàn một tập hình và chia cho tôi xem, vừa nói :

— Ông đại sứ có sợ máu chảy không? Nó làm ông phải lợm giọng nôn mửa. Ông hãy nhìn kỹ những tấm hình này : đây cảnh một trái bom do Việt cộng liệng nổ ngay giữa chợ và đây là cảnh một người đàn bà đang mang

thai bị bọn chúng đâm lòi ruột vì tất cả đều chống lại chúng. Lẽ nào tôi lại không cảm thấy cứng rắn trước các âm mưu cùng một loại như trên hiện đang ẩn náu trong các chùa chiền Phật giáo, Dharma hay Shanga ông đại sứ nhỉ. Hơn nữa chúng tôi ở trên tại lục địa Á châu, chứ không phải tại Genève hay Manhattan. Quan niệm của người Á đông chúng tôi là người cầm quyền phải mạnh, có được quân đội và nhất là phải sẵn sàng lấy máu trả nợ máu trước các âm mưu kiêu ỷ của phe Phật giáo. Nhưng tôi lại là người theo công giáo, thành thử thi hành việc đó không làm tôi vui lòng bằng ông đại sứ, nhưng có điều tôi là hiểu rõ những khó khăn của dân tộc tôi đang phải trải qua hơn ông đại sứ.

Những chiếc ảnh hồi nãy đã làm tôi buồn giọng. Tôi gấp lại và đưa trả. Tôi không nghĩ rằng Tổng thống Cung qua các lập luận trên mà có thể tưởng rằng tôi đã thay đổi lập trường. Bồn phẫn của tôi bây giờ là làm sao giúp Tổng thống Cung đừng dấn thân vào con đường nguy hiểm :

— Thưa Tổng thống, chính vì Tổng thống là người có đạo thiên chúa mà các cuộc bắt bớ đêm qua ở chùa Xá lợi không nên xảy ra. Tổng thống có biết rằng bọn Việt cộng sẽ lợi dụng sự kiện ấy để tuyên truyền tranh thủ dân không? Thật lạ đời khi nhóm công giáo thì thiếu số mà lại đi hiệp đáp khối Phật giáo đa số, Tổng thống có nghĩ đến cái ngày mà mỗi Phật tử Á châu sẽ tuyên bố thánh chiến với chế độ của Tổng thống không? Tôi có thể nói chắc với Tổng thống chuyện ấy sẽ xảy đến. Dư luận báo chí quốc tế đã kết án Tổng thống như một kẻ cuồng tín trong vấn đề Tôn giáo ở Miền Nam V.N.

— Ông đại sứ cũng thừa biết tại nhà báo nói láo ăn tiền. Khi chúng nói là sự thật thì ngoảnh mặt làm ngơ các hậu quả của sự thật đó.

— Nhưng thưa Tổng thống các nhà báo sẽ không thể nào nói dối được về cảnh tượng bắt bớ đêm qua. Tôi không muốn nhắc đi nhắc lại mãi việc ấy nữa. Chiều nay tôi không thể dấu diếm sự thật của cái đêm hãi hùng đó trước mặt báo chí được, và chính sự thật mà tôi nói ra sẽ kết án Tổng thống và chế độ của Tổng thống, hay đi xa hơn nữa cả nước Mỹ sẽ khinh bỉ Tổng thống. Lúc ấy người Mỹ sẽ tự hỏi tại sao họ lại tiếp tục gửi vũ khí và những đứa con cưng của họ sang chiến đấu ở VN để bảo vệ một chế độ như chế độ của Tổng thống hiện giờ.

Về phần tôi, tôi sẽ trả lời sao đây với đồng bào tôi, với bộ ngoại giao và với Tổng thống nước tôi?

— Hãy nói với họ phần còn lại của sự thật. Hãy cho họ thấy những bức ảnh mà tôi vừa cho ông đại sứ xem lúc nãy. Cũng nên cho họ biết là hơn phân nửa những người làm loạn hiện đang ẩn náu trong

các chùa thủ đô, tin này do các cơ quan tình báo người Mỹ cho tôi hay. Ông đại sứ cũng nên dùng trực thăng đi quan sát cảnh sống an ninh hạnh phúc của người dân trong các ấp chiến lược từ cao nguyên đến đồng bằng Cửu long thì mới thấy rõ cái thành thị như Saigon là đồ bỏ đi. Dân Saigon đã bị đầu độc bởi người Pháp trước kia và nay bởi báo chí nước Mỹ. Hay nói rõ hơn dù Saigon, Huế hay Đà Lạt có lọt vào tay địch, chúng tôi vẫn chiến đấu đến cùng với những ấp chiến lược kiên cố. Tôi tin rằng ông Đại sứ cùng đồng một ý nghĩ với tôi. Tôi nắm vững tình hình trong xứ, tôi rất tự tin ở tôi. Dân tộc chúng tôi vẫn tiếp tục sống bất cần dư luận báo chí. Tôi đã gầy dựng đất nước này từ sau trận Điện Biên phủ, vì thế tôi sẽ tiếp tục công việc dù có hay không có sự viện trợ của người Mỹ.

Thú thật tôi cũng khá kinh hoàng trước những câu nói mạnh dạn của Tổng thống Cung, y hệt như một người ngồi trên lửa bỏng mà vẫn thấy mình sáng suốt, đập tắt bếp.

— Thưa tổng thống, tôi không muốn nghe những lập luận như thế nữa. Bồn phẫn của tôi là chuyển đến Tổng thống thông điệp của chính phủ tôi. Tôi xin tóm tắt như sau : nếu Tổng thống không chấm dứt ngay tình trạng gây chia rẽ giữa Công giáo và Phật giáo, giữa các tướng lãnh chỉ huy Việt Nam và giữa những viên chức trong chánh quyền, thì Tổng thống sẽ phải chiến đấu lẻ loi, không tiền viện trợ, không vũ khí và không cố vấn người Mỹ.

Tổng thống Cung vẫn điềm nhiên lạ lùng trước câu nói này của tôi, và hay hơn nữa ông ta nở một nụ mỉm khá lão luyện :

— Ông đại sứ đã thật tinh tỉnh đến chuyện rời xa nơi này rồi sao ? Nếu người Mỹ rút khỏi Miền Nam, thì Cao Miên, Lào và Thái Lan sẽ bị nhuộm đỏ. Xứ sở này là điểm tựa cuối cùng của người Mỹ tại Á châu. Rút khỏi nước này vì chỉ tại chính quyền ở đây không làm hài lòng người Mỹ một chuyện không thể làm được hay sao ? Có phải thật sự người Mỹ muốn có 1 sự đoàn kết, muốn chấm dứt sự chia rẽ ? Ông đại sứ đã quá lăm cằm khi một đảng nghĩ như vậy, đảng khác lại muốn tìm cách phá hủy nó đi. Là chỗ đồng minh, tôi mới dám nhắc với ông đại sứ rằng về khía cạnh lập quốc, nước tôi có 10 thế kỷ lâu đời hơn nước Mỹ, vì thế hơn ai hết dân tộc tôi hiểu rõ thế nào là một đại đoàn kết ? Tất cả mọi cơ cấu tổ chức xã hội của loài người rồi dần dà sẽ đi đến chỗ phân hóa chia rẽ. Cũng như nước Ý trước Garibaldi dân tộc VN chúng tôi chỉ có một khái niệm mơ hồ về thực trạng quốc gia. Chúng tôi gồm 15 triệu người trong đó kể cả người Thái, Mường, Mèo, Trung hoa. Cao miên và Chăm, thời thử hỏi ông đại sứ chờ đợi ở tôi một sự mẫu nhiệm nào ? Có lẽ nào người Mỹ lại thôi giúp đỡ chúng tôi vì phép mẫu nhiệm đó không được thực hiện như ý của người Mỹ ?

— Thưa Tổng thống, tôi được lệnh nói thẳng với Tổng thống rằng chính phủ Mỹ đã quyết định như vậy rồi.

Tổng thống Cung vươn vai, và cười có vẻ cay đắng :

— Ô hay ! Ít ra còn một việc cần phải nói... là nhờ ông đại sứ thông báo với chính Phủ Mỹ rằng tôi sẽ đặc biệt nghiên cứu bức thông điệp mà ông đại sứ vừa trao cho tôi, nhưng tôi sẽ lên tiếng chống đối đến cùng mọi ý nghĩ cho rằng đây là một tối hậu thư. Ông đại sứ cũng cần nói thêm với chính phủ Mỹ rằng cơ quan « Tình báo Trung ương Hoa Kỳ CIA » hiện đang cấu kết với các nhóm người toan tính lật đổ chính phủ hợp hiến này để thay thế bằng hội đồng tướng lãnh. Ông đại sứ có thể trả lời chính thức với tôi rằng ông hay cơ quan tình báo Mỹ là đại diện chính phủ Mỹ ở Việt Nam.

Câu hỏi ấy của Tổng thống Cung thật ngoạn mục và làm tôi ngạc nhiên :

— Tôi có thể trả lời với Tổng thống rằng chính tôi, đại sứ, là người đại diện chính thức của chính phủ Mỹ tại đây.

— Tôi rất khoái khi nghe ông đại sứ nói như vậy, Không biết ông đại sứ có thích đọc bản báo cáo về những hoạt động của cơ quan CIA gần đây không ?

— Thưa Tổng thống, tôi rất muốn đọc. Tôi xin hứa với Tổng thống rằng tôi sẽ chuyển về ngay lập tức bản sao cho chính phủ Washington,

— Hay lắm, tôi cũng rất khoái đọc những lời bình luận của CIA và tòa đại sứ về tình hình hiện nay. Còn một chuyện nữa là tôi nghe nói có ba vị sư của chùa Xá lợi hiện đang ẩn náu trong tòa đại sứ phải không ? Tôi muốn biết ông đại sứ sẽ có thái độ nào về vụ này.

— Chúng tôi có ý định che chở họ tới khi nào chúng tôi nhận được sự bảo đảm chính thức về sự an toàn sinh mạng của họ rời khỏi chúng tôi.

— Tôi sẽ đề tâm suy nghĩ, ông đại sứ ạ ! Tôi tin rằng việc ấy sẽ gây rắc rối cho tòa đại sứ. Câu hỏi chót của tôi là có phải chiều nay ông đại sứ mở cuộc họp báo không và ông có cho báo chí biết nội dung của tối hậu thư không ?

— Bây giờ thì không thưa Tổng thống — Lúc nào chúng tôi cũng muốn mọi người không hay biết điều đó. Tôi sẽ sẵn sàng giúp đỡ Tổng thống nếu Tổng thống cần đến tôi,

— Tôi xin cảm ơn ông đại sứ. Tôi rất hân hạnh được quen biết ông đại sứ và hy vọng rằng cuộc gặp gỡ ngày hôm nay sẽ đánh dấu một giai đoạn cảm thông trọn vẹn giữa hai quốc gia Tổng thống vừa nói vừa đứng dậy chia tay bắt tay tôi.

Để đáp lại tôi nói :

— Thưa Tổng thống, tôi cũng mong ước như thế..

PHẠM HỒNG

Mưa lá me vàng

★ PHƯƠNG TRANG

TÔI cúi nhìn xuống đất, nước mắt tràn nhanh lên khóe. Tôi xin chịu thua định mệnh. Tôi đau hàng số kiếp rồi. Xin hãy trả lại tôi tâm hồn bình lặng tuổi 13, xin trao lại cho tôi mùa thơ ngây ngập tràn kỷ niệm êm đềm, thời gian ời l...

Tôi vẫn tiếp tục bước trong vùng trời êm ả của kỷ niệm ngày xưa. Tôi đã yêu từng nụ hoa đại bên đường. Tôi đã yêu hai hàng me chụm đầu vào nhau thì thầm và tôi yêu nhất những cơn lá me rơi nhanh vào lòng đại lộ. Tôi đã có lần đặt tên những cơn lá rơi đó là những trận mưa-lá-me-vàng-vào-lòng-đại-lộ Trần-quý-Cáp và người yêu của tôi thích những trận mưa này không vì chàng có tâm hồn thi sĩ mà chỉ vì chàng yêu nhìn vẻ hồn nhiên trong gương mặt tôi mỗi khi tôi tắm trong những trận mưa lá me vàng kỷ niệm đó.

Trường y khoa hiện ra đây rồi, vẫn đẹp như bao giờ. Ngày xưa người yêu của tôi yêu nét đặc biệt hoang dại nhưng thơ mộng của ngôi trường này, ngày nay, tôi yêu ngôi trường y khoa chỉ với lý do duy nhất : trường của người tôi yêu. Tôi bước nhanh qua cổng trường. Dù biết rằng không ai ở đó vào buổi chiều cuối năm nhưng lòng tôi bỗng hồi hộp lạ thường. Tôi nhớ dáng chàng đứng đợi tôi sau buổi học. Tôi nhắm mắt lại, tôi không dám tìm lại hình ảnh của chàng như bao người sinh viên y khoa khác — áo quần không chải chuốt lắm và không vẽ chương hoa mỹ trong lời nói, nhưng lạ thay, tôi đã yêu sự giản dị đến độ cầu thả đó vô cùng ! Còn nữa, làm sao tôi quên được dáng âm thầm của chiếc áo blouse trắng di động trong hành lang bệnh viện dưới sao khuya. Tất cả đều thay đổi hết những hình ảnh ngày xưa đã biến theo thời gian và chỉ còn lại nơi đây ngôi trường bất động và những trận lá me vàng đổ hời làm nhân chứng.

Đêm nay là đêm trừ tịch, tôi biết như vậy và tôi còn nhớ là tôi đã hẹn với chàng sẽ bỏ cả luân lý, đạo

đức lại Saigon để đến với chàng trong căn nhà gỗ thơ mộng bên giòng suối reo muôn thuở và có nhạc thông bốn mùa. Tôi đã hứa sẽ đặt tay tôi trong tay chàng sau phiên trực cuối năm để dạo những ngọn đồi hoang. Tôi còn mơ sẽ đặt một ngón tay lên môi chàng dặn dò. Dặn rằng sẽ yêu tôi mãi mãi, dặn rằng chàng sẽ săn sóc thương binh chu đáo và dịu dàng. Tôi định sẽ dặn dò chàng đủ lời như tất cả người con gái khác dặn dò người yêu. Nhưng đêm nay tôi ở lại Saigon, đêm trừ tịch trên đất cao nguyên miền biên giới chỉ là giấc mơ dài và đẹp. Chàng bỏ tôi ra đi rồi. Tôi mất đêm dài trừ tịch thơ mộng, En mắt cả mùa xuân cuộc đời rồi, anh ời...

Đến nhà, tôi cảm thấy căn phòng chiều nay rộng quá. Niềm cô đơn và chán chường dâng lên cùng cực. Buổi chiều cuối đông thường mang hơi lạnh gọi cô đơn và sự im lặng đợi chờ năm mới cho tôi nỗi buồn chán to rộng. Cổ tôi nghẹn lại, nước mắt đầu tuôn mãi không thôi. Tiếng hát người nữ ca sĩ nghe thật nao nùng. Bạn tôi hát đó. Tuy bài hát không hay nhưng nó đã hát tặng tôi sau tin chàng ra đi, và nói với tôi :

— Phương à, moa hát bản này chỉ riêng cho toa. Tôi nhìn khắp phòng tìm những gì nhắc nhở đến chàng. Đây rồi con búp bê đang giương đôi mắt vô tội nhìn tôi. Tôi ôm búp bê vào lòng nức nở như đêm trừ tịch năm nào tôi đã khóc vì sung sướng trong vòng tay của chàng khi nhận búp bê. Chàng đã lau mắt cho tôi và cúi nhìn tôi thật dài. Ánh mắt hiền và xa xôi vô cùng. Tôi nhớ đã hỏi chàng :

— « Năm mươi ngày anh đi học Quân Sự ở Đà Lạt. Anh nhớ em mấy lần ... »

Chàng im lặng, chàng thường im lặng như vậy, Tôi tiếp :

— « Trong khi năm mươi ngày ở Saigon em nhớ anh triền miên anh biết không ? »

Chàng xoa trán tôi thì thầm :

— « Cám ơn cô bé... »

Tôi không hiểu được nghĩa sâu xa của sự im lặng đó và tôi rơi vào tình trạng nghi ngờ :

— « Anh vẫn hay đi dạo với mấy cô lắm phải không ? Bạn em bảo những người học y khoa có nhiều « cô bạn » lắm.

Chàng cười thật nhẹ :

— « Em còn trẻ quá..., đời còn dài... »

Tôi không hiểu nụ cười của chàng, tôi không hiểu sự im lặng thâm trầm của người tôi yêu và cả câu trả lời mơ hồ đó. Tôi cho rằng tất cả cử chỉ ấy chỉ để thử nhận. Tôi nhớ mình đã trách chàng thật dài, giọng đầy hờn giận. Chàng im lặng lau mắt cho tôi và bảo :

— Sao em không cười, anh chỉ muốn nhìn em cười thôi, cô bé...

Suốt cả đêm dài trừ tịch chàng không nói gì hết. Chúng tôi ngồi bên nhau trong im lặng hoàn toàn. Tôi muốn chàng nói đến tương lai, nói đến hạnh phúc của tôi và của chàng sau này. Tôi không dám phá tan sự im lặng đó. Tôi cảm thấy sợ hãi đáng chàng ngồi bất động và tôi nói thật khẽ bên vai chàng :

— Anh, độ này anh xanh quá, mắt anh trũng sâu. Anh... anh nói đi, đừng im lặng nữa, em sợ lắm...

Chàng quay nhìn tôi thật dài và siết mạnh tay tôi :

— Không, em không gì phải sợ hết. Chúng ta phải thắng, chiến tranh này nhất định chúng ta thắng...

Tôi nhìn chàng ngờ ngác, chàng đang nghĩ đến chiến tranh ư ? Có phải chàng đang nghĩ đến chiến thắng, đến hận thù không ?..

Chàng vỗ nhẹ một bên má tôi :

— Em không hiểu gì hết phải không ? Anh biết, Cô bé của anh còn trẻ quá, đời còn dài... »

Cho đến bây giờ tôi mới hiểu nụ cười thật hiền của chàng trước những câu trách hờn vô lý của tôi. Tôi đã hiểu ánh mắt xa xôi của người yêu trong câu nói mơ hồ. Tôi nhớ đã đọc bài chàng viết để tưởng niệm một người bạn và một thời gian không lâu kể tiếp, một người khác đã làm như vậy đối với chàng. Hiểu ra thì lại quá muộn. Tôi hiểu rõ câu nói bỏ lửng đó đến nỗi tôi có thể tiếp lời chàng :

— Cô bé của anh còn trẻ quá, đời còn dài... »

Trong khi đời của anh ngắn, ngắn đến nỗi không sống với em được một ngày.

Tôi nhìn qua cửa sổ, bầu trời đêm trừ tịch đen sẫm và những vì sao lấp lánh sáng như đôi mắt của chàng. Ôi đôi mắt quen thuộc vẫn mang nét nhìn xa xôi, buồn thẳm. Chiếc áo blouse trắng của chàng từ đơn vị gửi về vẫn còn trên treo tường. Nhìn chiếc áo tôi có cảm tưởng như chàng đang đứng bên tôi. Tôi chấp tay ngược nhìn sao thì thầm lời ước cho năm tới,

— Đừng bao giờ bắt Phương phải quên anh ấy nghe ? Sao vì Phương vẫn yêu anh ấy vô vàn, Sao có biết không Sao ơi...

Chiếc áo blouse trắng được phủ lên mình. Tôi đi vào giấc mơ, giấc mơ của đêm dài trừ tịch miền biên giới, có tiếng suối reo, có nhạc thông đỏ hồi và có cả làn người yêu hôn mừng năm mới trong trận mưa lá me vàng đổ loạn cuồng vào lòng đại lộ Trần quý Cáp.

PHƯƠNG TRANG

Đêm

*bây giờ nhìn trước ngó sau
thấy trong cuộc chiến lao đao phận mình
nỗi ưu phiền cũng lớn lên
tôi xuôi tay ngó trộm miền lửa bình
tôi còn mỗi mắt trong đêm
soi thân ngắm dạng thấy thêm tương lai
thôi em còn chút đêm này
cho anh ngồi nhớ lại ngày thanh xuân*

★

*bây giờ hồn đã lớn khôn
nên thân thể cũng u buồn hơn xưa*

trần huyền thoại

nuôi sẹo

TRIỀU-SƠN



(Tiếp Theo)

Gã đưa mắt nhìn về phía chành-chếch trước mặt, thấy toàn chân là chân, chân chổng, chân ghế, chân người: có cái chân thì đi dép cao su xe tay, có chân đi đất, cổ chân đầy mụn, có chân lấm đất những vết tròn gợn ghề,

những vết dài, những vết tóe toe, tất cả lổm đổm khắp chân như sao trên trời một đêm hè đẹp. Bây giờ nhìn con chó cộc, nhìn những bàn chân kia, Nuôi Sẹo thấy những con vật nhỏ con thì nằm im, con thì cử động. Có một lúc gã thấy một bàn chân nhẩy lên trên một bàn chân khác ở cạnh, tụt xuống mặt đất một lát. Cái bàn chân vẫn nằm im, thì cái bàn chân trước được thề lại trèo lên trên nó một lần nữa. Và lần này nó không chịu tụt xuống rung động mà ôm ấp mãi lấy cái chân nọ. Thật là như hai con vật âu yếm đùa rồn bù khù với nhau. Nuôi Sẹo thấy nặng đầu, hoa mắt, nhắm mắt rồi lại mở. Cái chân chổng, chân ghế, chân giường bây giờ cũng rung-rung như có thể chuyển đi được. Có lẽ cũng có thể cử động được. Cũng như những con vật sống là là ở gần mặt đất kia. Gã nhìn cái chân giường gầy bị chấp nới, tưởng như miếng tre kẹp khắng khít vào nó bây giờ đang muốn roài ra mặc dầu những cái lạt tre buộc ghi cái chân giường và miếng tre vẫn y nguyên. Gã thấy miếng tre như rung chuyển oằn oại như cổ rươn mình để rời khỏi cái chân giường. Rồi đến cả cái chân giường cũng như oằn oại uốn khúc cố giữ mảnh tre lại. Trong khi ấy con chó cộc nằm bên cạnh ve vầy cái tai như mong đợi nghe ngóng miếng tre kia sẽ rời khỏi cái chân giường. Tự nhiên gã thấy tối xầm tưởng chừng như có thể từ các găm giường, găm chổng nước mưa sẽ rơi như chút xuống mặt đất mà những cái chân chổng chân ghế chân giường kia cả những bàn chân kia sẽ phải

NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO • NUÔI SẸO

chạy trốn hết. Những cái miếng tre vẫn như oằn oại đau khổ trong những vòng lạt buộc chắc. Lại có tiếng ồn ào như tiếng kêu cứu, khóc lóc dằng xa vắng lại. Tối xầm, tối xầm. Có thể mưa bão ngay ở khoảng này được. Nuôi Sẻo định ngồi dậy đi tìm ngay lấy miếng tre kia mà lòi tuột nó ra. Nhưng không được, gãi đau khắp cả người. Gãi thấy mình bất lực quá. Cầu cứu ai được bây giờ? Sắp mưa to gió lớn rồi. Nuôi Sẻo rùng mình. Gãi thấy mình bây giờ không thể ngóc xa lên mặt đất được, bị dầy suốt một kiếp này cứ ở là là mặt đất thế thôi. Gãi cúi đầu để lên cánh tay, nắm rần xương cốt. Gãi đã thành súc vật rồi, súc vật tro tro giữa đám súc vật, cũng âu yếm, giận hờn tức giận, dưới một nền trời quanh năm mờ ảo, xám xám, tối tăm. Gãi nghĩ rằng cau mày cố lấy hết sức mà ngồi dậy. Nhưng vô ích người gãi cứ xam xạp nằm đấy. Hai cái chân kia từ lúc nảy đến giờ vẫn ủ lên nhau rung động. Bây giờ thì hết hy vọng rồi. Làm sao mà đi bằng hai chân được. Gãi nhìn con chó cộc thấy mặt nó hiền từ lắm. Thảo nào mà con chó nó lại hiền từ thế. Gãi nghĩ thấy mùi chua chua, nhìn sang bên cạnh thấy đầy dột hai ba bãi nước dãi vàng lẫn thịt nhai dở: đúng là một đám thức ăn mà ai vừa mới nôn ra đấy rồi, thức ăn này phải lẫn rượu vì nó chua nồng lắm. Con chó cộc sao không ăn luôn đi? Có lẽ mình rồi cũng phải ăn đến cái thứ này mất. Nhưng gãi chưa thấy mình đói, chỉ thấy quần quặn ở phía bụng dưới. Vẫn tối xầm chưa có nước nhỏ giọt xuống. Gãi thấy đầu nặng hơn một chút. Bây giờ thì không còn hy vọng nữa rồi. Không biết làm thế nào mà con người lại có thể đi bằng hai chân được. Nhưng bây giờ không thể có cách nào nữa. Gãi nhìn con chó, mặt nó hiền từ nhìn gãi, gãi lại thấy thân thân, nhớ đến con mèo xiêm ở bếp nhà cụ, Tuấn. Bây giờ, gãi mới thật là đề sát xuống đất thấy đầu nhẹ đi đôi chút, nhưng mỗi cở, gãi lại nhấc đầu, đề lên cánh tay. Gãi nghĩ đến

những chuyện cổ tích mà người ta kể cho gãi từ ngày nào: có những người, ngày trước thật là người sau đi vào rừng mọc lông, ra thành người rừng, mọc nanh, mọc vuốt ra thành ông Ba Mươi, Nhưng thành vật rồi, người vật này vẫn còn thương con, nhớ vợ nên thỉnh thoảng về thăm vợ con. Người ta có thể kiếp này là người, kiếp sau là chim là chó cũng không biết chừng. Gãi lấy tay nọ sờ tay kia thấy tay mình chưa mọc lông và cũng chưa có vuốt. Nhưng không có thể thành chim được vì chim phải bay được cao, còn gãi cũng còn có thể bay được. Gãi cứ giữ lấy tay, nhất định xem cái lúc tay mình nó mọc lông vuốt ra. Thành con Hồ còn hơn là con chó ăn cứt. Bây giờ thì hết hy vọng đi bằng hai chân rồi, làm sao mà còn có thể sống với Ba Đền, vợ chồng thằng Cầm, Tư Bường, làm sao mà còn cầm cái gậy đi đòi nợ được. Là người, làm đến cái thẳng mỗ cũng sướng, người ta chủ người ta đánh cũng còn sướng hơn. Cu Tý bây giờ ở đâu sống hay chết, có lẽ nó già lụ khụ râu bạc, giắt cháu nội, cháu ngoại đi chơi cũng chưa biết chừng, Gãi ngẩn ngơ, thiu thiu... Chợt có một tiếng thét, không biết của gãi hay của ai. Gãi kêu ối một tiếng lớn, cựa mình, bò ngang trên mặt đất, nhìn cái đám chân chống chân ghế, chân giường trong khoảng tối om thấy mà hốt hoảng, bà Cả Luận đã cúi xuống hai tay tìm lấy sau lưng áo gãi mà lòi gãi đứng dậy «đéo mẹ thằng này còn ăn vạ mãi đấy à»? Bà đã đẩy gãi ra ngoài đường, gãi đi mấy bước lại ngã chúi xuống gần gốc cây soan tây bên đường. Gãi bò dậy lên gốc cây. Lạ quá, sướng quá, Gãi vừa đi được mấy bước, Gãi nhìn cảnh vật mơ tươi sáng, sung sướng lạ như mới được nhìn lần đầu. Năng chiều chênh chênh những tà nắng còn rải vào đầu bụi gành trước cửa hàng trên những lá non. Dưới chân bụi gành vẫn như thường ngày, vài con gà bới giữa đám lá khô lẫn đất dính xuống mặt đất. Gần đó, Nuôi Sẻo vẫn thấy một nỗi

nước để khách qua đường giải khát. Gã nhìn vào trong hàng thấy toàn những người quen : bà cả Luận, anh Bùng, Tư Gù, anh Phấn kéo xe, và một người hàng đồng mà gã vẫn gặp thấy ở ga. Gã chợt nhớ ra rằng có lần gã đã uống rượu ở hàng này với Tư Bường mới đây trong ngày hôm nay. Mà lại như xa, xa lắm ? Bây giờ không biết Tư Bường ở đâu ? Gã thấy người nổi hăng. Gã thở mạnh, Gã nhìn hai chân, lại nhớ đến những chân mà gã nhìn lúc gã còn nằm trong nhà hàng. Bây giờ nhìn vào nhà hàng lại tin là những chân ấy không thể có ở chỗ này được, mà chúng như gã đã nhìn thấy trong giấc mơ. Không, gã không thành súc vật được. Gã vừa mới đi được mà. Gã chống hai tay vào đầu gối đứng dậy, thấy chân còn hơi run run, nhưng gã không ngã. Tư Bường bây giờ ở đâu ? Gã đã bước, cứ thế mà bước lên sân ga. Sung sướng quá, mình vẫn là người. Gã bước lên trên nhà ga, thấy ga vắng người mà cửa ga lại không đóng như mọi ngày. Gã thấy quần ướt, biết là mình đã dái ra quần từ bao giờ. Nhưng bây giờ gã lại thấy buồn dái. Gã đi qua ga ra đứng giữa đường sắt mà dái ướt khắp cả một thành tà vẹt, Dái xong, gã thấy khoan khoái, nhẹ nhàng, thoải mái. Ở mình vẫn là người. Gã lững thững đi về phía phố giữa. Gã sờ lên cái sẹo, tưởng như mấy chục năm rồi gã chưa sờ đến nó. Gã thấy nó vẫn còn nằm yên, yên đấy, nằm sóng soài vắt ngang bên má tay phải, vẫn nhẵn nhụi và vẫn giữ cái hình thoi như đã từ bao giờ. Sung sướng quá, gã vẫn là Nuôi Sẻo, vẫn còn làm mỗ làng. Ngổ như thường. Bây giờ lại thấy mình là Nuôi Sẻo từ thuở khai thiên lập địa đến giờ và sau này nữa, mãi mãi dù khi gã có chết đi nữa, chết bao nhiêu lần đi nữa, gã vẫn là Nuôi Sẻo. Gã đi trong nắng xiên khoai âm ỉm, nhìn đám bụi ở phố bay lên, nhìn những bờ tre xanh, nhìn cái đường sắt chạy tít mù xa tắp chẳng biết đi tới đâu mới thôi, nhìn người, nhìn trời

... Gã tưởng đến mình đang đi lững thững trong đám ấy, đi thẳng người và bằng hai chân nhìn lên đầu thấy trời xanh ánh nắng chiếu vào khắp người và trẻ con treu chọc « sẻo, sẻo, sẻo, sẻo, » Gã tưởng đến lúc tối về nằm ngủ sát đất lấy hơi đất lên người. Gã nghĩ : thì ra chẳng có đổi thay gì hết. Cảnh này sẽ vô lý lắm nếu không có thằng Nuôi-Sẻo lững thững đưa hai chân dầm thường trong đó. Không thể không có Nuôi-Sẻo ở trong cảnh sống này được. Nếu thế thì đời vô-lý quá, trời đất cũng láo quá, thiếu-thốn quá. Nhưng bây giờ thì vẫn có Nuôi-Sẻo ở đây để cho đất vẫn là đất, nắng vẫn là nắng, xe lửa vẫn chạy như thường, kẻ ốm đau chết như chết dịch vẫn có người chôn. Ở mình vẫn là người, phải là người mới được. Gã vui vui cất tiếng mồm tuông : « o, o, o, ma, ma, ma, mầu, ha, hau, ói ói, ói, là, là, là, ma, ma, mầu, hau, ói, ói, ói, ói... » Tiếng ca của gã lúc này ngân nga, hiu-hiu mãi như không muốn hết, vui vui nhẹ nhàng, bỗng trầm như tiếng sáo diều của phó Tếu trong những buổi chiều hè, gió nồm thổi êm êm vô-tận. Hôm sau, Nuôi-Sẻo thấy chị Tư đã đi vắng, gã nhìn Tư-Bường thấy lạ hẳn : người y không ra vẻ hốt hoảng, mệt mỏi gì nhưng mặt y hốc-bác, hai mắt quầng thâm, Gã vừa thấy y dằng dăm chiều được một lát thì lại thấy y đứng dậy xoa hai tay với nhau lấy làm lạ vì không thấy y xoa tay như thế này bao giờ. Khi Nuôi-Sẻo định đi ra thì Tư-Bường gọi gã lại, sai gã đi mua nửa chai rượu.

Tư-Bường uống được độ một chút thì gã cho Nuôi-Sẻo uống một chén và bảo « Mày đi kiếm con gà ăn chơi đi ». Y nói giọng vui vui như nửa đùa nửa thật chả khác gì giọng thằng Cầm khi đánh bầy được con gà đem về. Nuôi-Sẻo chưa hiểu gì thì Tư-Bường nói là gã đi đến bảo con mẹ Khán-Xoe bán chịu chó con gà. Nhưng Nuôi-Sẻo còn đứng ngần-ngờ ra đấy thì y đã chữa lại : « Bảo nó cho xin con con gà để nhấm rượu chơi ».

(còn nữa)

KENNETH WALKER LỊCH SỬ Y HỌC

bản viết văn của hà hợp nghiêm

(liếp theo)

William Harvey (1578 — 1657)

Sinh trưởng giữa một thời kỳ hoạt động của những ngành khoa học phụ thuộc y khoa. William Harvey theo học y khoa tại Cambridge. Vào thời ấy Trường Y khoa Đại học thuộc Viện Đại học Padoue rất nổi tiếng trong giới sinh viên ngoại quốc. Những kẻ nhiều tham vọng muốn mở rộng kiến thức về có phương tiện là tới tòng học tại đó ngay. Harvey may mắn có đủ tiền của để theo học tại Padoue trong bốn năm và tốt nghiệp y sĩ ở đây một cách vẻ vang vào năm 1602. Sau đó ông trở về Anh Cát Lợi và định tâm hành nghề ở Luân đôn.

Ông may mắn được bầu làm nhân viên ban giám đốc bệnh viện Saint - Bartholomew và được bổ nhiệm làm giảng sư về cơ thể học và giải phẫu ở Lumley. Nhờ vậy ông có dịp tiếp tục khảo cứu về hệ thống huyết quản mà ông luôn luôn chú ý tới. Người kế vị Vésale, Jérôme Fabrice, giáo sư của Harvey tại Padoue đã xuất bản một tác phẩm tựa là *De Venarum Ostiolis* (những van trong tĩnh mạch); Harvey đọc quyển sách ấy rất cẩn thận. Tuy nhiên Fabrice đó không chú ý tới sự quan trọng của những van nhỏ ở trong lòng tĩnh mạch. Ông cho rằng đó chỉ là những cơ nguyên tại chỗ nhờ đó những tĩnh mạch không bị nở rộng một cách thái quá.

Thật là một điều kỳ lạ nếu ta để ý rằng tất cả những bậc tiền bối của Harvey đã gần khám phá được sự tuần hoàn huyết, chỉ còn thiếu một nấc cuối cùng là toàn thể vấn đề sáng tỏ. Ngay từ thời Hippocrate người ta đã biết rằng các huyết quản thông với nhau và chính Hippocrate đã tuyên bố :

Tất cả những huyết quản rải rác khắp cơ thể, làm cho cơ thể sinh hoạt. dinh dưỡng và cử động, chỉ là

những chi nhánh của một mạch máu lớn.

Và Hippocrate nói tiếp :

Tôi không biết mạch máu ấy bắt đầu và chấm dứt ở đâu, bởi vì trong một vòng tròn không có khởi điểm và cũng không có chỗ tận cùng.

Nói một cách khác Hippocrate đã dùng danh từ « sự tuần hoàn huyết ». Vésale cũng đã khảo sát các van trong tĩnh mạch. Ông đã nhận xét một cách xác đáng rằng những động mạch chính dẫn máu đến một cơ quan đều có một tĩnh mạch đi cùng bên cạnh. Tuy nhiên trong tương quan giữa động mạch và tĩnh mạch, Hippocrate chỉ thấy ở đó một phương tiện để trao đổi, chất liệu. Vésale đó chứng tỏ được rằng những van lớn nằm ở hợp lưu của những mạch máu lớn khiến cho máu chảy theo một chiều duy nhất. Tuy nhiên sau khi đã đưa ra một nhận xét quan trọng như vậy ông không thể đi xa hơn được nữa. Lý thuyết cổ điển vẫn cho rằng máu từ nửa quả tim này sang nửa kia qua vách hai tâm nhĩ khiến cho Vésale không thể quan niệm sự tuần hoàn huyết là có thật. Jérôme Fabrice cũng mắc phải lỗi lầm ấy. Mặc dầu ông đã chứng tỏ rằng sự xếp đặt những van tĩnh mạch khiến máu phải chảy về tim: Fabrice vẫn tin tưởng rằng đó là những cái túi để đựng máu; nếu không có chúng thì máu sẽ đọng ở đầu ngón chân tay. Ý kiến đó có thể chấp nhận được nhất là nó lại phù hợp với lý thuyết của Galien giảng dạy.

Và lại nói đến sự tuần hoàn huyết cũng là một điều nguy hiểm. Michel Servet (1509 — 1553) một người Tây ban nha học cơ thể học ở Padoue đã trình bày lần đầu tiên lý thuyết về tiểu tuần hoàn trong một cuốn sách tựa là *Christianismi restitutio*.

Ông đã trình bày rằng máu do các động mạch phẩy đi tới phổi, ở đây nó trộn lẫn với *pneuma* (nghiã

KENNETH WALKER ★ LỊCH SỬ Y HỌC ★ KENNETH WALKER ★ LỊCH SỬ Y HỌC ★ KENNETH WALKER

là không khí bên ngoài) và trở về tim theo các tĩnh mạch phổi.

Năm 1553 Michel Servet lại quả quyết rằng vách tâm nhĩ không thể nào thấm qua được. Nhưng tất cả những sự kiện đó lại rơi vào phạm vi thần học mà những giáo dân thế phẫn theo Calvin không ưa một chút nào Servet bị thiêu trên dàn hỏa và khám phá ấy rơi vào lãng quên.

Và như vậy chính William Harvey đã bỏ khuyết bước cuối cùng cho sự suy luận. Ông cho rằng sự lưu thông của máu là một sự tuần hoàn. Trong mười bốn năm sự chú ý của Harvey đặt cả vào vấn đề hấp dẫn đó. Ông đã giải phẫu hệ thống huyết quản của tám mươi loài động vật khác nhau. Ngoài ra ông đã khảo sát những van tĩnh mạch và cũng thấy rằng chúng bắt buộc máu phải chạy theo một chiều về tim. Những van ở những động mạch lớn lại bắt máu chạy theo chiều ngược lại, nghĩa là từ tim chạy đi. Harvey hiểu rằng vách tâm nhĩ không thể thấm qua được. Mỗi một nhịp đập phía bên trái của tim lại đẩy ra một lượng máu và chứa một chỗ trống cho máu mới đến. Lượng máu kia sẽ đi đâu? Nó chỉ có thể chạy vòng tròn mà thôi.

Ngày 16-4-1616 Harvey thông báo phát kiến của mình trong một buổi diễn giảng ở Lumley. Bắt đầu ông nhắc lại những thử nghiệm khiến ông chắc được rằng tim là cơ quan để đẩy máu chạy, và những van đã được xếp đặt để cho máu chạy theo một chiều. Sau đó ông nói tới đoạn văn quan trọng nhất trong bài diễn giảng :

« Nhưng những điều tôi vừa trình bày với quý vị về phân lượng và nguồn gốc của máu rất là mới mẻ, không những tôi sợ rằng có nhiều người sẽ bị hiềm, mà còn run sợ khi tưởng tượng cả nhân loại chống lại tôi. Bởi vì thói quen cũ kỹ đã trở nên một bản ngã thứ hai. Một khi đã gieo hạt, giáo điều bắt rễ và sự tôn trọng di sản có ảnh hưởng tới khắp mọi người. Tuy nhiên số phận đã định đoạt, tôi trung thành với sự thật và sự thẳng thắn...

Vậy tôi đã tự hỏi có lẽ máu lưu thông, một sự lưu thông tuần hoàn. Sau đó tôi đã chứng tỏ điều ấy là đúng và cuối cùng, tôi nhận ra rằng dưới tác dụng của tâm thất tả, máu sẽ chạy đi khắp cơ thể, do tâm thất hữu máu chạy đến phổi qua động mạch phổi, máu chảy về tim do tĩnh mạch chủ và rồi lại trở về tâm thất tả ?

Harvey đã ấn hành phát kiến của ông trong tác phẩm tựa là *Exercitatio Anatomica de Motu Cordis et Sanguinis in Animalibus* (1628)

Trái hẳn với những lo ngại của ông, lý thuyết về sự tuần hoàn huyết được đa số các y sĩ chấp nhận. Nhưng bao giờ cũng có một thiểu số, đứng đầu là Jean Riolan và Guy Patin ở Pháp, không chịu từ bỏ quan niệm lỗi thời, và tìm cách bác bỏ những luận cứ của Harvey.

(Trong vở kịch « *Người Bệnh Trường* » của Molière, có một chi tiết lý thú phản ảnh những cuộc tranh biện giữa các y sĩ nước Pháp và đồng thời hai khuynh hướng chống đối. Molière để cho nhân vật Bác sĩ Diafoirus cha nói về người con cũng là y sĩ như sau :

... Nhưng nói cho cùng, điều làm tôi ưng ý nhất là con tôi đã biết noi theo gương tôi, nhất định tuân theo quan niệm của cổ nhân và không bao giờ để tai nghe những cái gọi là phát kiến của thế kỷ như là sự tuần hoàn huyết...

Harvey bị công kích không những vì lý thuyết về sự tuần hoàn huyết của ông, mà cả vì những liên lạc của ông với dòng họ Stuarts. Thật vậy, năm 1618 ít lâu sau khi đã xuất bản tác phẩm vĩ đại của ông, Harvey được bổ nhiệm làm y sĩ Đặc Biệt của Đức Vua James I, và sau đó ông chỉ hành nghề ở triều đình mà thôi. Một năm sau khi xuất bản quyển *De Motu Cordis*, ông tháp tùng quận công Lennox đi lục địa Âu châu. Năm 1663 ông tới Tô cách lan để dự lễ đăng quang của vua Charles I ở Holyrood. Những liên lạc của ông với dòng vua Stuarts càng ngày càng thân mật hơn. Ông đã tháp tùng nhà vua khi nhà vua chống lại Nghị viện ở Nottingham, nhưng ông trốn thoát được tới Derby trong vòng hai hay ba ngày để thảo luận với một y sĩ khác về những chứng bệnh của tử cung. Trong khi ông bận thảo luận những vấn đề chuyên môn ấy thì ở Luân-đôn quần chúng nổi loạn xông vào nhà ông, đập phá tất cả những sưu tập về y học và cơ thể học.

Năm 1642 Harvey tham dự chiến trận Edgehill. Ông được ủy thác trông nom hai hoàng tử trong lúc chiến cuộc tiếp diễn. Theo một giai thoại thì ông ngồi sau một bờ rào, chăm chú đọc một quyển sách, mãi đến lúc một trái đạn đại bác nổ ngang đầu ông mới thức tỉnh nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên ông không trở nên đối với các thương binh, vì có một người tên là Adrian Scope bị bỏ rơi ở chiến trường kể như đã tử trận, « đã bình phục nhờ bác sĩ William Harvey bắt từ »

(còn nữa)

Mạo hiểm trong hai thế giới

(ADVENTURES ON TWO WORLDS)

Nguyên tác của BB AJ CRONIN

Bác sĩ PHẠM-VĂN-LƯƠNG lược dịch

CHƯƠNG I

(tiếp theo)

tam cá nguyệt nào tôi cũng được điếm đầu. Tóm lại tôi quyết định xin giáo sư vào chức vụ phụ tá.

Lớp học đã tụ tập trong giảng đường giải phẫu, các dãy ghế đều chật, nhưng anh bạn tôi đã dành cho tôi một chỗ hàng đầu. Khi tôi ngồi sát vào cạnh anh, giảng đường huyền ảo chờ đợi, cảnh huyền ảo hơn khi bệnh nhân, một người đàn bà trung niên, đã được đánh thuốc mê do y công đẩy vào.

Tôi không phải là người xa lạ với khổ đau, nhưng khi thấy là bệnh nằm bất động, thở hỗn hển, đầu cạo trọc và bôi i-ốt giống như một trái bi da, tôi cảm động vô cùng vì trông bên ngoài của bà ta có một cái gì phủ phàng và phi nhân. Với một bản tính bi thảm hoàn toàn không có ở một người phụng sự khoa học, tôi bắt đầu ôn lại lịch trình bệnh lý của bà.

Thoạt đầu, trong khi đang làm công việc nhà — đón các con từ trường về, làm bữa ăn trưa cho chồng — bà nghe — một tiếng rung khẽ trong tai, giống như tiếng chuông đồ xa xa hay gió thổi qua lò sưởi một cảm giác kỳ lạ làm bà buồn cười. Vài tuần sau đó tiếng động cứ trở lại đều đặn khiến bà phải nhò vài giọt dầu nóng vào tai. Vẫn không thấy khá, hơn nữa cặp mắt bắt đầu chập choạng, không đọc được báo hằng ngày; à có lẽ phải thay cặp kính, chắc vậy! Bà đến ngay Bác sĩ nhãn khoa.

Nhưng không phải tại kính vì cặp mắt hơn cũng không giúp bà được gì cả, và bây giờ thì bà bắt đầu đồ quạu. Nhức đầu, ăn không ngon, trong khi đó cường độ của tiếng động trong tai tăng lên như tiếng tàu chạy qua đường hầm. Trời đất

ơì cái gì đây? Lo lắng bà tìm đến vị Bác sĩ của gia đình.

Bác sĩ nghe bà kể đầu đuôi câu chuyện một cách đầy cảm tình, đặt ông nghe lên ngực rồi gật gật đầu bảo bà: làm việc kiệt sức, lo cho các con nhiều quá mà quên nghĩ đến bà, bà cần ăn nhiều rau tươi, và thỉnh thoảng đi nghỉ cuối tuần ở bờ biển, Bác sĩ rửa tay cho bà và cho thuốc bổ.

Yên chí, bà cảm thuốc về nhà với rất nhiều hy vọng, Sáng hôm sau khi ngủ dậy bà thấy choáng váng, nghiêng ngửa, mắt thẳng băng và té xuống sàn nhà. Sau đó bệnh tình tiến triển một cách mau lẹ mặc dầu không biết bệnh gì. Cùng đi với chồng bà đến khám hết bác sĩ này đến bác sĩ khác. Mỗi vị đoán bệnh mỗi cách, nào là tại gan, thần kinh, tại dạ dày và mỗi vị cho mỗi thứ thuốc mới, nhưng thuốc nào cũng không có hiệu quả. Cuối cùng, tuyệt vọng, bà tìm đến nhà thương, ở đây bà được sự chăm sóc của một người vừa không phải ngu dốt vừa không phải lang băm. Bà được khám rất kỹ và rất khoa học với tất cả mọi cuộc thử nghiệm và những lời định mệnh được thốt ra: « Bướu trong đầu hy vọng duy nhất và mỏng manh nhất là phải mổ ngay ». Bà nhìn viên ánh đó với bao lo lắng hải hùng. Sau hết bà đành đầu hàng số phận, để cho lưỡi dao nhọn cắm vào đầu, lóc xương sọ và đục đến ngay sự sống.

Đột nhiên sự im lặng của giảng đường kéo tôi về thực tại. Giáo sư, không người hướng dẫn không báo trước, đương tiền vào với một vẻ oai nghiêm trầm lặng. Hối đồ giáo sư đã ngoài bảy mươi nhưng với vầng trán rộng, lưỡng quyền cao, nước da ngăm ngăm và làn tóc bạc xòa xuống

biểu lộ một sức mạnh bất khuất của tuổi trẻ. Chỉ cần nhìn giáo sư cũng đủ thấy ngay là một nhân vật vĩ đại. Thực vậy gần ba mươi năm nay giáo sư được thừa nhận là một giải phẫu gia về đầu hay nhất Âu châu, sinh viên chúng tôi đa số số sảng và vô lễ rất thương yêu và kính phục giáo sư. Chúng tôi thường nhắc lại với đầy cảm tình những giải thoại chung quanh tên người.

Ông đã mặc áo mổ xong, sau khi xem xét phim quang tuyến ông quay lại lớp học. Giọng của ông dịu dàng và mạch lạc, cách thức của ông lịch sự, kiểu mẫu của lễ phép.

« Các bạn, hôm nay có một trường hợp đáng chú ý mà chúng tôi tin chắc là triệu chứng của bướu ở trong đầu »

Ông ngừng lại đưa mắt nhìn quanh rồi hướng về phía tôi có lẽ vì tôi ngồi cuối hàng đầu.

« Những triệu chứng đó như thế nào ? »

« Nhức đầu ghê gớm, ói mửa không có lý do, không liên quan đến sự ăn uống và choáng váng mặt mày ».

« Tiếp tục »

« Thường thường có viêm thần kinh thị giác với đáy mắt bị sưng. Độ viêm này giúp ta biết được phần nào vị trí của bướu ».

« Còn nếu bướu nằm ở tiểu não ? »

« Lời nói sẽ chậm và lắp bắp, đầu thường rút lại, bệnh nhân thường ưa ngã về phía chiều, với phía có bướu. Có thể bị bán thân tê liệt »

« Bệnh trạng sẽ biến chuyển như thế nào ? »

« Bệnh trạng rất nguy. Những bước nằm ở đáy não, mặc dù giới hạn, nhưng rất khó lấy. Bệnh nhân có thể chết vì xuất huyết bất thần, ngạt thở, trung tâm sinh hoạt bị dồn ép ».

« Giỏi lắm tôi có lời khen anh ».

Tôi cố gắng để tỏ ra chăm chú, thực ra trong lúc đó tôi muốn làm cho giáo sư lưu tâm đến ý chí và hiệu năng của tôi. Tôi nghĩ rằng đây là một dịp may hiếm có.

Bây giờ tiếng thở dịu dàng của bệnh nhân đã bắt đầu dịu xuống, người y-tá kẹp miếng vải mổ sát trùng cuối cùng quanh cổ bệnh nhân ; giáo sư nhìn mê tủy viên và bước lại bàn mổ.

Giống như nhà nghệ sĩ vẽ phác, giáo sư cầm dao rạch da. Một cách lẹ làng ông lật da đầu lên để lộ xương sọ lóng lánh, xong ông bắt đầu khoan. Công việc rất khó nhọc vì giáo sư không dùng khoan điện. Nếu giáo sư có một khuyết điểm nào thì đó là việc ông chê không dùng những dụng cụ tân tiến mà chỉ dùng những dụng cụ đơn sơ cùng với tài năng siêu việt của ông.

Khoan xong ông lấy mảnh xương ra ; để lộ màng não hồng với nhiều tia máu như cánh bướm. Một cách khéo léo ông lật lớp màng đó lên nhưng hình như lỗ khoan nhỏ quá nên ông bình tĩnh mở rộng thêm. Tôi nín thở khi kim thép găm vào xương sọ, đặt mạnh làm rung rinh đến tận xương sống cổ. Khi ông lấy xong màng não lớp học thở ra nhẹ nhõm. Lăn với chất trắng của não là chất xám và đỏ của bướu. Dưới tia sáng của đèn rơi đeo trên trán giáo sư, cái bướu với các kẹp chung quanh trông như một đóa hoa nguy hiểm hay như con vật kỳ dị ở biển, con hải quỳ mà những cánh dài sẽ đem lại chết chóc bằng cách siết mạnh.

Bây giờ giáo sư bắt đầu gỡ từ từ các rễ bước ra khỏi não, công việc này nếu không khéo có thể làm bệnh nhân chết ngay. Ôi biết bao khả năng, khéo léo phán đoán, trực giác và can đảm được đem ra dùng ở đây...! Chúng tôi quan sát và say mê như là giáo sư chạm đèn và làm rung lên sợi dây mầu nhiệm của sự sống. Lòng tôi bối rối ao ước những gì đã giúp giáo sư tầm tiếng như vậy. À phải rồi cần... cố gắng, cố gắng và cố gắng.

Sau hết, mọi việc đều hoàn tất, cái bướu lớn bằng quả lựu, rí mầu đỏ, đã tách ra hoàn toàn và được người y-tá lấy đi trong một tầm ga. Một cách mau lẹ và khéo léo ngoài sức tưởng tượng giáo sư đốt các mạch máu, cắt các cái kẹp, lấp lại màng óc. Da đầu được may lại, và mặc dù bệnh nhân hơi tỏ ra bị « chạm » cũng được tiếp nước suối. Sau đó giáo sư buộc mũi giây cuối cùng.

« Cám ơn các bạn, sáng nay thế là xong. Trong ba ngày có lẽ phải hút các chất nước ra. Ngoài điều đó, chúng tôi chờ đợi một sự bình phục thông thường ».

Bệnh nhân, đầu quấn băng, được người phụ giải-phẫu và hai y-tá đẩy ra. Lớp học bắt đầu

rời giảng đường, im lặng như còn bị thu hút, chứ không phải ồn ào như mọi khi. Chốc nữa có lẽ câu chuyện sẽ nở như gạo rang. Buổi chiều khi giáo sư xuất hiện ở phòng học, cả lớp sẽ hoan hô. Nhưng bây giờ sự im lặng là một dấu hiệu tôn kính.

Để cho các bạn đi ra, tôi ngồi lại làm bộ như ghi phép nhưng thực tình là đang tập trung sức lực để cố gắng thực hiện dự định. Mẽ túy viên đứng dậy, đuổi người, lấy một điều thuốc và bước ra. Giáo sư với sự giúp đỡ của chị y-tá, đang yên lặng rửa tay, không tỏ một dấu gì mệt nhọc hay căng thẳng tuồng như sự biểu diễn tuyệt đẹp vừa rồi chỉ là một việc thường. Ngay lúc đó chị y-tá đi ra và giáo sư còn lại một mình.

Tôi thở mạnh và đi thẳng lên.

« Xin giáo sư cho phép tôi được hầu chuyện một lúc » Ông vừa lau tay vừa quay lại.

« Cứ tự nhiên chúng tôi bao giờ cũng sẵn sàng nghe các bạn trẻ ».

Giọng nói êm dịu và cái nhìn khoan dung của ông làm cho tôi vững dạ. Nói cho cùng thì tôi đã tỏ ra xuất sắc trong các kỳ thi ; trong giảng đường, các câu trả lời của tôi có vẻ làm cho ông chú ý và hơn một lần trí tưởng tượng dồi dào của tôi đã làm cho ông mỉm cười, Tất cả những gì tôi cần là một địa vị thấp nhất trong bản giấy của ông. Tập trung can đảm, tôi trình bày ước nguyện.

(còn nữa)

Hộp thư

★ **Tòa soạn đã nhận được các thi phẩm của :** Bùi thị Kim Anh (Tình đầu), Trần yên Thảo (niềm thương xứ sở), Hoàng đình Huy Quan (lời phủ dụ mùa xuân) Từ diễm Phương (anh nuôi tình đầu) Quang Hoài (lời sa mạc) Chu trăm nguyên minh (chiến tranh, về tình nhỏ, tình yêu của tháp) Phan xuân Thuận (Đêm hòa châu, sông Cửu sông Hồng, Xuân Thì, Biểu tình, Lũng Sầu).

★ **Bạn Song Nguyên Hoài Thảo :** Đã nhận được các thi phẩm của bạn và các văn hữu của bạn trong phong bì lớn — Đang xem.

★ **Bạn Thanh Hải :** Đã nhận được bài quan điểm « Chính quyền Dân cử, sinh lộ của nhân dân miền Nam Nước Việt ». Đã chuyển đến Ban quan điểm — Thân ái.

TÌNH THƯƠNG DỜI TÒA-SOẠN

Bắt đầu từ ngày 25-3-1966, tòa soạn TÌNH THƯƠNG đã dời địa chỉ :

TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG

25-27 Tạ Thu Thâu Saigon

Điện thoại : 20.678.

Mọi liên lạc xin gửi về địa chỉ trên

Tin mừng

Tòa soạn Tình thương xin chân thành chia vui cùng Bác Sĩ **LÊ-VĂN-CHÂU Y** sĩ trưởng tiểu đoàn 6 Nhảy Dù (thị sĩ **TRANG CHÂU**) nhân ngày đính hôn của anh với Á hậu **HOÀNG KIM-UYÊN**.

TÒA SOẠN TÌNH THƯƠNG